

Số tháng Tám, 2024

01.08.2024

LUẬT KHOA

tạp chí

NGUYỄN PHÚ TRỌNG VÀ DI SẢN CHỐNG NGÔN LUẬN

Nguyễn Phú Trọng:
một đời gác đèn
và đốt lò

Lòng dân
định hướng
xã hội
chủ nghĩa

Khi các nhà
độc tài chết



Ảnh: Kham/ Reuters; Dirk Spijkers;
Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

Luật Khoa Tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoàn Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
docgia@mail.luatkhoa.com

© Từ 2014

Luật Khoa Tạp chí
Số tháng Tám, 2024
Phát hành ngày 01/08/2024.

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa Tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN:

Báo chí và Nguyễn Phú Trọng

Báo chí phải công bằng, trung thực, không thiên vị, luôn làm hết sức mình để tiệm cận sự thật. Đó là những nguyên tắc rường cột của báo chí, nhất là những ai tuyên xưng làm báo độc lập và chất lượng. Chuyện nguyên tắc ai cũng nói được, thậm chí nói hay. Các quan kiểm duyệt ở ta, hay những nhà truyền mang danh nhà báo, và cả những nhà báo độc lập đều nói chừng ấy câu chuyện. Làm mới khó.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam loan tin tổng bí thư của họ là Nguyễn Phú Trọng qua đời vào chiều tối ngày 19/7/2024, các báo nhà nước đồng loạt đổi sang giao diện website đen trắng và thay avatar đen trắng trên mạng xã hội. Nhất loạt làng báo nhà nước quỳ lạy và khấn vái xì xụp trước bàn thờ Nguyễn Phú Trọng. Không ai còn nhận ra tờ báo nào nữa, vì tất cả đã biến thành cáo phó và điều văn. Đó là điều họ đã không làm ngay cả khi hàng chục nghìn người chết trong đại dịch COVID-19 lịch sử. Tôi không nói là họ nên làm trong đại dịch, mà tôi chỉ so sánh hai cái chết với nhau.

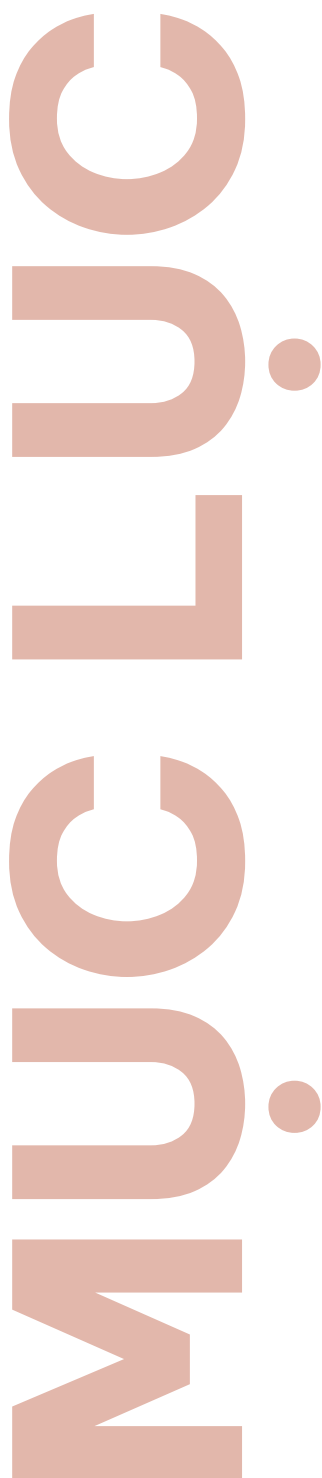
Trớ trêu thay, họ để tang và khóc thương một người đã dành cả đời mình để bóp hầu bóp họng báo chí. Như bạn đọc sẽ thấy trong số báo này, Nguyễn Phú Trọng xứng đáng đi vào lịch sử với tư cách là một nhà độc tài và một nhà kiểm duyệt đã bắt báo chí nhà nước phải quay xe trở lại với thân phận thuần túy công cụ, sau khoảng hai thập niên đưa nở và phần nào được cời trối. Tụng ca một nhà kiểm duyệt trên mặt báo là biểu hiện không thể rõ ràng hơn của một nền báo chí công cụ.

Với báo chí độc lập, dưới thời Nguyễn Phú Trọng, chính quyền đã thủ tiêu gần như gọn gàng những tòa soạn vốn đã ít ỏi, đồng thời bắt bỏ tù gần như mọi nhà báo độc lập ở trong nước. Và khi các báo độc lập lên án di sản độc tài của Nguyễn Phú Trọng, rất nhiều độc giả đã phản ứng dữ dội và tỏ ra rất thất vọng. Luật Khoa tạp chí cũng không thoát khỏi làn sóng công kích đó.

Dĩ nhiên, không phải vì bị đàn áp mà báo chí độc lập nên bỏ rơi nguyên tắc công bằng của mình. Rồi đây, báo chí độc lập sẽ phải đi tìm sự thật về Nguyễn Phú Trọng, về động lực cầm quyền của ông, về gia đình và những đồng chí xung quanh ông. Câu hỏi ông có thực sự trong sạch hay không là câu hỏi mà những người làm báo có trách nhiệm không thể chỉ gần giọng lên phán “có” hoặc “không”. Cái công chúng cần là bằng chứng, là những lời khai được kiểm chứng, là những dữ liệu đáng tin cậy mà cả báo chí nhà nước lẫn báo chí độc lập hiện nay đều không thể cung cấp.

Và lại, ngay cả câu hỏi liệu Nguyễn Phú Trọng có thực sự là thủ phạm đàn áp báo chí hay không cũng là đề tài mà báo chí độc lập sẽ còn phải trở đi trở lại trong hàng thập niên tới, mặc dù mọi bằng chứng cho tới nay đều chỉ về ông.

Trịnh Hữu Long
Tổng biên tập



04 *Trần Phương*
Nguyễn Phú Trọng: Một đời
gác đèn và đốt lò

12 *Trịnh Hữu Long*
Nguyễn Phú Trọng và di sản
chống ngôn luận

20 *Trịnh Hữu Long*
Lòng dân định hướng xã hội
chủ nghĩa

24 *Trần Bình Thân*
Khi các nhà độc tài chết

28 *Vũ Liên*
Quan cấm, quan cho,
quan thương, quan giúp...

31 *Nguyễn Hạnh*
Từ Cộng hòa đến Cộng sản:
Công đoàn từng độc lập
ra sao?

38 *Hoàng Dạ Lan*
Xây dựng nhà nước Đệ
nhị Cộng hòa - Kỳ 1: Định
hình hai nhánh quyền lực
Tổng thống và Quốc hội

42 *Hoàng Dạ Lan*
Xây dựng nhà nước Đệ nhị
Cộng hòa - Kỳ 2: Có gì ở
kỳ Quốc hội đầu tiên?

46 *Hoàng Dạ Lan*
Xây dựng nhà nước Đệ nhị
Cộng hòa - Kỳ 3: Quốc hội
làm gì?

50 *Hoàng Dạ Lan*
Xây dựng nhà nước Đệ nhị
Cộng hòa - Kỳ 4: Việt Nam
Cộng hòa thất bại trước
cộng sản, vì sao vậy?

55 *Lê Vạn Hoa*
“Cái đó Mỹ” và khao khát
nền giáo dục dân tộc thời
Việt Nam Cộng hòa

- 58** *Nguyễn Hạnh*
Mại dâm thời Việt Nam Cộng hòa - Kỳ 1: Lính Mỹ, Saigon Tea và “bar girl”
- 66** *Nguyễn Hạnh*
Mại dâm thời Việt Nam Cộng hòa - Kỳ 2: Số phận của con lai
- 71** *Phong Cẩm*
Việt Nam hợp tác với Trung Quốc về an ninh mạng như thế nào?
- 75** *Nguyễn Quốc Tấn Trung*
Vì sao bây giờ Việt Nam mới ứng cử vào Tòa án Quốc tế về Luật Biển?
- 78** *Emma Dương*
Điều gì quyết định sự sống còn của một nền dân chủ?
- 82** *Đỗ Thi*
Nền dân chủ ẩn mình chờ thời ở Trung Quốc: Từ phân tích Quyết định năm 2013
- 90** *Bảo La*
Độc sách cùng Đoàn Trang
Chuyến du hành của một nhà báo tới thế giới mại dâm ở Campuchia
- 95** *Trọng Phụng*
Độc sách cùng Đoàn Trang
Lục Xì - tác phẩm báo chí dữ liệu đáng đọc về nghề mại dâm thời Pháp thuộc
- 97** *Bảo La*
Độc sách cùng Đoàn Trang
Hiện thực khốc liệt qua tiểu thuyết “Cây tỏi nổi giận” của Mạc Ngôn
- 99** *Bảo La*
Độc sách cùng Đoàn Trang
“Ba người khác”: Tô Hoài viết về Cải cách Ruộng đất

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: MỘT ĐỜI GÁC ĐÈN VÀ ĐỐT LÒ

Trần Phương

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#)
ngày 19/07/2024.

Lớn lên trong một gia đình nông dân giữa thời chiến, đứng đầu một cơ quan lý luận trung ương trong thời kỳ Đổi Mới, trở thành người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam với một nghị

trình bảo thủ, Nguyễn Phú Trọng thường được dân gian gọi là “người cộng sản cuối cùng”.

Người cộng sản cuối cùng đó được tuyên bố chết vào ngày 19/7/2024, hưởng thọ 80 tuổi, khi đang ở đỉnh cao quyền lực.



Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

NGƯỜI GÁC ĐÈN

Xuất thân bần nông

Nguyễn Phú Trọng sinh ngày 14/4/1944 tại xã Đông Hội, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. [1] Ông là con út trong một gia đình bần nông có bốn anh, chị em.

Ông học sáu năm cấp hai và cấp ba (1957-1963) tại trường Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội. [2] Năm 1963, chính quyền miền Bắc khuyến khích học sinh không cần thi đại học mà về phục vụ quê nhà hoặc ra chiến trường. [3] Tuy nhiên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị trường Nguyễn Gia Thiều nên có học sinh thi đại học. Một số người đã đăng ký dự thi, trong đó có Nguyễn Phú Trọng. Ông đỗ vào khoa Văn của Đại học Tổng hợp.

Xuất thân bần nông, có thành tích học tập tốt và thể hiện tình cảm sâu sắc với đảng, Nguyễn Phú Trọng đã có một điểm xuất phát vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp chính trị của mình.

Nhà lý luận

Tạp chí Cộng sản là nơi ông Nguyễn Phú Trọng bắt đầu sự nghiệp của mình và cũng là nơi ông làm việc lâu nhất với gần 30 năm. Chính cơ quan này đã đưa ông vào Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (BCHTW).

Tạp chí Cộng sản do Ban Thường vụ Trung ương Đảng thành lập vào năm 1943, do Tổng Bí thư Trường Chinh giữ chức chủ nhiệm kiêm chủ bút. [4] Đây được xem là cơ quan lý luận của BCHTW.

Vào năm 1950, nhiệm vụ của cơ quan này là giáo dục tư tưởng Mác - Lênin, giải thích đường lối, chủ trương của đảng, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho các đảng

viên. Năm 1955, Tạp chí Cộng sản được đổi tên thành Tạp chí Học tập. Từ cuối năm 1967, Nguyễn Phú Trọng là cán bộ Phòng Tư liệu. Một năm sau, ông trở thành cán bộ biên tập Ban Xây dựng Đảng của tạp chí.

Từ năm 1973 - 1976, ông là nghiên cứu sinh tại trường đảng Nguyễn Ái Quốc, nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Sau đó, ông được cử sang Liên Xô và làm luận án tiến sĩ ngành xây dựng đảng vào năm 1981.

Năm 1983, ông trở về nước và giữ chức phó ban Xây dựng Đảng tại Tạp chí Cộng sản (tên mới của Tạp chí Học tập). Hoạn lộ của ông kể từ đây như điều gặp gió. Đến năm 1985, ông giữ chức phó bí thư đảng ủy của tạp chí này, chính thức gia nhập ban lãnh đạo của một cơ quan trung ương.

Bảo vệ chủ nghĩa xã hội

Vào thập niên 1980, Việt Nam đứng trước rất nhiều thách thức, chế độ cộng sản lặn nền kinh tế gần như đứng bên bờ vực sụp đổ. Ảnh hưởng của nền kinh tế bao cấp đã làm đất nước lạc hậu, kiệt quệ, lạm phát phi mã, thiếu thốn lương thực, thất nghiệp triền miên. Trong thời kỳ này, Tạp chí Cộng sản được cho là phải đứng ở tuyến đầu để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuối năm 1988, ông Nguyễn Phú Trọng trở thành bí thư đảng ủy của Tạp chí Cộng sản. Lúc đó, cơ quan này bắt đầu đổi mới chủ trương hoạt động nhằm trở thành một tờ báo cởi mở hơn trong việc thảo luận, phân tích đường lối, chính sách để bảo vệ đảng. Năm 1989, Tạp chí Cộng sản đã đưa ra lập luận trấn an về sự sụp đổ của hệ thống cộng sản tại Đông u: “Sự sụp đổ của một số chế độ xã hội chủ nghĩa không thể coi là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội vẫn là lý tưởng và niềm tin của đông đảo những người lao động trên thế giới”. [5]

Từ năm 1991, ông Nguyễn Phú Trọng, lúc này 47 tuổi, trở thành tổng biên tập của Tạp chí Cộng sản. Tờ tạp chí tiếp tục nhiệm vụ bảo vệ tư tưởng Mác - Lênin, khẳng định con đường đi lên xã hội chủ nghĩa của đảng cũng như chống diễn biến hòa bình và các thế lực thù địch.

tư vấn cho đảng về lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và chủ nghĩa xã hội, đồng thời định hướng, hoạch định các chính sách, chuẩn bị văn kiện cho đại hội đảng toàn quốc.

Từ năm 2001 - 2006, ông Trọng được điều động làm bí thư Thành ủy Hà Nội kiêm chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

CHÍNH TRỊ TINH HOA

Tiến thân vào Bộ Chính trị

Tại Việt Nam, cánh cửa duy nhất để gia nhập tầng lớp chính trị tinh hoa là đặt chân vào BCHTW, đồng nghĩa với cơ hội trở thành ủy viên Bộ Chính trị.

Nguyễn Phú Trọng không phải là ngoại lệ. Tháng 1/1994, tại hội nghị giữa nhiệm kỳ, BCHTW khóa VII đã bầu bổ sung nhân sự thay cho những ủy viên bị kỷ luật hay tự xin nghỉ vì không đủ sức khỏe. Có 20 ủy viên được bầu mới, trong đó có Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản Nguyễn Phú Trọng, 50 tuổi.

Tháng 8/1996, ông được điều động làm phó bí thư Thành ủy Hà Nội kiêm trưởng Ban Cán sự Đại học và trực tiếp phụ trách Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội.

Cuối năm 1997, nhiều ủy viên xin rút khỏi Bộ Chính trị khóa VIII, trong đó có Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Lê Đức Anh và Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Ông Nguyễn Phú Trọng, 53 tuổi, được bầu bổ sung vào cơ quan này. Trước đó vài tháng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Tấn Dũng cũng bắt đầu tham gia Bộ Chính trị. [6] Số phận về sau sẽ đẩy hai người này trở thành đối thủ chính trị lớn nhất trong sự nghiệp của nhau.

Tháng 2/1998, Nguyễn Phú Trọng làm phó chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, phụ trách về tư tưởng, văn hóa và khoa giáo của đảng. Hội đồng này có nhiệm vụ

Tháng 6/2006, tại kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XI (2002 - 2007), ông Trọng, 62 tuổi, được bầu làm chủ tịch Quốc hội thay cho ông Nguyễn Văn An. [7] Cũng trong kỳ họp này, ông Nguyễn Tấn Dũng được bầu làm thủ tướng Chính phủ. Vào cuối năm 2006, Quốc hội đã phê chuẩn thủ tục cuối cùng để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Làm mới Quốc hội

Quốc hội Việt Nam là cơ quan hợp thức hóa các chủ trương, đường lối điều hành đất nước của đảng. Một người giữ vai trò lý luận, tư vấn chủ trương, đường lối của đảng như ông Nguyễn Phú Trọng có lợi thế rất lớn ở vị trí này.

Ông rất chú trọng vào việc đổi mới hoạt động của Quốc hội, tiếp nối xu hướng hiện đại hóa Quốc hội khi đó. Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, đồng thời thành lập mới các ủy ban Pháp luật, Tư pháp, Kinh tế, Tài chính. [8]

Quốc hội khóa XII dưới sự điều hành của ông được cho là hoạt động ngày càng dân chủ và gần dân hơn, nhất là qua các hoạt động chất vấn trực tiếp lãnh đạo nhà nước tại hội trường hay giám sát chuyên đề. [9] Một trong những điểm mới của Quốc hội khóa này là giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri.

Quốc hội khóa XII đã thông qua 67 luật, nổi bật là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp

luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Trở thành tổng bí thư

Vào cuối khóa X, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sẽ thôi tham gia BCHTW sau hai nhiệm kỳ. Chức vụ tổng bí thư được dự kiến sẽ rơi vào một trong ba người: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

Vào lúc này, một số chuyên gia nhận định nhánh Chính phủ của ông Dũng nhờ vào thành tích phát triển kinh tế đã thu tóm được nhiều quyền lực hơn. [10] Tuy nhiên, ứng cử viên sáng giá lại là ông Trọng, người có uy tín của một kẻ gác đèn cho chế độ.

Ngày 18/1/2011, tại Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XI, BCHTW đã bầu ông Nguyễn Phú Trọng, 67 tuổi, làm tổng bí thư.

Hoạn lộ của ông Trọng tới đây bước vào thời kỳ đỉnh cao.

ĐỈNH CAO CHÓI LỢI

Sửa đổi Hiến pháp

Trong kỳ họp thứ hai vào tháng 7/2011, BCHTW khóa XI đã thảo luận về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992. [11]

Tại kỳ họp thứ năm vào tháng 5/2012, BCHTW đã tổng kết Hiến pháp năm 1992 và xác định quan điểm về việc ban hành Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Hiến pháp 2013 sẽ tiếp tục khẳng định quyền lãnh đạo toàn diện của đảng đối với đất nước, làm rõ hơn nữa quyền lãnh đạo này của đảng, tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. [12] Ngày 28/11/2013, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, hợp hiến hóa việc thu hồi đất vì lý do phát triển kinh tế - xã hội, thiết lập cơ

chế đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cơ chế bảo vệ Hiến pháp. [13]

Loại bỏ đối thủ

Sau cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII năm 2011, Nguyễn Tấn Dũng và Trương Tấn Sang vẫn tiếp tục lần lượt giữ chức thủ tướng và chủ tịch nước, còn chủ tịch Quốc hội là ông Nguyễn Sinh Hùng.

Cũng trong kỳ họp vừa nêu, Bộ Chính trị đã thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do ông Trọng làm trưởng ban.

Sau khi đại án tham nhũng Vinashin bị phanh phui, Bộ Chính trị đã nhận trách nhiệm và đề xuất kỷ luật một ủy viên Bộ Chính trị nhưng lại không nêu danh tính tại kỳ họp thứ sáu của BCHTW vào năm 2012. [14] Ông Trương Tấn Sang đã gọi người này là “đồng chí X”. Tuy nhiên, ai cũng biết “đồng chí X” là Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

BCHTW quyết định không kỷ luật tập thể Bộ Chính trị và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, mà chỉ yêu cầu sửa chữa, khắc phục hậu quả.

Tại Đại hội Đảng lần thứ XII vào tháng 1/2016, BCHTW đã bầu ông Nguyễn Phú Trọng tiếp tục giữ chức tổng bí thư. [15] Vào lúc này, hơn một nửa ủy viên Bộ Chính trị khóa cũ đã bị loại bỏ, trong đó có đối thủ chính trị lớn nhất của ông là Nguyễn Tấn Dũng.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIV năm 2016, ông Nguyễn Xuân Phúc chính thức giữ chức thủ tướng Chính phủ, bà Nguyễn Thị Kim Ngân làm chủ tịch Quốc hội, Trần Đại Quang trở thành chủ tịch nước. [16] Bộ trưởng Công an Tô Lâm cũng gia nhập Bộ Chính trị và trở thành ngôi sao mới trên chính trường.

Tổng Bí thư đầu tiên bước chân vào Nhà Trắng

Về nguyên tắc, tổng thống Mỹ không bao giờ tiếp lãnh đạo một đảng phái của nước khác ở Nhà Trắng. Nghi thức này chỉ dành cho lãnh đạo của chính quyền. Chưa từng có nhà lãnh đạo nào của Đảng Cộng sản bước chân vào đây, cho tới khi Nguyễn Phú Trọng phá được cái lệ đó vào năm 2015.

Tháng 7/2015, trong bối cảnh chính quyền Barack Obama đang chủ trương “xoay trục” đối ngoại về châu Á và cuộc đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương đang được gấp rút tiến hành, Tổng Bí thư Trọng đã được Tổng thống Obama tiếp ở Nhà Trắng như một nguyên thủ. [17] Chuyến thăm này được hiểu như một sự thừa nhận của Mỹ đối với thể chế chính trị độc tài của Việt Nam, đồng thời củng cố địa vị của Nguyễn Phú Trọng trong cuộc so đo quyền lực với Thủ tướng Dũng trước thềm đại hội đảng năm 2016.

Chiến dịch đốt lò

Dưới nhiệm kỳ thứ hai của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2016 - 2021), hàng loạt quan chức lớn đã bị khai trừ khỏi đảng và bị xử lý hình sự.

Năm 2017, BCHTW đã kỷ luật, cách chức ủy viên Bộ Chính trị đối với ông Đinh La Thăng do hàng loạt sai phạm lớn tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí. [18] Trong vụ án này, Trịnh Xuân Thanh là một trong những người liên quan và đã bỏ trốn sang Đức nhưng bị công an Việt Nam bắt cóc về vào tháng 7/2017. [19] Sự kiện bắt cóc chấn động này khiến Đức đóng băng quan hệ ngoại giao với Việt Nam trong vài năm. Đến cuối năm 2017, ông Thăng bị bắt tạm giam.

Cuộc chiến chống tham nhũng của ông Trọng được ví là chiến dịch “đốt lò”. Nhiều quan chức lớn phải ra tòa và chịu án như Phó Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Tất Thành Cang (14,5 năm tù giam), Bộ trưởng Bộ Thông tin - Truyền thông Nguyễn Bắc Sơn (chung thân), và người kế nhiệm ông

Son - Trương Minh Tuấn (14 năm tù giam). [20] [21] [22]

Ngoài ra, nhiều quan chức cũng bị kỷ luật công khai, ví dụ như cựu bí thư Thành ủy TP. HCM, nguyên ủy viên Bộ Chính trị khóa XI Lê Thanh Hải đã bị kỷ luật cắt chức sau khi nghỉ hưu. Hàng loạt quan chức cấp tỉnh, công ty nhà nước, quân đội, công an cũng đã bị kỷ luật công khai hoặc khai trừ khỏi đảng. [23]

Vào tháng 10/2018, sau khi Chủ tịch nước Trần Đại Quang đột ngột qua đời, ông Trọng đã được Quốc hội bầu kiêm giữ chức chủ tịch nước. Ông trở thành người đầu tiên cùng lúc nắm giữ hai chức vụ này. Nhiều ý kiến cho rằng đây là chỉ dấu Việt Nam có thể bắt đầu thời kỳ nhất thể hóa hai vị trí lãnh đạo đảng và nhà nước như mô hình Trung Quốc. Nhưng vào tháng 4/2021, ông Trọng thôi chức chủ tịch nước, nhường lại vị trí này cho ông Nguyễn Xuân Phúc.

Siết chặt kiểm soát xã hội

Về hoạt động lập pháp, nhiệm kỳ thứ hai của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thông qua nhiều bộ luật đáng chú ý và gây tranh cãi như Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016 với nhiều quy định kiểm soát quyền tự do tôn giáo; Luật An ninh mạng 2018 mở ra thời kỳ tăng cường kiểm soát, giới hạn tự do Internet. Ngoài ra, dự thảo Luật Đặc khu dù không được thông qua cũng đã tạo ra làn sóng biểu tình rộng khắp vào năm 2018.

Bên cạnh đó, không gian báo chí bị thu hẹp đáng kể.

Về phía báo chí độc lập, nhóm năm thành viên của Báo Sạch bị bỏ tù với các mức án từ 2 - 4,5 năm, nhà báo và nhà hoạt động dân chủ Phạm Đoan Trang bị tuyên án chín năm tù giam, ba lãnh đạo của Hội Nhà báo Độc lập bị tuyên án 11 - 15 năm tù giam. [24] [25] [26] Nhiều nhà báo khác cũng bị sách nhiễu, giam cầm.

Báo chí nhà nước cũng chịu sức ép rất lớn từ chính sách quản lý báo chí mới, nổi bật trong đó là quyết định năm 2019 về quy hoạch và quản lý báo chí đến năm 2025 của Chính phủ. [27] Quy hoạch này được ban hành dựa trên ý kiến Bộ Chính trị và Ban Bí thư, nhằm tái khẳng định quyền kiểm soát toàn diện của đảng đối với báo chí và vai trò của báo chí là phục vụ đảng, chống lại xu hướng “tư nhân hóa” và “báo hóa tạp chí”. Kết quả là hàng loạt cơ quan báo chí bị sáp nhập hoặc buộc phải đi tìm cơ quan chủ quản mới.

Theo Ân xá Quốc tế, số tù nhân lương tâm của Việt Nam, tức những người bị đàn áp về tự do tôn giáo, báo chí, ngôn luận, đã tăng từ 84 lên đến 170 người trong khoảng thời gian 2016 - 2021. [28] Một số nền tảng mạng xã hội như Facebook hay YouTube bị bắt phải hợp tác với chính quyền Việt Nam để kiểm duyệt các nội dung nhạy cảm về chính trị.

Thật khó để kỳ vọng một người như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, một người không chỉ nghiên cứu lý luận mà còn tin tưởng vững chắc vào chủ nghĩa xã hội, có thể cởi mở với các xu hướng tự do. Sự quan tâm lớn nhất của ông dưới nhiệm kỳ thứ hai của mình chính là thanh trừng tham nhũng và giữ vững chế độ.

Lo ngại về sức khỏe

Vào tháng 4 - 5/2019, ông Trọng đột ngột biến mất trên các phương tiện truyền thông trong khoảng một tháng. [29] Dư luận đồn đoán rằng ông bị đột quỵ trong một chuyến công tác ở Rạch Giá (Kiên Giang). Nhiều dấu hiệu sau khi ông trở lại cho thấy sức khỏe của ông giảm sút.

Đây sẽ không phải là lần đầu tiên ông biến mất vì lý do sức khỏe. Nhiều hình ảnh sau này cũng cho thấy ông đi đứng chập chững nhưng truyền thông nhà nước không đăng bất kỳ thông tin nào về bệnh trạng của ông.

“Trường hợp đặc biệt”

Vào tháng 2/2021, sau khi Đại hội Đảng lần thứ XIII bầu ra BCHTW mới, cơ quan này đã bầu ông Nguyễn Phú Trọng tiếp tục giữ chức tổng bí thư lần thứ ba liên tiếp. [30]

Đây là sự kiện chưa từng có kể từ sau thời Lê Duẩn làm tổng bí thư (1960-1986). [31] Việc ông Trọng được bầu làm tổng bí thư nhiệm kỳ thứ ba không những trái Điều lệ Đảng (vốn giới hạn hai nhiệm kỳ) mà còn trái với quy định về giới hạn độ tuổi (65 tuổi) cho các chức danh lãnh đạo đảng. Một lần nữa, Nguyễn Phú Trọng chứng tỏ mình là một người đặc biệt, với năng lực chính trị vượt lên trên các luật lệ thông thường và luôn sẵn sàng tạo ra tiền lệ mới. Sau đại hội này, dự kiến chức thủ tướng do ông Phạm Minh Chính đảm nhiệm; ông Nguyễn Xuân Phúc trở thành chủ tịch nước và ông Vương Đình Huệ làm chủ tịch Quốc hội. Thông thường, sau đại hội đảng sẽ diễn ra tổng tuyển cử bầu Quốc hội mới, và Quốc hội khóa mới sẽ hợp thức hóa các vị trí lãnh đạo nhà nước. Nhưng, tới đây, một việc chưa từng có tiền lệ nữa được xác lập: Quốc hội không chờ tới sau kỳ bầu cử vào tháng Năm để bầu các vị trí lãnh đạo nhà nước mà bầu luôn vào tháng Tư, sau đó bầu lại vào tháng Bảy với Quốc hội khóa mới.

Tuy nhiên, sức khỏe của ông Trọng vẫn ngày càng suy yếu, dù chiến dịch chống tham nhũng vẫn đang được thực hiện rất quyết liệt.

Thanh trừng cán bộ từ Bộ Chính trị đến ủy ban xã

Hàng loạt các quan chức đã bị bắt giữ, truy tố vì lợi dụng đại dịch COVID-19 để tham nhũng, ví dụ như vụ án “chuyến bay giải cứu” đã đưa loạt quan chức từ Bộ Ngoại giao đến các bí thư, chủ tịch cấp tỉnh vào tù; vụ án Việt Á khiến các quan chức y tế, quân đội, người đứng đầu chính quyền các tỉnh, thành, các cơ quan y tế cấp tỉnh bị truy tố. [32] [33]

Sau đại dịch COVID-19, chiến dịch chống tham nhũng của ông Nguyễn Phú Trọng tiếp tục oanh tạc khu vực kinh tế tư nhân. Điển hình là các vụ án liên quan đến bà Trương Mỹ Lan và ngân hàng SCB, trong đó có nhiều quan chức Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước bị truy tố; vụ án Tập đoàn Phúc Sơn liên quan đến các quan chức ở các tỉnh Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc, Vĩnh Long và Văn phòng Chính phủ; hay vụ án tại Tập đoàn Thuận An dính líu đến các quan chức ở Văn phòng Quốc hội, các tỉnh Bắc Giang và các tỉnh thành khác đang được Bộ Công an điều tra. [34] [35] [36]

Năm 2024, chiến dịch đốt lò đã lan tới chính quyền cấp huyện, cấp xã vì các sai phạm liên quan đến đất đai. [37] Cũng trong năm nay, loạt biến động lớn về chính trị đã bùng nổ khi sai phạm của các quan chức từng kề vai sát cánh với ông Trọng bị phanh phui như Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng và Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ.

Từ năm 2016 tới nay, đã có hơn 139.000 đảng viên bị kỷ luật ở các hình thức khác nhau, trong đó có 40 ủy viên trung ương và 50 tướng quân đội, công an. Đặc biệt, có tới tám ủy viên Bộ Chính trị cũng đã mất chức. [38] Để so sánh, trong 30 năm từ 1986 tới 2016, không có ủy viên Bộ Chính trị nào mất chức do tham nhũng, và chỉ có chín ủy viên trung ương lâm vào cảnh này.

Tiếp tục đàn áp không gian dân sự

Dường như không có cách nào để “người cộng sản cuối cùng” Nguyễn Phú Trọng cởi mở hơn với không gian dân sự. Dưới nhiệm kỳ thứ ba, từ năm 2021, ông tiến hành một chiến dịch vô tiền khoáng hậu: đàn áp các tổ chức xã hội dân sự có đăng ký, bỏ tù các nhà lãnh đạo và buộc họ đóng cửa.

Khác với các tổ chức bị cho là “phản động”, các tổ chức này đều đăng ký thành lập với chính quyền, làm việc chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, thường xuyên xuất hiện cùng các quan chức nhà nước trung ương và địa phương trong các sự kiện khác nhau. Hoạt động của họ có thể bị chính quyền theo dõi, kiểm soát, nhưng không ai nghĩ họ sẽ bị đàn áp thẳng tay cho tới năm 2021.

Công an đã sử dụng các tội danh trốn thuế để bắt giữ và tuyên án tù đối với Nguyễn Thị Khanh (giám đốc tổ chức môi trường GreenID), Mai Phan Lợi và Bạch Hùng Dương (tổ chức MEC), Đặng Đình Bách (giám đốc tổ chức IPSD), Hoàng Thị Minh Hồng (giám đốc tổ chức môi trường CHANGE), và Ngô Thị Tố Nhiên. [39] MEC, IPSD, CHANGE, Hướng tới Minh bạch và một số tổ chức khác đã tuyên bố đóng cửa. Nhiều tổ chức khác cũng rơi vào tình trạng tê liệt hoặc hoạt động cầm chừng.

Liên quan đến tự do công đoàn, một số cán bộ cấp tiến ủng hộ quyền của người lao động cũng đã bị bắt giữ như ông Nguyễn Văn Bình, Vụ trưởng Vụ Pháp chế của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; ông Vũ Minh Tiến, Trưởng ban Pháp chế và Chính sách của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. [40]

Cho tới tận trước khi nhắm mắt xuôi tay, Nguyễn Phú Trọng dường như không ngừng phá bỏ các trật tự và truyền thống cũ. Chỉ cái chết mới ngăn được ông.

QUA ĐỜI

Đầu tháng 1/2024, ông Nguyễn Phú Trọng phải nhập viện và vắng mặt trong một số sự kiện quan trọng. [41] Ngày 15/1, ông xuất hiện trở lại trong một kỳ họp của Quốc hội.

Kể từ đó cho tới tháng Năm, chính trường trải qua một cuộc biến động chưa từng có ở nhóm lãnh đạo cấp cao. Hàng loạt các nhà lãnh đạo đột ngột mất chức, trong đó có Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng (21/3), Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (2/5), và Thường trực Ban Bí thư Trương Thị Mai (16/5). Thay thế họ lần lượt là Tô Lâm, Trần Thanh Mẫn, và Lương Cường. [42]

Ngày 18/7/2024, Bộ Chính trị thông báo rằng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng do bệnh nặng nên không thể tiếp tục làm việc. [43] Chủ tịch nước Tô Lâm tạm thời thay thế ông Trọng điều hành công việc của tổng bí thư. Tin đồn lan ra rằng ông không thể qua khỏi.

Đến gần 18:00 ngày 19/7/2024, báo Nhân Dân đăng tin ông Nguyễn Phú Trọng từ trần vào lúc 13:38 phút cùng ngày tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. [44]

Cái chết của một tổng bí thư luôn bị đảng kiểm soát và lên kế hoạch chặt chẽ. Công chúng không thể biết chính xác ông chết ngày nào và vì lý do gì.

Cái chết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chấm dứt một thời kỳ cai trị khắc nghiệt của Đảng Cộng sản Việt Nam, với rất nhiều tiền lệ mới được thiết lập.

Không có nhiều lý do để tin rằng thời kỳ hậu Nguyễn Phú Trọng sẽ bớt khắc nghiệt hơn. □

NGUYỄN PHÚ TRỌNG VÀ DI SẢN CHỐNG NGÔN LUẬN

Đốt lò không phải là di sản lớn nhất.

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 22/07/2024.

Trước hay sau giờ lâm chung của một nhà lãnh đạo, nhất là một nhà lãnh đạo mạnh, người ta sẽ không ngừng nói về di sản của người đó. Với Nguyễn Phú Trọng, di sản đó thường được cho là chiếc lò và công cuộc “đốt lò”, tức là chống tham nhũng. [1]

Nhưng chống tham nhũng không phải là di sản duy nhất, và có khi còn chẳng phải là di sản lớn nhất của ông.

Như quá nhiều người đã nói và đã phân tích, cuộc chiến chống tham nhũng mang màu sắc thanh trừng nội bộ và tranh giành quyền lực trong Đảng Cộng sản hơn là thực tâm làm trong sạch bộ máy công quyền. Kết quả của cuộc chiến đó, chẳng đáng tiếc mà cũng chẳng đáng ngạc nhiên, chỉ là những chiếc ghế to ghế bé gãy sập gãy ngửa, chứ không phải là một cơ chế chống tham nhũng dù là què quặt.

Ảnh gốc: Kham/ Reuters; Dirk Spijkers;
Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.



Cái lò của ông Nguyễn Phú Trọng không tự cháy. Nó chỉ cháy chừng nào ông còn quạt. Ông buông quạt thì nó hết cháy. Ông chết đi, các đồng chí của ông sẽ chôn luôn cái lò với tất cả lòng hoan hỉ của mình.

Nhưng đó vẫn chưa phải là điều tệ nhất. Không những ông không tạo ra được một cơ chế chống tham nhũng, mà ông còn thù tiêu những thiết chế hay trật tự chính trị cần thiết cho một cơ chế chống tham nhũng hiệu quả.

Đầu tiên, ông tập trung quyền lực về lại các ban đảng, nhất là Bộ Chính trị, và về cá nhân ông. Kể từ năm 2016, sau Đại hội Đảng lần thứ 12, Quốc hội đã mất hẳn vị trí ít nhiều có tác dụng giám sát mà họ có được trong một thời gian ngắn từ đầu những năm 2000. Không ai còn nghe thấy những tiếng nói phản biện và chất vấn chất lượng, đôi khi gay gắt của các đại biểu Quốc hội như Nguyễn Minh Thuyết và Dương Trung Quốc nữa. Không khí nghị trường sôi sục của những năm 2015 trở về trước đã tắt ngấm. Một vài đại biểu tích cực như Lưu Bình Nhưỡng và Lê Thanh Vân cũng đã bị bỏ tù. [2] Quốc hội trở về với địa vị thẳng hầu con ờ, bảo gì nghe nấy, sai gì làm nấy, rồi rít vâng dạ như thể sợ “cụ Tổng” không cảm nhận hết được lòng tận trung của mình.

Kể đến, ông Nguyễn Phú Trọng thẳng tay đàn áp các tổ chức xã hội dân sự vốn thường lên tiếng về nạn tham nhũng và hiệu quả thực thi chính sách. Không những chỉ là xã hội dân sự “phản động”, mà cả xã hội dân sự “chính thống” cũng không thoát khỏi tay ông.

Nở rộ vào đầu những năm 2010 với những Câu lạc bộ No-U, Diễn đàn Xã hội Dân sự, GreenTrees, Hội Anh em Dân chủ, Nhà xuất bản Tự Do, nhưng cho tới cuối nhiệm kỳ thứ hai của ông vào năm 2020, phong trào xã hội dân sự độc lập coi như đã cáo chung. [3] Đại dịch COVID-19 chỉ thay ông kết liễu phong trào đó bằng nhất cuộc sau cùng.

Nhưng ông vẫn còn một nhát cuốc nữa để bổ vào: phong trào xã hội dân sự của các tổ chức chính thống - vốn xưa nay chưa bao giờ bị đụng đến. Kết quả là hàng loạt các nhà lãnh đạo nổi bật như Mai Phan Lợi, Đặng Đình Bách, Nguyễn Thị Khanh, Hoàng Thị Minh Hồng lần lượt xô khám, đồng thời đặt dấu chấm hết cho một thời kỳ sôi động của giới xã hội dân sự có đăng ký. [4] Điều còn lại Nguyễn Phú Trọng cần làm là thù tiêu nốt báo chí và không gian ngôn luận dân sự. Và ông đã làm điều đó một cách không thể xuất sắc hơn, biến nó thành di sản lớn nhất và có hậu quả nặng nề nhất trong toàn bộ sự nghiệp của ông. Tôi hiểu bạn đang nghĩ gì. Phải, ông Trọng không phải là người duy nhất chịu trách nhiệm. Cơ chế lãnh đạo tập thể của Đảng Cộng sản không để cho ai độc tôn ra quyết định. Nhưng với tư cách là người đứng đầu, lại đứng đầu tới 2,5 nhiệm kỳ, cộng thêm những phát ngôn thù địch với tự do ngôn luận và xã hội dân sự của ông, không có lý do gì để nghi ngờ ông Trọng đóng vai trò lớn nhất và là một vai trò chủ động trong công cuộc đàn áp này.

Trong một cuộc họp với Ban Tuyên giáo Trung ương năm 2018, ông Trọng tỏ ra không hài lòng với công tác quản lý báo chí và Internet, cho rằng công tác tuyên truyền và kiểm soát thông tin còn yếu. [5] Ông nhấn mạnh phải lưu ý tới tác động của mạng xã hội và Internet tới xã hội, đẩy mạnh quy hoạch báo chí, nhằm mục tiêu phản bác các luận điệu sai trái của các “thế lực thù địch”, bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, nâng cao chất lượng tuyên truyền.

SIẾT CHẶT BÁO CHÍ NHÀ NƯỚC

Giới báo chí nhà nước và giới quan sát những năm gần đây có nhiều người hoài vọng về một thời được gọi là “thời kỳ hoàng kim”, kéo dài từ năm 2000 cho tới khoảng muộn nhất là 2015. [6] [7] Hiên nhiên, những ai khắt khe hơn có thể không gọi đó là vàng hay bạc gì cả, nhưng ở đây tạm gọi đó là một thời kỳ báo chí nhà nước đóng

được vai trò phản biện và giám sát nhất định đối với quyền lực nhà nước.

Đó là thời kỳ báo chí nhà nước thương mại hóa, hiện đại hóa, và tư nhân hóa. Quá trình thương mại hóa đã diễn ra từ cuối thập niên 80 khi nền kinh tế bao cấp không còn đủ tiền chi trả cho mấy trăm cơ quan báo chí nữa. [8] Quá trình Đổi Mới sau đó tạo cơ chế cho báo chí nhà nước đi tìm kiếm doanh thu từ hai nguồn khác: bán báo cho độc giả và bán quảng cáo cho doanh nghiệp. Vậy là thay vì thuần túy đóng vai trò tuyên truyền cho đảng, giờ đây họ có một đối tượng phục vụ mới: độc giả. Điều đó có nghĩa là phải viết những gì độc giả quan tâm, dù vẫn còn đeo nặng vòng kim cô kiểm duyệt trên đầu. Các tờ báo như Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, hay Đài Truyền hình Việt Nam đã phát lên từ đây.

Hiện đại hóa đến sau một chút, khi Việt Nam có Internet vào tháng 11/1997. Điều này mở đường cho mô hình báo chí điện tử. Hàng loạt tờ báo truyền thống đều có bản online, nhưng một thế hệ báo mới đã ra đời với những tờ điện tử hoàn toàn như VietNamNet, VnExpress, Dân Trí, Zing. Nhanh nhạy nắm bắt công nghệ mới, họ thay thế báo chí truyền thống ở vị trí dẫn đầu thị trường tin tức.

Hiện đại hóa song hành với tư nhân hóa. VnExpress và Zing dù hoạt động dưới danh nghĩa báo chí nhà nước nhưng thực chất lại mang màu sắc tư nhân rõ rệt với những doanh nghiệp lớn đứng sau, lần lượt là FPT và VNG. Bản thân nhiều báo đài nhà nước truyền thống cũng khoán một phần khâu sản xuất nội dung cho các công ty tư nhân theo dạng hợp đồng hợp tác kinh doanh. Và sau cùng là sự tồn tại của những báo tư nhân, do các doanh nghiệp tư nhân sở hữu và vận hành nhưng không được gọi là báo: các trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc mạng xã hội như Kênh 14, CafeF, 24h, Vietcetera. [9]

Khi Nguyễn Phú Trọng nhậm chức tổng bí thư vào năm 2011, tức là 14 năm kể từ khi Việt Nam kết nối với Internet, bức tranh báo chí Việt Nam đã lột xác hoàn toàn so với thời ông còn là một “nhà báo” công tác ở Tạp chí Cộng sản.

Trong khoảng gần hai nhiệm kỳ đầu của ông, báo chí nhà nước vẫn trăm hoa đua nở, đưa được những đề tài nóng lên mặt báo như tranh chấp đất đai, án oan, tham nhũng, ô nhiễm môi trường, hay quan hệ Việt - Trung. Nghĩa là dù vẫn bị kiểm duyệt nặng nề, ít nhiều các báo vẫn có thể mở miệng nói khê một vài vấn đề nhạy cảm.

Mọi thứ bắt đầu thay đổi vào đầu năm 2019, với một thứ gọi là “quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025”, do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ký ban hành, đề ngày 3/4/2019. Văn bản này ghi rõ là được ban hành dựa trên ý kiến của Bộ Chính trị và Ban Bí thư từ năm 2015. [10]

Nội dung của quyết định này xoay quanh mấy việc:

- Cắt giảm số lượng các cơ quan, tổ chức được phép thành lập cơ quan báo chí. Trước đây, một số cơ quan cấp sở, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh cũng được ra báo, nay chỉ còn các cơ quan trung ương, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương mới được phép. Chẳng hạn, báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh trước đây thuộc Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh, nay phải chuyển về Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- Khống chế số lượng báo, tạp chí: mỗi tỉnh, thành chỉ được phép có một cơ quan báo chí thuộc cơ quan đảng bộ cấp tỉnh và một tạp chí thuộc hội văn học - nghệ thuật tỉnh. Ngoài ra, chỉ có cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trung ương mới được ra báo với giới hạn một tờ báo và một tạp chí. Hầu hết các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội trung ương chỉ được có một cơ quan tạp chí. Chẳng hạn,

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hiện nay đang có ít nhất hai báo là Thanh Niên và Tiền Phong, nên đến cuối năm 2025 chỉ được giữ lại một báo.

- Cấm “báo hóa tạp chí”. Đã là tạp chí thì không được đưa tin thời sự mỗi ngày như một tờ báo. Chẳng hạn: Zing News chỉ có giấy phép tạp chí trực thuộc Hội Xuất bản Việt Nam nhưng đã hoạt động như một báo điện tử thực thụ, thậm chí từng được coi là báo điện tử số hai sau VnExpress. Kết quả là năm 2023, họ bị đình bản ba tháng và sau đó trở lại dưới một cái tên mới, ZNews. [11]

Theo dữ liệu của Vietnam Media Project, một tổ chức độc lập chuyên nghiên cứu về báo chí Việt Nam, cho tới tháng 5/2024, có tới một nửa các báo mất giấy phép, phải đổi thành tạp chí hoặc phụ san của một báo khác. Ít nhất năm cơ quan báo chí đã ngừng hoạt động.

Quy hoạch báo chí đã tạo ra hiệu ứng gây công trên toàn bộ hệ thống báo chí nhà nước, khiến các báo, đài phải vừa đi vừa dò đường kéo giảm phải “mìn”. Các đề tài gay gắt không còn hoặc ít khi xuất hiện trên mặt báo. Những tên tuổi lẫy lừng một thời như Tuổi Trẻ, Thanh Niên nay chỉ còn là cái bóng của chính họ. Znews cũng không còn đáng dấp gì của một Zing News hiện đại tả xung hữu đột vài năm trước.

Một thời hoàng kim của báo chí nhà nước đã chấm dứt. Cuộc sống của những người làm báo trong nước, nhất là sau cuộc đại thanh trừng này hoàn toàn không được tính tới. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trước khi lia trần đã kịp chứng kiến thành quả “vĩ đại” này của ông.

BÓP CHẾT BÁO CHÍ PHI NHÀ NƯỚC

Nếu như báo chí nhà nước có một thời hoàng kim thì báo chí phi nhà nước cũng tương tự, cũng trong khoảng thời gian hai thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Báo chí phi nhà nước, như chính tên gọi của nó, không phải do chính quyền hay Đảng Cộng sản và các tổ chức chân rết của họ lập ra hay tài trợ. Báo chí phi nhà nước hoạt động độc lập với các cơ quan kể trên, phục vụ độc giả trong nước và/hoặc chủ yếu nói về vấn đề trong nước.

Họ có thể hoạt động ở trong nước (Ba Sàm, Bauxite Việt Nam, Việt Nam thời báo, Báo Sạch) hoặc từ nước ngoài (talawas, Luật Khoa tạp chí, The Vietnamese Magazine). Các phiên bản Việt ngữ của báo nước ngoài như BBC News Tiếng Việt, Đài Á châu Tự do, Đài Tiếng nói Hoa Kỳ không được tính trong nhóm này; cũng tương tự với các báo Việt ngữ ở nước ngoài phục vụ riêng một cộng đồng người Việt sở tại.

Báo chí phi nhà nước nở rộ từ đầu những năm 2000 với sự xuất hiện của Internet, mà talawas (hoạt động từ Đức, 2001-2010) có thể được coi là tờ đầu tiên. Về sau xuất hiện thêm Dân Luận, Câu lạc bộ Nhà báo Tự do (2007-2009), Ba Sàm (2007-2017), Việt Nam thời báo của Hội Nhà báo Độc lập (2014-nay), Luật Khoa tạp chí (2014-nay), The Vietnamese Magazine (2017-nay), Chấn hưng TV (2017-2021), Báo Sạch (2020) và cùng một số báo, trang mạng khác.

Trong thời kỳ ông Nguyễn Phú Trọng nắm quyền từ năm 2011, báo chí phi nhà nước dần dần bị truy bức tới mức gần như không còn tồn tại.

Năm 2014, chủ nhiệm tờ Ba Sàm là Nguyễn Hữu Vinh bị bắt và kết án 5 năm tù. [12] Tờ Ba Sàm hoạt động cầm chừng được tới năm 2017 thì dừng.

Năm 2019, đến lượt Phạm Chí Dũng (và sau đó là Nguyễn Tường Thụy và Lê Hữu Minh Tuấn) của Việt Nam thời báo, với những cái án nặng nề, từ 11-15 năm tù. [13]

Báo Sạch ra đời năm 2020, hoạt động hoàn toàn trên mạng xã hội (Facebook và YouTube), nhanh chóng trở thành một hiện tượng nhưng cũng lụi tàn vào cuối năm khi thành viên đầu tiên của nhóm là nhà báo Trương Châu Hữu Danh bị bắt. [14] Các thành viên còn lại gồm Nguyễn Phước Trung Bảo, Nguyễn Thanh Nhã, Đoàn Kiên Giang và Lê Thế Thắng cũng lần lượt xộ khám vào năm sau đó rồi lĩnh những bản án hàng năm trời.

Cuối năm 2020, nhà báo Phạm Đoan Trang của Luật Khoa tạp chí và The Vietnamese Magazine bị bắt rồi lĩnh án chín năm tù. Hai tạp chí này vẫn tiếp tục hoạt động từ bên ngoài Việt Nam. [15]

Năm 2021, Lê Văn Dũng của Chấn Hưng TV cũng không thoát khỏi “lưỡi trời”, lĩnh án 5 năm tù giam. Kênh truyền hình của nhóm này trên YouTube cũng biến mất. [16]

Từ chỗ có trên dưới 10 báo, đài phi nhà nước hoạt động tích cực, đến nay chỉ còn lác đác vài nhóm, với độ phủ kém xa so với trước đây.

Nguyễn Phú Trọng cũng được gọi là “nhà báo”, mặc dù thực ra đơn vị mà ông làm việc là Tạp chí Cộng sản, vốn dĩ là một cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản chứ không phải là một tổ chức báo chí đúng nghĩa. Cuối sự nghiệp của mình, ông đã không chế được báo chí nhà nước và gần như diệt gọn báo chí phi nhà nước. Môi trường báo chí trong thời đại Internet trông có vẻ hiện đại nhưng cơ đồ thì tầm tối không khác gì thời bao cấp.

KHỔNG CHẾ TOÀN DIỆN MÔI TRƯỜNG INTERNET

Khi Việt Nam có Internet vào tháng 11/1997, sự nghiệp chính trị của Nguyễn Phú Trọng đang rục rịch cất cánh. Ông rời Tạp chí Cộng sản năm 1996, nơi ông công tác gần 30 năm, để sang làm phó bí thư Thành ủy Hà Nội - một động tác luân chuyển cán bộ trước khi cất nhắc vào các vị trí quan trọng. Tháng 12/1997, ông bước chân vào câu lạc bộ tinh hoa nhất của chính trường Việt Nam: Bộ Chính trị.

Suốt từ đó cho tới khi ông lên làm tổng bí thư vào năm 2011, Internet ở Việt Nam phát triển như vũ bão và gần như vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của Đảng Cộng sản.

Không những báo chí phi nhà nước nở rộ và gây được ảnh hưởng đáng kể tới công chúng, các nền tảng nước ngoài như Yahoo, Facebook, Google cũng thống lĩnh không gian Internet Việt Nam mà không chịu bất kỳ ràng buộc pháp lý nào về kiểm duyệt nội dung như các công ty trong nước.

Các phong trào xã hội phát triển rầm rộ trên không gian Internet hay từ không gian Internet. Những cuộc biểu tình chống Trung Quốc đầu tiên vào cuối năm 2007, đầu năm 2008 đều do các diễn đàn trên mạng tổ chức. Phong trào chống dự án khai thác bô-xít cũng gây chấn động dư luận nhờ trang mạng của mình. Đến năm 2011, phong trào biểu tình chống Trung Quốc kéo dài tới ba tháng và được tổ chức thông qua Facebook. Kể từ đó, hàng loạt các phong trào biểu tình và phong trào xã hội khác cũng nở rộ nhờ Facebook. [17] [18]

YouTube lại là một cơn đau đầu khác của ông Nguyễn Phú Trọng. Vào một ngày đẹp trời, nhân dân của ông phát hiện ra rằng họ có thể kiếm được những khoản tiền không nhỏ nhờ đăng những video cãi nhau với cảnh sát giao thông hay video “chống chính quyền”. Loại nội dung ăn khách này tạo cho họ một nguồn thu nhập mà cả họ lẫn ông Trọng chưa bao giờ ngờ tới. YouTube tự nó là một nền kinh tế,

và các kênh YouTube “xấu độc” mọc còn nhanh hơn nấm sau mưa.

Một nhà tuyên giáo bảo thủ bậc nhất như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dĩ nhiên không có lý do để ngồi yên.

Hơn hai nhiệm kỳ ông Trọng nắm quyền cũng là quãng thời gian Việt Nam siết chặt dần và sau cùng kiểm soát được không gian Internet một cách toàn diện, với kết quả không ai trước đây có thể ngờ tới.

Ở nhiệm kỳ đầu của ông, nỗ lực đáng kể nhất của chính quyền là ban hành Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý Internet, lần đầu tiên yêu cầu các công ty Internet nước ngoài phải tuân thủ luật Việt Nam. [19] Nhưng kể từ nhiệm kỳ thứ hai, bắt đầu vào năm 2016, khi ông đã củng cố được quyền lực của mình, chính quyền Việt Nam trên thực tế đã tuyên chiến với Internet.

Dữ liệu của Google cho thấy bắt đầu từ năm 2017, chính quyền Việt Nam đã yêu cầu hãng công nghệ này gỡ bỏ nội dung. [20] Nửa đầu năm 2017, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin Điện tử (Bộ Thông tin - Truyền thông) đã yêu cầu Google gỡ gần 3.000 video trên YouTube có nội dung chỉ trích Đảng Cộng sản và quan chức chính quyền, vi phạm Nghị định 72. Google đã gỡ hầu hết các video này. Suốt từ đó cho tới nay, ngày càng có nhiều yêu cầu xóa nội dung trên YouTube hơn, và hầu hết các nội dung bị xóa đều là chỉ trích chính quyền.

Vào nửa đầu năm 2018, chính quyền Việt Nam cũng bắt đầu yêu cầu Facebook xóa bài, với khoảng hơn 1.500 bài. [21] Tỷ lệ đáp ứng của Google và Facebook thường rất cao, khoảng trên 90%. [22]

Năm 2018 cũng là một năm bước ngoặt, với việc Quốc hội thông qua Luật An ninh mạng, một đạo luật bị dư luận phản đối mạnh mẽ. [23] Đạo luật này tiếp tục nhắm

tới các công ty công nghệ nước ngoài, lần đầu tiên yêu cầu các công ty này phải lưu dữ liệu người dùng ở Việt Nam; phải lập văn phòng, chi nhánh ở Việt Nam; đồng thời phải xóa nội dung và cung cấp dữ liệu người dùng cho chính quyền Việt Nam khi được yêu cầu. Nó cũng đồng thời là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để tập trung quyền kiểm soát Internet vào tay Bộ Công an.

Giờ đây, chính quyền công khai tuyên bố mục tiêu chính sách quan trọng nhất là yêu cầu người dùng và các công ty mạng xã hội phải xác thực thông tin cá nhân của người dùng. [24] Nếu thành hiện thực, chính sách này sẽ thủ tiêu nguyên tắc ẩn danh và quyền riêng tư trên Internet, khiến cho ai muốn mở miệng lên tiếng cũng phải đắn đo suy nghĩ hơn xưa rất nhiều.

Không gian Internet, bao gồm cả các nền tảng mạng xã hội nước ngoài, từ chỗ gần như nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền và trực tiếp thúc đẩy tự do ngôn luận ở nước ta, giờ đây đã thúc thủ trước chiến lược kiểm soát của chính quyền. Chiến lược này hiệu quả tới mức vào năm 2023, nguồn tin của Facebook tiết lộ với tờ The Washington Post rằng Facebook lưu hành nội bộ một danh sách các quan chức của Đảng Cộng sản Việt Nam được bảo vệ trên nền tảng này khỏi các nội dung chỉ trích. [25]

Không những tìm cách loại bỏ thông tin “xấu, độc” ra khỏi môi trường Internet, trong hai nhiệm kỳ đầu của ông Trọng, chính quyền đã cho ra mắt ba lực lượng chuyên làm nhiệm vụ thao túng các cuộc thảo luận trên mạng, gồm dư luận viên (mạng lưới của các ban tuyên giáo), Lực lượng 47 (trực thuộc quân đội), và Ban chỉ đạo 35 (mạng lưới rộng khắp trên toàn hệ thống chính trị). [26] Các lực lượng này đã tỏ ra vô cùng hiệu quả trong việc leo lái các cuộc thảo luận chính trị trên mạng đi xa mục đích ban đầu của nó, tấn công những người phản biện, và reo rắc một nỗi sợ hãi trên toàn cõi mạng Việt Nam.

Và sau cùng, bàn tay sắt của công an luôn sẵn chờ bắt đi bất kỳ ai phát ngôn trái ý chính quyền. Thời đại Nguyễn Phú Trọng không những bỏ tù những nhà hoạt động xã hội nổi tiếng, mà còn tạo ra một tiền lệ mới, chưa từng có trước đây: bỏ tù ngay cả những người dùng Internet bình thường, vốn không có hoạt động chính trị. Nếu không bỏ tù thì chính quyền sẽ áp đặt những mức phạt hành chính nặng nề cho những người dân bức xúc này, chẳng hạn như ba người dùng Facebook ở TP. Hồ Chí Minh bị triệu tập và phạt tiền, bị răn đe vì “công kích, xúc phạm Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng” sau cái chết của ông. [27]

Chế độ độc tài kỹ thuật số đã chính thức ra đời ở nước ta, dưới thời Nguyễn Phú Trọng. [28]

Ngày 19/7/2024, Nguyễn Phú Trọng trút hơi thở cuối cùng ở Bệnh viện 108, khi vẫn đang ở đỉnh cao quyền lực.

Di sản chống tham nhũng của ông sẽ nhanh chóng bị các đồng chí của ông thủ tiêu hoàn toàn. Có chăng một số đồng chí của ông sẽ tiếp tục sử dụng quân bài chống tham nhũng để thanh trừng phe phái chứ không có gì hơn. Bổng lộc và phong bì vốn chỉ bị “ách tắc cục bộ” thời ông đốt lò, nay không có lý do gì mà không được phân phát trở lại như lệ thường.

Di sản bền vững hơn của ông lại là một nền báo chí nhà nước đã trở về với thân phận thuần túy công cụ và một nền độc tài kỹ thuật số đã phát triển tới mức độ tinh vi. Hệ thống báo chí mới và những nhóm lợi ích mới trong đó đã định hình, khó có lý do gì mà có thể thay đổi trong ngắn hạn. Còn nền độc tài kỹ thuật số không những đã mọc nanh mọc vuốt, mà đã gắn chặt với quyền lực và quyền lợi của vô số người ở Bộ Công an, Bộ Thông tin - Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, và biết bao nhiều ban bộ khác.

Cái di sản đó của nhà độc tài Nguyễn Phú Trọng còn tai hại gấp trăm gấp nghìn lần so với những lợi ích kiểu bạc lẻ mà ông đạt được trong cuộc chiến chống tham nhũng. □

An illustration of two hands, one from the left and one from the right, holding a bright yellow rectangular sign. The sign has bold black text on it. The background is a solid green color with a faint, repeating geometric pattern of small squares and lines.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org

LÒNG DÂN ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 26/07/2024.

Ở ta người ta hay nói về “lòng dân”.

“Ý đảng - lòng dân”. “Thế trận lòng dân”. “Sức mạnh của lòng dân”.

“Đi vào lòng dân”.

Gần đây, nhân dịp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua đời, người ta lại nói về “Bác Trọng trong lòng dân”, “quốc tang trong lòng dân”, “những câu nói đi vào lòng dân của Tổng Bí thư”, v.v. [1]



Cựu đại biểu Quốc hội Dương Trung Quốc, người rất hay nói về lòng dân, cũng cảm thán trên đường đi viếng ông Trọng: “Lòng dân là thước đo công bằng và chuẩn mực nhất, bà con khắp nơi đến đây đã thể hiện rất rõ điều đó”. [2] Rất nhiều người đồng tình với ông Quốc, lấy những hàng dài người đi viếng như một đại lượng đo lòng dân với ông Trọng.

Tôi hoàn toàn tin rằng nhiều người, nếu không muốn nói là đa số thường dân ta, thực lòng mến mộ và cảm phục ông Trọng. Tình cảm của họ thể hiện ra trên mạng và trên đường thăm viếng là thật. Nó phản ánh nhiều điều, trong đó chắc chắn có nỗi bức xúc của họ với quốc nạn tham nhũng và sự ủng hộ của họ với những nỗ lực chống tham nhũng của ông Trọng. Nó cũng là thông điệp mạnh mẽ gửi tới các quan chức khác rằng cứ trong sạch thì dân thương, bằng không thì dân ghét.

*“Dân thương dân lập đền thờ
Dân ghét dân đá trời mờ thối xương”.*

Không biết tự bao giờ lòng dân đã đi vào ca dao như vậy.

Ấn tượng ta có được từ những diễn ngôn về lòng dân như vậy là gì? Hàm ý của nó rất rõ: dân biết.

Dân biết nên dân mới thương, mới ghét được. Dân biết hết, không lừa được dân đâu. Bởi vậy nên nói như ông Dương Trung Quốc, dân là chuẩn nhất.

Tới đây, mọi thứ bắt đầu phức tạp.

DÂN BIẾT?

Dân biết xuất phát từ việc dân hoặc là được cung cấp thông tin, hoặc là được tự do điều tra thông tin, hoặc tốt nhất là cả hai. Đáng tiếc rằng, nguồn tin mà dân được cung cấp về ông Nguyễn Phú Trọng lại đến từ một nguồn duy nhất: Đảng và Nhà nước. Nguồn tin đó chất lượng tới đâu? Có khách

quan không? Có đa chiều không? Có lẽ đi hỏi “lòng dân” là tốt nhất.

Dân có được tự do điều tra thông tin, hay nói cách khác là dân có được tự do làm báo để đi moi tin về các nhà lãnh đạo như ông Trọng hay không? Câu trả lời rất rõ ràng là không. Suốt đời ông Trọng đã theo đuổi chính sách cấm đoán hà khắc với báo chí, không cho phép báo chí tư nhân, bỏ tù những nhà báo độc lập và những ai lên tiếng phản biện. [3]

Không những vậy, ông Trọng còn chủ trương xây dựng một nền độc tài kỹ thuật số, ngăn chặn những luồng thông tin “phi chính thống” trên mạng Internet bằng cách chặn website và yêu cầu các công ty như Facebook, YouTube gỡ/chặn nội dung bị cho là “phản động”.

Trong suốt thời ông Trọng “đốt lò”, trên báo chí chính thống không có bất kỳ bài báo nào phản biện cách chống tham nhũng của ông. Cũng như không có bất kỳ phóng sự nào điều tra tài sản của ông Trọng hay chất vấn những quyết định của ông, nhất là trong thời kỳ đại dịch COVID-19 hay những cuộc khủng hoảng lớn như vụ cá chết năm 2016 và vụ Đồng Tâm năm 2020. Thậm chí khi ông biệt tăm hàng tuần lễ cũng không có báo nào dám gặng hỏi ông ấy đi đâu và sự vắng mặt của ông ấy ảnh hưởng thế nào tới công tác của chính quyền. Trong bối cảnh vụ bê bối về quản lý ở dự án khu đô thị Ciputra ở Hà Nội tiếp tục bị điều tra, không báo nào dám hỏi hay điều tra xem ông Trọng, người giữ chức bí thư Thành ủy Hà Nội thời đó, có tham nhũng hay không, có thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng hay không, có làm ngơ cho cấp dưới sai phạm hay không. [4]

Ông Trọng, và rộng hơn là đảng của ông, đã bịt hết đường biết của dân, vậy thì dân biết cái gì?

Dân biết những bài phát biểu chống tham nhũng đanh thép của ông.

Dân biết những kẻ bị ông bỏ tù vì tội tham nhũng.

Dân biết những người bạn học cũ, thầy cô giáo cũ lên báo lên mạng ca ngợi ông. Những quyết định của con người đều dựa trên những thông tin mà họ thu nhận được. Thấy lửa nóng thì rút tay lại, thấy sấm sét thì đi tìm chỗ trú, và thấy toàn thông tin tốt đẹp về “bác Trọng” thì ca ngợi. Bởi vậy mới nói lòng dân với ông Trọng phần nhiều là chân thành, còn năng lực chất vấn thì đã bị triệt tiêu.

LÒNG DÂN KHÔNG ĐI VIẾNG CÓ ĐƯỢC TÍNH LÀ LÒNG DÂN?

Tôi tin rằng đi viếng ai là việc cá nhân và người khác cần tôn trọng quyết định đó. Thế còn những người không đi viếng có nên được tôn trọng không? Dĩ nhiên rồi. Có phải ai cũng có điều kiện đi viếng đâu. Vậy những người đã không đi viếng mà còn nói ngược nói xuôi về Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thì sao?

Cái này khó.

Nói ngược nói xuôi không phải là thứ được khuyến khích ở nước ta. Đảng nói xuôi thì ta cũng phải nói xuôi. Đảng nói ngược thì ta cũng phải nói ngược. Đảng nói phải kính yêu bác Trọng thì ta cũng phải kính yêu bác Trọng. Chệch ra là dở mọi đảng.

“Đến bố tôi tôi còn có lúc thương lúc giận, sao tôi phải tuyệt đối kính yêu bác Trọng?”, sẽ có người nói như vậy.

Và quả đúng như vậy.

Từ tù oan Lê Văn Mạnh đã bị hành quyết ngày 22/9 năm ngoái dưới thời ông Trọng. [5] Hai tù tù khác, Hồ Duy Hải và Nguyễn Văn Chường, đã bị xét xử và chịu án oan thấu trời dưới thời ông Trọng. Ngay cả khi ông Trọng là chủ tịch nước và có quyền ân giảm án tử hình cho họ, ông cũng không

làm. [6] Họ kính yêu ông Trọng nổi không? Tôi không biết. Họ chẳng phải ra mộ hỏi anh Mạnh.

Ông Lê Đình Kinh, đồng chí của ông Trọng, đã chết tức tưởi dưới nòng súng của chính chế độ mà ông đã dành cả đời gây dựng, trong cuộc đột kích của công an ở xã Đồng Tâm ngày 9/1/2020. [7] Chế độ đó không những đã cướp đất của dân làng ông, mà còn cướp đi chính tính mạng của ông khi ông đứng lên bảo vệ quyền lợi của dân làng. Chế độ đó, nhìn tít lên cao, thì thấy ông Trọng. Nói cho cùng, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai mà ông Trọng ra sức bảo vệ trong suốt sự nghiệp của mình là ngọn nguồn của những nỗi oan khiên mà bà con dân oan mất đất đã kêu ròn rã hàng chục năm nay. Ông Kinh và những dân oan đó kính yêu ông Trọng nổi không? Tôi cũng không biết. Ông Trọng chưa bao giờ cho họ lên báo để nói.

Hồi năm 2016, vụ ô nhiễm do công ty Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh gây ra ở miền Trung đã tạo ra một cuộc khủng hoảng môi trường lớn chưa từng có ở nước ta. [8] Hàng triệu người dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế đã mất kế sinh nhai, cuộc sống vốn đã khó khăn nay càng thêm tối tăm mù mịt. Chính quyền của ông Trọng đã bưng bít thông tin vụ việc và bí mật ký một thỏa thuận trị giá nửa tỷ đô với công ty Formosa. Hàng chục nghìn người đã xuống đường biểu tình phản đối ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều tỉnh, thành khác. Họ có được tính là lòng dân không?

Năm 2018, Bộ Chính trị của ông Trọng thúc bằng được Quốc hội phải thông qua dự luật Đặc khu. Hàng trăm nghìn người ở nhiều tỉnh, thành lại xuống đường tiếp, tạo ra một cuộc biểu tình lớn nhất ở nước ta sau năm 1975. [9] Họ có được tính là lòng dân không?

Không thấy ông Dương Trung Quốc nói gì về lòng dân khi đó. Nhưng với ông Trọng

thì câu trả lời rất rõ ràng: không. Ông xua quân đàn áp dã man những đoàn dân biểu tình đó, dập tắt phong trào khi nó chỉ vừa chớm nở.

LÒNG DÂN CÓ DÁM TỎ?

Ông Nguyễn Phú Trọng đối xử với lòng của một bộ phận dân như vậy, dân có dám tỏ lòng phản đối ông nữa hay không?

Với tuyệt đại đa số nhân dân là không.

Có biết ông tham quyền cố vị, xé bỏ Điều lệ Đảng để cầm quyền tới nhiệm kỳ thứ ba thì dân cũng không dám hé răng.

Có phần nộ với việc ông ra quyết sách sai thời COVID thì dân cũng không dám phản đối.

Có thắc mắc với việc tại sao ông Trọng không công khai tài sản cá nhân thì dân cũng không dám chất vấn.

Trong một môi trường độc tài mà ông Trọng là nhà độc tài đứng đầu, lòng dân nào dám tỏ? Người ta chỉ dám tỏ trong một xã hội tự do, nơi nói ra sự thật và suy nghĩ thực của mình cũng không bị ông Trọng hay ông Tô Lâm bắt bỏ tù. Tự do là nền tảng để người ta sống thật.

Lòng dân nghe thì trừu tượng, mỹ miều. Trên thực tế, nó chỉ là công luận, tiếng Anh là *public opinion*.

Ở các nước tự do, người ta đo lòng dân bằng cách nào? Rất đơn giản: thăm dò dư luận. Nay thì ông Biden được 51% cử tri ủng hộ, mai thì ông chỉ còn 35%. Nay bà Thái Anh Văn lên voi, mai lại xuống chó.

Nhưng thăm dò thì cũng chỉ được vài chục ngàn người. Lấy gì mà tin? Thì tổ chức bầu cử để cử tri sáng suốt lựa chọn.

Bầu cử tự do là cuộc thăm dò dư luận lớn nhất mà một quốc gia có thể tổ chức. Trong lịch sử các nền dân chủ từ Đông sang Tây, chưa từng thấy ai được bầu lên với 100% số phiếu. Lòng dân coi vậy mà cũng nửa xanh nửa đỏ, có khi như bảy sắc cầu vồng. Đời chính khách vì vậy mà nổi trôi theo lòng dân nhưng là một loại lòng dân được đo đạc và lượng hóa rõ ràng, chứ không phải là loại lòng dân được đo một cách cảm tính ở trước cổng Nhà Tang lễ Quốc gia.

Đúng ra nước ta đã có thể có những cuộc thăm dò lòng dân có ý nghĩa như vậy nếu như ông Trọng và các đồng chí của ông không ngăn cản những nỗ lực dân chủ hóa đất nước suốt mấy chục năm qua.

Trước khi dân được tự do tỏ lòng, có ích chi mà nói nhiều về lòng dân. □

KHI CÁC NHÀ ĐỘC TÀI CHẾT

Cái chết của các nhà độc tài có thường dẫn đến thay đổi chế độ?

Trần Bình Thản

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 23/07/2024.

So với các hình thức chuyển đổi lãnh đạo chính trị do các nguyên nhân khác như biểu tình, nước ngoài can thiệp, nội chiến, bầu cử, đảo chính lật đổ, cái chết của một nhà độc tài có ít ảnh hưởng đến sự tồn tại của chế độ nhất.

Không giống như một cuộc lật đổ hay cưỡng chế thoái vị, một nhà độc tài chết vì tuổi già không khuấy đảo chế độ vì các động cơ chính trị. Khi một nhà độc tài nắm quyền đến hơi thở cuối cùng, đó cũng là biểu hiện của việc chế độ có một tập hợp người trung thành.

Các nhà độc tài Joseph Stalin (Liên Xô), Mao Trạch Đông (Trung Quốc), Jomo Kenyatta (Kenya) và Hugo Chavez (Venezuela).
Nguồn ảnh: Wikipedia.
Đồ họa: V.K / Luật Khoa.

Đó là kết luận của hai nhà nghiên cứu Erica Frantz (Đại học Tiểu bang Michigan, Hoa Kỳ) và Andrea Kendall-Taylor (Viện Tình báo Quốc gia, Hoa Kỳ) trong bài báo có tên “When dictators die”, được đăng trên tạp chí danh tiếng Journal of Democracy năm 2016. [1]

Theo các tác giả, có ba nỗi lo ngại lớn nhất trong thời điểm một nhà độc tài cận kề tử thần là (i) sự tan rã của chế độ mà họ giúp gây dựng và tôn thờ, (ii) tranh giành khoảng trống quyền lực, và (iii) khả năng xảy ra bất ổn chính trị.

Thế giới đã chứng kiến những cuộc hỗn loạn diễn ra ngay sau cái chết của một nhà độc tài như ở Nam Tư thập niên 1980, hay



ở Ethiopia hơn 10 năm trước. Nhưng cũng có những sự kế tiếp quyền lực và duy trì chế độ mà không có nhiều bạo loạn như ở Bắc Triều Tiên năm 2011.

Lịch sử toàn thế giới cho thấy bức tranh chung như thế nào?

LO NGẠI BẤT ỔN

Từ năm 1946 đến năm 2012, có 79 nhà độc tài chết vì nguyên nhân tự nhiên, chiếm 16% trong tổng số 495 nhà độc tài rời ghế quyền lực trong thời gian này.

Hugo Chávez của Venezuela, Kim Jong-Il của Bắc Triều Tiên, Joseph Stalin của Liên Xô, Jomo Kenyatta của Kenya, hay Josip của Broz Tito của Nam Tư đều chết khi đang còn nắm quyền.

Khác với một chế độ dân chủ, bản chất của chế độ độc tài là hiếm khi có một cơ chế rõ ràng hay quy định thành văn ai sẽ nắm lên nắm quyền sau khi người đứng đầu chế độ chết. Do vậy, thời điểm một nhà độc tài chết trong lúc còn đương nhiệm thường được coi là thời điểm dễ có loạn.

Các nhà độc tài thường không muốn chỉ định người kế nhiệm do lo ngại điều đó sẽ khiến các phe đối lập tập hợp lực lượng và loại bỏ họ quá sớm. Thông báo người kế nhiệm có thể là mồi lửa cho làn sóng phản đối bổ nhiệm. Điều này diễn ra ở Bulgaria năm 1989, khi Todor Zhivkov, lúc đó 78 tuổi, đã nắm quyền lực liên tục từ năm 1954, bị mất ghế sau khi thông báo người sẽ kế nhiệm ông. Trường hợp tương tự cũng xảy ra đúng năm này ở Paraguay, khi tướng quân đội nắm quyền Alfredo Stroessner, 77 tuổi, bị đảo chính lật đổ sau 35 năm nắm quyền.

Bởi vì các nhà độc tài thường do dự chỉ định người kế nhiệm, chế độ lại không có cơ chế về người kế nhiệm rõ ràng, dẫn đến lo ngại về khoảng trống quyền lực và

bất ổn ngay sau cái chết của họ. Ví dụ điển hình cho trường hợp này là cái chết của cựu Tổng thống Nam Tư Josip Broz Tito năm 1980 tiếp lửa cho các phe đối lập và dẫn đến cuộc bùng nổ 10 năm sau. Đây là một trường hợp hiếm, nhưng gây dấu ấn đậm nét trong lịch sử.

Trường hợp khác là cái chết của cựu Thủ tướng Ethiopia Meles Zenawi năm 2012, người nắm quyền từ năm 1995. Theo Hiến pháp nước này, quyền lực sẽ được trao cho phó thủ tướng là Hailemariam Desalegn, nhưng Quốc hội Ethiopia đã phản đối dữ dội do khác biệt tôn giáo, việc chuyển giao quyền lực bị đình trệ và gây nhiều lo lắng về nguy cơ bạo loạn. Tương tự, tiếp nối cái chết năm 2009 sau 41 năm cầm quyền của Tổng thống Gabon, ông Omar Bongo, là hàng tháng trời biểu tình đổ máu và nhiều cáo buộc giữa các phe phái.

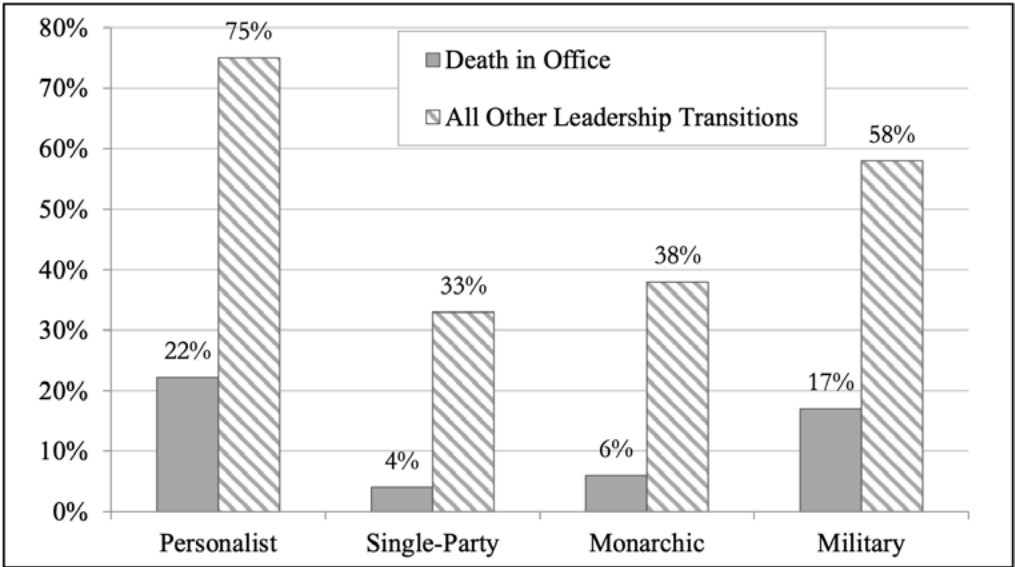
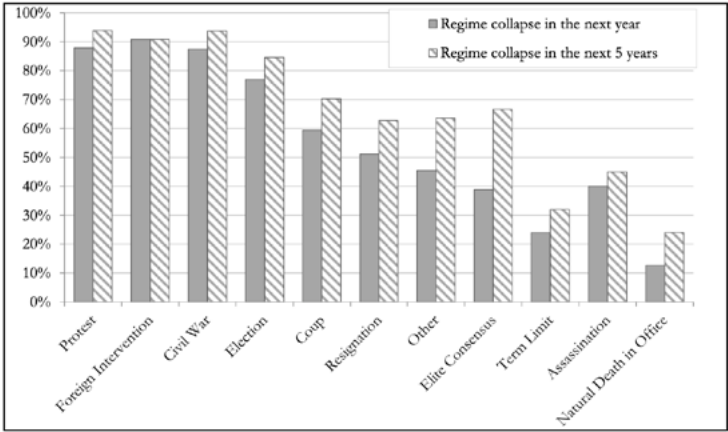
ÍT THAY ĐỔI

Nghiên cứu này cho thấy cả ba nỗi lo ngại đặt ra tại thời điểm nhà lãnh đạo cao nhất của một chế độ độc tài chết do nguyên nhân tự nhiên nói trên ít khi thành hiện thực. Gọi là chết do nguyên nhân tự nhiên là để phân biệt với những cái chết do bị thanh trừng chính trị.

Trong đại đa số trường hợp, các chế độ vẫn tồn tại sau cái chết do nguyên nhân tự nhiên của một nhà lãnh đạo độc tài. Điển hình là hai trường hợp gần nhất, Kim Jong-Il ở Bắc Triều Tiên năm 2011 và Zenawi ở Ethiopia năm 2012.

Cụ thể, nghiên cứu đưa ra con số là trong lịch sử thế giới hiện đại, sự kiện một nhà độc tài chết khi còn đang nắm quyền hiếm khi dẫn đến một thay đổi chính trị lớn trong thời gian ngắn sau đó. Có đến 87% trường hợp chế độ độc tài vẫn tồn tại như cũ trong một năm sau đó, và 76% trường hợp chế độ vẫn còn tồn tại sau 5 năm (xem hình dưới).

Hình bên thể hiện khả năng thay đổi chế độ sau khi thay đổi nhà lãnh đạo trong thời gian từ 1946 đến 2012. Cột xám thể hiện chế độ thay đổi một năm sau khi nhà lãnh đạo chết, cột gạch chéo thể hiện chế độ thay đổi sau 5.



Hình trên thể hiện sự thay đổi chế độ sau khi thay đổi nhà lãnh đạo. Cột tô màu xám biểu thị thay đổi lãnh đạo chế độ do người đứng đầu chết, cột có gạch chéo biểu thị thay đổi lãnh đạo do các nguyên nhân khác. Bốn nhóm cột thể hiện bốn loại chế độ độc tài: độc tài cá nhân, độc đảng, quân chủ, và độc tài quân sự.

Hai nhà nghiên cứu kết luận rằng các nhà độc tài chết do nguyên nhân tự nhiên khi đang còn nắm quyền thường đã có lịch sử nắm quyền lâu dài. Đến lúc gần kề cái chết, họ thường đã sắp xếp một nhóm thân tín ủng hộ chế độ nhiệt thành. Những nhóm này, dù có nhiều mâu thuẫn, đều có mục tiêu chung là gìn giữ nguyên trạng chế độ để bảo tồn lợi ích của mình.

Cái chết của một tay độc tài, dù thường được truyền thông đưa tin và bàn luận nhiều, cuối cùng lại rất ít có ý nghĩa lịch sử. □

VIẾT THƯ CHO TRANG

Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

QUAN CẤM, QUAN CHO, QUAN THƯƠNG, QUAN GIÚP...

Tất cả trong tay quan.

Vũ Liên

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 03/07/2024.

Ông Thích Minh Tuệ lúc làm
căn cước ở Gia Lai.

Ảnh: Công an tỉnh Gia Lai.

Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.



QUAN CẤM

Kể từ sau sự kiện diễn ra rạng sáng ngày 3/6/2024, khi công an đột kích giữa đêm để bắt nhiều người tu hành cùng Thích Minh Tuệ ở Huế và thả họ ở nhiều vị trí hoang vắng, chính quyền Việt Nam đã có nhiều động thái nghiệp vụ đối với các tu sĩ nhóm này.

Nhiều vị đồng tu với sư Thích Minh Tuệ đã chia sẻ rằng họ bị công an địa phương đưa về đồn công an và yêu cầu ký vào giấy cam kết viết sẵn [1] [2] [3] với nội dung là không đi khát thực, không mặc y phẩn tảo giống Thích Minh Tuệ.

Nhiều vị đi cùng cũng xác nhận việc bị bắt giữ, bị yêu cầu ký giấy cam kết không tụ tập đông người, [4] [5] không được mặc y phẩn tảo bộ hành khát thực trên đường lớn như trước. [6]

Thông tấn xã Việt Nam đưa tin chính quyền địa phương đã tuyên truyền cho các vị này chủ trương “không mặc quần áo giống nhà sư, đi khát thực, gây hiếu kỳ, hiểu lầm”. [7]

Như vậy tức là từ những sự việc ba không: không có người vi phạm pháp luật, không có hành vi phạm tội, không có chứng cứ phạm tội, chính quyền đã áp đặt nhiều điều cấm lên các tu sĩ.

Những người đầu trần, chân đất, tay không tác sát này hầu như không còn sự lựa chọn nào khác. Người dân nào có lòng tôn kính họ vẫn lặng lẽ hỗ trợ theo cách riêng. Nhưng chưa có một tiếng nói bất tuân dân sự nào được cất lên từ cộng đồng trong nước.

QUAN CHO

Theo cách diễn giải của một số tu sĩ khác, dù đã trải qua sự kiện đầy ngỡ ngàng vào rạng sáng 3/6 nhưng họ mong muốn được chính quyền cho phép làm những điều giản dị như đi bộ hành tự do, được ngủ ở nghĩa trang hay miếu thờ, nhà hoang.

Vị có pháp danh là Thích Tự Do chia sẻ trên mạng xã hội là sẽ tạm thời tu tập ở quê nhà, kết hợp ba tháng an cư mùa mưa. Ông khéo léo truyền tải thông điệp là mong muốn được tiếp tục học tập cùng các huynh đệ “khi nhà nước cho phép đi bộ hành”. [8]

Trong khi đó, một số vị khác cũng đã chấp nhận việc chính quyền địa phương can thiệp chuyện bộ hành và đồng thời, họ phải tuân thủ khi chính quyền nói chỉ cho họ bộ hành ở địa phận quê nhà. [9]

“Nhà nước cho phép đi bộ hành” là một cách nói hết sức khiêm cung của một người đang có ý chí buông bỏ các tranh cãi xã hội, bước vào con đường tu hành. Nhưng xét ở góc độ vận hành luật pháp và xã hội, công dân phải chờ quan chức “cho phép đi bộ hành” là dấu hiệu rõ ràng của sự triệt hạ tự do.

QUAN THƯƠNG, QUAN GIÚP

Ông Đặng Văn Phòng là một người từng bộ hành cùng Thích Minh Tuệ. Khi trở lại quê Hải Dương viếng thăm nghĩa trang liệt sĩ, ông Phòng nói là có nhiều người đi theo quay phim.

Ông này xuất hiện trong clip trên mạng xã hội, chia sẻ rằng đã được chính quyền địa phương mời lên và đề nghị không được mặc trang phục sư, không đi khát thực. [10] Ông Phòng cũng “đề nghị chính quyền giúp đỡ” cho việc bảo vệ danh dự và quyền lợi công dân của mình, tránh bị người dân khác làm hại. [11]

Trước đó, cũng chính ông Phòng kể đã chứng kiến tận mắt cảnh lực lượng chức năng đột kích giữa đêm, xốc ông lên xe cùng nhiều vị đồng tu khác.

Lần này, vừa được chính quyền mời nói chuyện và cam kết, ông lại lên tiếng đề nghị chính quyền giúp đỡ, bảo vệ mình.

Đến ngày 1/7/2024, em trai Thích Minh Tuệ là Lê Thìn đã gửi đơn lên chính quyền địa phương, đề nghị giúp đỡ tìm anh trai mình sau hơn mười ngày không liên lạc được. [12]

Ông Thìn chia sẻ, anh trai ông có hẹn trong lần cuối gặp mặt là ông sẽ ẩn tu 5 - 7 ngày, nhưng gia đình đã không nhận được tin tức gì từ hơn mười ngày nay. [13] Công chúng hiểu rằng ông Thìn và gia đình đã từng mất liên lạc với Thích Minh Tuệ hơn sáu năm, khi sư chọn con đường bộ hành tu học. Chỉ đến khi có sự kiện bị công an đưa lên xe ngày 2/6 và kể đến là việc công an lập nhiều chốt chặn trước đường đi vào cốc tu, vốn nằm trên mảnh đất tư nhân thuộc quyền sở hữu của gia đình ông, thì gia đình mới phải hoang mang trước việc Thích Minh Tuệ bật vô âm tín. Trớ trêu thay cho những lời kêu gọi nhờ được chính quyền giúp đỡ và bảo vệ.

QUAN ĐÃ NẮM TRONG TAY TẤT CẢ

Sự tan rã của nhóm người theo chân Thích Minh Tuệ tu học một lần nữa cho thấy chuyện có từ hàng trăm năm nhưng tới nay vẫn tồn tại và tiếp diễn: chấp nhận nghịch cảnh “con kiến mà kiện củ khoai”. Trước sự bỗng dưng vắng bóng của một nhân vật được hàng triệu người đang mong mỏi dõi theo, ít thấy tiếng hỏi chính quyền đã làm gì, chỉ thấy tiếng an ủi “làm vậy để yên cho người tu”.

Khi chính quyền can thiệp thô bạo vào nhóm tu sĩ đang ngủ giữa đêm, xé lẻ đoàn người và thả họ rải rác, không thấy sự lên tiếng nào rõ ràng về việc phản đối xâm phạm quyền tự do hội họp, mà lại thấy

biện hộ chính quyền “làm vậy để bảo đảm trật tự xã hội”.

Khi chính quyền bắt từng tu sĩ ký giấy cam kết không bộ hành, không thấy sự lên tiếng phản đối xâm hại quyền tự do đi lại, chỉ thấy cái cúi đầu “làm vậy để bảo đảm an ninh”.

Khi công an lập nhiều chốt kiểm tra giấy tờ trước cốc tu của một nhà tu không đối kháng, không thấy tiếng hỏi tại sao có sự can thiệp vào đời sống riêng tư, chỉ thấy sự hân hoan “làm vậy để bảo vệ sự”.

Dường như có một sự ngầm hiểu bất định trong dân là chính quyền luôn có cái lý đúng, và không thể đương đầu với chính quyền, dù chính quyền có đưa ra những đòi hỏi và quy định vô lý.

Dường như nhà cầm quyền đã sử dụng nỗi sợ hãi của người dân để bẻ gãy khả năng kháng cự dân sự của họ, thậm chí còn thuần hoá thái độ và tình cảm của họ, trước những điều rõ mười mươi là chẳng va chạm hay làm hại gì ai. □



TỪ CỘNG HÒA ĐẾN CỘNG SẢN: CÔNG ĐOÀN TỪNG ĐỘC LẬP RA SAO?

Nguyễn Hạnh

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 08/07/2024.

Bài viết này sẽ cung cấp cho độc giả tư liệu về việc phát triển tổ chức công đoàn của công nhân từ thời Pháp thuộc cho tới nay.

Năm 1953, một công nhân Việt Nam phải làm việc gần hai tiếng đồng hồ mới đủ tiền mua một ổ bánh mì, trong khi đó công nhân Mỹ chỉ cần làm trong 6 phút. [1]

Hơn 70 năm sau, thực tế này vẫn không thay đổi đáng kể. Công nhân Việt Nam vẫn là những người thấp cổ bé họng, chắt chiu từng đồng để xoay sở cuộc sống hằng ngày. Trước Tết Nguyên đán năm 2024, có một cuộc đình công xảy ra tại một công ty dệt may của Hàn Quốc trú đóng ở tỉnh Bình Dương. [2] Theo báo chí đưa tin, có khoảng

350 công nhân đã đình công tập thể, yêu cầu công ty thường tết như đã hứa. Nhưng thay vì thực thi đúng các quy định về lương thưởng, chủ doanh nghiệp lại thông báo rằng nếu công nhân tiếp tục biểu tình thì sẽ mời chính quyền đến xử lý. [3]

Đây không phải là cuộc đình công hiếm có ở Việt Nam. Mỗi năm, Việt Nam xảy ra hàng trăm cuộc đình công lớn nhỏ.

Ví dụ, tháng 7/2006, công nhân ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh đập phá nhà máy vì bị công ty quỵt tiền lương. [4] Tháng 3/2018, hàng nghìn công nhân của Công ty TNHH Pouchen Việt Nam ở tỉnh Đồng Nai đã chặn Quốc lộ 1K, phản đối việc công ty muốn tính lương mới. [5] Tháng 2/2022,

một người bị phạt 7,5 triệu đồng vì đăng thông tin lôi kéo các công nhân khác đình công ở Ninh Bình. [6] Hay tháng 10/2023, có 6.500 công nhân ở Nghệ An đình công tập thể đòi tăng lương, đảm bảo phúc lợi. [7]

Từ năm 1995 đến năm 2021, Việt Nam xảy ra 6,364 cuộc đình công, theo công bố của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Nhưng không có cuộc đình công nào trong số này do tổ chức của Công đoàn Việt Nam thực hiện. [9]

Đình công là một trong những quyền cơ bản của người lao động nhằm đấu tranh cho quyền lợi của mình. Trái với nhiều nước trên thế giới, tất cả các cuộc đình công tại Việt Nam đều diễn ra một cách tự phát. [10] Công đoàn Việt Nam bị bó hẹp trong vai trò trung gian giữa giới chủ, chính quyền và công nhân. Hiện nay, ở Việt Nam không có tổ chức đại diện người lao động nào ngoài Công đoàn Việt Nam.

(Thực tế, tài liệu tiếng Anh sử dụng từ “union” và một số tư liệu cũ sử dụng từ nghiệp đoàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, từ công đoàn lại trở nên quen thuộc hơn với nghĩa là một đoàn hội của công nhân. Trong khi đó, nghiệp đoàn thường chỉ tổ chức của người lao động làm việc tự do và có cùng ngành nghề, ví dụ như nghiệp đoàn xe ôm, nghiệp đoàn đánh bắt cá, v.v hơn là tổ chức của công nhân ở các nhà máy. Do đó, để dễ dàng truyền tải thông điệp đến độc giả, sau đây, chúng tôi xin mạn phép sử dụng từ công đoàn cho các tổ chức hội của công nhân nói chung và phân biệt với Công đoàn Việt Nam do Đảng Cộng sản lập ra).

Sắp tới đây, Quốc hội Việt Nam sẽ sửa đổi Luật Công đoàn. Đến cuối năm 2024, Việt Nam có thể sẽ thông qua Công ước số 87 của Tổ chức Lao động Quốc tế, trong đó có quy định về việc thành lập công đoàn độc lập.

Trong lịch sử Việt Nam, có một khoảng thời gian, công nhân Việt Nam đã được trải nghiệm tham gia công đoàn độc lập. Đó là khi nào và những công đoàn ấy đã hoạt động ra sao?

SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÔNG HỘI ĐỎ

Khi người Pháp cai trị Việt Nam, họ đã mang đến nền công nghiệp và điều này dẫn đến nhu cầu sử dụng nhân công.

Đến cuối thập niên 1920, Việt Nam có khoảng 60.000 công nhân làm việc trong các hầm mỏ, nhà máy và có hơn 43.000 công nhân làm việc trong các trang trại, đồn điền tại miền Nam. [11]

Vào lúc này, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đang tác động lớn đến tầng lớp công nhân. Nhiều cuộc đình công đã nổ ra ở bến cảng Sài Gòn, các đồn điền, nhà máy. Thực dân Pháp đã đàn áp tàn bạo các cuộc đình công. [12]

Lợi dụng cuộc xung đột giữa công nhân và chính quyền, các nhà cách mạng cộng sản đã thành lập Công hội Đỏ vào năm 1929 nhằm xâm nhập vào giới công nhân, kích động phong trào dân tộc, chống lại chủ nghĩa tư bản và thực dân Pháp. Tổ chức này sau đó chuyển đổi thành nhiều tổ chức khác nhau như Hội Công nhân Phản đế, Hội Công nhân Cứu Quốc. [13]

Năm 1946, sau khi tạm giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhanh chóng thành lập Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam (tức Công đoàn Việt Nam). Tổ chức này có nhiệm vụ tập hợp, vận động công nhân sản xuất vũ khí, lôi kéo công nhân gia nhập lực lượng kháng chiến. [14]

Lúc bấy giờ, chính quyền Pháp không cho phép thành lập các tổ chức của công nhân và việc tổ chức các cuộc hội họp phải được cảnh sát cho phép. Tuy nhiên, trước tình hình các hội do người cộng sản xâm nhập mạnh mẽ vào giới công nhân, do đó, chính

quyền đã suy nghĩ lại về phong trào công nhân và việc thành lập hội. Lịch sử của các công đoàn ở Việt Nam bắt đầu từ đây.

CÔNG ĐOÀN ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

Năm 1947, chính quyền thực dân cho phép một tổng liên đoàn công nhân được mở văn phòng tại Sài Gòn. Tổ chức này sau đó đã tổ chức các công đoàn theo ngành nghề tại các khu vực khác nhau. [15]

Một năm sau, Tổng Liên đoàn Công nhân Cơ đốc chính thức được thành lập. Tuy nhiên, các thành viên của tổ chức này, trong đó có lãnh đạo là Trần Quốc Bửu, không phải là người theo đạo Cơ đốc.

Tổng Liên đoàn Công nhân Cơ đốc nhanh chóng lập ra 10 công đoàn thành viên ở hãng sản xuất xe hơi Citroën, hãng hàng không Air Vietnam, cùng với các nghiệp đoàn của thợ đánh giày, thợ sắp chữ, thợ may, thợ cắt tóc. [16]



Trần Quốc Bửu, đồng sáng lập và lãnh đạo của Tổng Liên đoàn Công nhân Cơ đốc sau này đổi tên thành Liên đoàn Lao Công Việt Nam.
Ảnh: Vietnam Magazine/Wikipedia.

Không bao lâu sau, quyền tự do thành lập công đoàn được cải thiện.

Năm 1950, Hoàng đế Bảo Đại ban hành nghị định về các quy tắc trong việc thành

lập các hiệp hội của công nhân. Chính phủ Quốc gia Việt Nam cũng thông báo về việc sớm cho phép tự do thành lập công đoàn. [17]

Hai năm sau, Bộ luật Lao động được ban hành với hai sắc lệnh công nhận các công đoàn, lập ra một tòa án lao động với một thẩm phán và hai đại diện từ giới lao động và giới chủ, ban hành các quy trình thương lượng tập thể và đình công hợp pháp nếu hòa giải thất bại. [18]

Đầu thập niên 1950, một số hiệp hội của công nhân tại miền Nam đã mở chi nhánh và hoạt động ở miền Bắc.

Tài liệu CIA cho biết Tổng liên đoàn Công nhân Cơ đốc với tên mới là Tổng Liên đoàn Lao Công Việt Nam đã có đến 60.000 thành viên ở miền Nam và 19 công đoàn tại miền Bắc. [19]

Tuy nhiên, khi quyền tự do thành lập công đoàn mới vừa được thừa nhận thì đất nước bị chia cắt theo Hiệp định Geneva. Công đoàn ở hai miền Nam - Bắc rơi vào hai số phận khác nhau.

MIỀN BẮC XÓA SỔ CÁC CÔNG ĐOÀN ĐỘC LẬP

Sau năm 1954, chính quyền miền Bắc đã xóa sổ các công đoàn độc lập, nhiều lãnh đạo công đoàn phải lao động khổ sai gần biên giới với Trung Quốc. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo, trở thành công đoàn duy nhất tại miền Bắc. [20]

Chính quyền miền Bắc bắt đầu thực hiện nền kinh tế bao cấp. Tất cả các kế hoạch sản xuất, việc làm đều do đảng quyết định và đưa xuống từng xí nghiệp, nhà máy.

Công đoàn và giới công nhân bị chính trị hóa toàn diện. Vai trò của công đoàn và công nhân rất được đề cao trong xã hội, được xem như là một lực lượng quan trọng trong tham gia sản xuất, phục vụ chiến tranh.

Năm 1957, miền Bắc đã thông qua Luật Công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động và các công đoàn cấp địa phương đảm nhận vai trò to tác như “lâm trụ cột của chính quyền”, “tham gia quản lý nhà nước, quản lý xí nghiệp”, “thực hiện thống nhất nước nhà”, “đấu tranh cho độc lập dân tộc và hòa bình thế giới”. [21]

Trong khi đó, quyền tự do công đoàn tại miền Nam tuy được thừa nhận hợp pháp, nhưng cũng gặp không ít khó khăn mà một phần trong đó xuất phát từ nỗi lo sợ miền Bắc cài người xâm nhập vào giới công nhân.

CÔNG ĐOÀN ĐỘC LẬP VÀ ĐÌNH CÔNG HỢP PHÁP Ở MIỀN NAM

Tại miền Nam, sau khi Ngô Đình Diệm trở thành tổng thống, Hiến pháp năm 1956 của Việt Nam Cộng hòa đã công nhận quyền tự do thành lập công đoàn và quyền đình công hợp pháp dựa trên những điều kiện được luật định. [22]

Dù công đoàn được hoạt động hợp pháp, nhưng Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng quan ngại các tổ chức này sẽ là cánh cửa để cộng sản dùng để xâm nhập vào miền Nam.

Các công đoàn không được chính phủ Ngô Đình Diệm tin tưởng thường bị đàn áp, xóa sổ. Nhiều lãnh đạo công đoàn đã bị bắt cóc, tra tấn vì bị cho là cấu kết với Việt Minh. [23]

Tuy nhiên, vào lúc này Việt Nam Cộng hòa đã thông qua Công ước số 87 của Tổ chức Lao động Quốc tế về tự do công đoàn, tức là đã hơn 60 năm trước. [24]

Năm 1963, sau khi Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát cùng em trai Ngô Đình Nhu, cũng là cố vấn đặc biệt của ông, công đoàn độc lập tại miền Nam bắt đầu phát triển mạnh mẽ trở lại.



Một cuộc đình công tại Sài Gòn vào tháng 8/1964.
Ảnh: LIFE.

Dưới thời tướng Nguyễn Khánh, Việt Nam Cộng hòa đã thông qua Công ước số 81 về thanh tra lao động, Công ước số 98 về công đoàn và thương lượng tập thể, và Công ước số 111 về chống phân biệt đối xử. [25]

Việc mở rộng quyền tự do thành lập công đoàn kéo theo sự trở lại của các cuộc đình công của giới công nhân miền Nam.

Cuộc tổng đình công lớn vào tháng 9/1964 khiến toàn bộ Sài Gòn mất nước, điện, ngắt đường truyền điện thoại, đình trệ xe buýt, các chuyến bay trong một ngày. [26] Tháng 1/1968, có khoảng 1.000 công nhân điện lực đã đình công và biểu tình, đòi tăng lương để theo kịp lạm phát. [27] Cảnh sát đã bắt nhiều lãnh đạo công đoàn nhưng cuối cùng đã thả họ ra. Chính phủ sau đó đã chấp nhận mức tăng lương 12%. [28]

Dưới chế độ Đế nhị Việt Nam Cộng hòa, các công đoàn tiếp tục lớn mạnh.

Theo Hoàng Ngọc Thanh, năm 1969, Việt Nam Cộng hòa có khoảng 600 tổ chức công đoàn thuộc sáu tổng liên đoàn. [29] Trong đó, Liên đoàn Nông dân Tả điền có đến 100.000 thành viên, [30] Liên đoàn Ngư dân có đến 50.000 thành viên vào năm 1970. [31]

Tổng liên đoàn Lao Công Việt Nam là tổ chức của người lao động lớn nhất ở miền Nam với 350.000 thành viên với nhiều công đoàn khác nhau. [32]

Chính sách cởi mở với công đoàn độc lập ở miền Nam quả thật đã tạo điều kiện cho chính quyền miền Bắc xâm nhập vào. Đến năm 1968, miền Bắc đã xây dựng được một hệ thống công đoàn bí mật ở miền Nam, cử nhiều cán bộ công đoàn, đảng viên từ miền Bắc vào miền Nam, cài cắm người vào công đoàn nhằm phá hoại, kích động chống chính quyền miền Nam. [33]

Theo James L. Tyson, nhìn chung các công đoàn tại miền Nam hoạt động độc lập và có xu hướng chống cộng sản. Trong khi đó, Việt Cộng đã cố gắng ám sát nhiều lãnh đạo, thành viên, thậm chí là đặt bom tại trụ sở của các công đoàn miền Nam. [34]

Tự do thành lập và hoạt động công đoàn tại miền Nam kéo dài cho đến ngày 30/4/1975.

SAU NĂM 1975: XÓA SỔ CÔNG ĐOÀN ĐỘC LẬP

Sau ngày 30/4/1975, hệ thống công đoàn độc lập của miền Nam đã bị xóa sổ hoàn toàn. Trụ sở của Tổng Liên đoàn Lao Công Việt Nam bị tịch thu, các công đoàn viên bị yêu cầu trình diện chính quyền trong vòng 24 giờ. [35] Chính quyền cách mạng đã thành lập tổ chức liên đoàn lao động để tiếp quản công nhân của miền Nam.

Năm 1976, hoạt động công đoàn miền Nam - Bắc được thống nhất dưới tổ chức “Tổng Công đoàn Việt Nam”, do Đảng Cộng sản Việt Nam kiểm soát toàn diện. [36]

Vào lúc này, toàn bộ nền kinh tế miền Nam đã bị quốc hữu hóa. Kinh tế thị trường bị xóa sổ, có nghĩa là thị trường lao động cũng không tồn tại, và giới chủ cũng không. Do đó, xung đột trong quan hệ lao động được cho là không tồn tại. Các giám đốc xí nghiệp, nhà máy đơn thuần là cán bộ của chính quyền nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất của đảng. Đôi khi họ nhận lương thấp hơn cả các công nhân lành nghề, và không có quyền can thiệp vào tiền lương, tuyển dụng hay sa thải công nhân. Vì tất cả đã được chính quyền quyết định. [37]

Công đoàn trở thành cánh tay của đảng để kiểm soát, tuyên truyền và vận động công nhân hoàn thành kế hoạch sản xuất. Công đoàn là một tổ chức có quyền lực trong nền kinh tế bao cấp, được tham gia vào quá trình lên kế hoạch sản xuất, bảo đảm phúc lợi cho công nhân.

Công nhân được xem là giai cấp tiên phong, lãnh đạo cách mạng, có vai trò rất quan trọng trong xã hội. Nhà nước bảo vệ và đáp ứng các nhu cầu của công nhân và gia đình của họ. Tất cả công nhân được đảm bảo việc làm trọn đời. Tuy nhiên, ý tưởng này chỉ kéo dài một thời gian ngắn. Kinh tế bao cấp sụp đổ

Một thời gian ngắn sau chiến tranh, nền kinh tế bao cấp của Việt Nam đã thất bại nhanh chóng. Đến cuối thập niên 1970, Việt Nam thiếu hụt nguyên liệu sản xuất, hàng hóa trầm trọng.

Đất nước đang ngày càng rơi vào khủng hoảng. Lạm phát tăng 100% mỗi năm. Thị trường chợ đen tràn ngập để lấp đầy khoảng trống thiếu hụt hàng hóa của nền kinh tế bao cấp. [38]

Con người bị suy dinh dưỡng nặng nề hơn cả thời chiến. Lương hàng tháng của cán

bộ chỉ bằng giá của một con gà. Và công nhân phải làm nhiều việc khác nhau để có thêm thu nhập.

Trong thập niên 1980, để cứu nền đất nước khỏi khủng hoảng, Việt Nam bắt đầu mở lại thị trường lao động, cho phép kinh tế tư nhân. Một làn sóng cắt giảm lao động bắt đầu. Các nhà máy quốc doanh giảm nhân công. Đảng Cộng sản bắt đầu đẩy công nhân, những người từng là giai cấp tiên phong của xã hội, trở lại làm việc cho giới chủ.

Hệ thống công đoàn xã hội chủ nghĩa cũng được sửa đổi để bắt kịp nền kinh tế thị trường.

Ở NGÃ BA ĐƯỜNG

Năm 1988, sau khi Việt Nam chính thức cấp phép cho đầu tư nước ngoài trở lại Việt Nam, Tổng Công đoàn Việt Nam được đổi tên thành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, cơ quan lãnh đạo cấp trung ương của Công đoàn Việt Nam.

Hai năm sau, Việt Nam thông qua Luật Công đoàn năm 1990. Luật này không cho phép tổ chức công đoàn được độc lập. Công nhân trong các nhà máy tư nhân chỉ được phép gia nhập Công đoàn Việt Nam.

Các quy định về công đoàn trong Hiến pháp năm 1992 và Bộ Luật Lao động năm 1994 cho thấy sự lãnh đạo toàn diện của đảng đối với công đoàn và công nhân.

Các công đoàn trong các ngành ngân hàng, công an, dầu khí, hàng không, du lịch, v.v được thành lập. Công đoàn trở thành cánh tay của đảng trong việc giám sát cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế. [39]

Năm 1996, để tăng cường kiểm soát các công đoàn, đảng yêu cầu phải thành lập chi bộ đảng tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Những cơ sở đảng này có quan hệ mật thiết với công đoàn, ví dụ như người đứng đầu chi bộ thường là chủ tịch công đoàn. [40]

Từ đó đến nay, Đảng vẫn chi phối toàn diện tổ chức công đoàn. Công đoàn Việt Nam giữ vị thế độc quyền trong việc đại diện cho người lao động.

KHÔNG MUỐN TỪ BỎ

Thực tế, công nhân và công đoàn cho đến nay là một trong những vấn đề nan giải của đảng. Các công đoàn cơ sở (tức công đoàn ở công ty, đơn vị; quản lý các công đoàn cơ sở là công đoàn cấp trên, ví dụ Liên đoàn Lao động cấp quận huyện hoặc Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp...) thường ở vị trí khó xử khi vừa phải làm hài lòng doanh nghiệp, vừa chịu sự kiểm soát của đảng và vừa phải bảo vệ công nhân.

Đảng vẫn tuyên truyền những lý luận tác về vai trò công nhân như “giai cấp tiên phong của xã hội”, “lực lượng lãnh đạo cách mạng”, “đội ngũ xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Trong khi đó, phần lớn công nhân ngày nay không hiểu và không quan tâm đến những sứ mệnh thiếu thực tế này.

Đối với họ, vấn đề tiền lương, điều kiện lao động, phúc lợi xã hội, công bằng trong lao động là quan trọng hơn hết. Trong nền kinh tế thị trường với lực lượng lao động đa dạng ngày nay, vấn đề này sẽ thực sự được giải quyết chỉ khi chính quyền cho phép công đoàn được độc lập. Mặt khác, Việt Nam cũng không thể tránh khỏi sự chỉ trích của quốc tế và các yêu cầu về tự do công đoàn trong các hiệp định thương mại.

Tuy nhiên, thay vì cho phép quyền tự do thành lập công đoàn, chính quyền lại có một ý tưởng khác. Năm 2019, Quốc hội đã ban hành Bộ luật Lao động mới, trong đó cho phép thành lập các công đoàn (gọi là “tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp”). Nhưng đến nay, chưa có tổ chức nào được thành lập và công nhận, do chính quyền chưa ban hành quy định hướng dẫn. [41]

Sắp tới đây, Quốc hội sẽ sửa đổi Luật Công đoàn năm 2012, trong đó quy định các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có quyền gia nhập Công đoàn Việt Nam. Bộ Chính trị cũng ra nghị quyết nêu rõ rằng cần định hướng các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gia nhập Công đoàn Việt Nam. Đảng cũng định hướng rằng đến năm 2045, hầu hết người lao động sẽ phải gia nhập Công đoàn Việt Nam. [42]

Tham vọng này cho thấy đảng sẽ tìm mọi cách để cản trở quyền tự do công đoàn, và củng cố vị thế độc quyền của Công đoàn Việt Nam.

Cho đến nay, vẫn không thể chấp nhận thực tế rằng Công đoàn Việt Nam dù có rộng lớn, tiên tiến đến đâu cũng không thể đại diện cho toàn bộ công nhân Việt Nam. □



Ch Minh Hoa
Đã đăng lần đầu
trên Luật Khoa
ngày 08/07/2024
Đã đăng lần đầu
trên Luật Khoa

Khung cảnh lễ nhậm chức tổng thống tại Quảng trường Tự Do với sự có mặt của các đơn vị đại diện của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Phía trên bên trái là tấm bảng lớn ghi kết quả cuộc tranh cử tổng thống vào tháng 9 năm 1967. Nguồn ảnh: Douglas Pike Photograph Collection, Vietnam Center and Sam Johnson Vietnam Archive, Texas Tech University.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA KỲ 1: ĐỊNH HÌNH HAI NHÁNH QUYỀN LỰC TỔNG THỐNG VÀ QUỐC HỘI

Hoàng Dạ Lan

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 08/07/2024.



Lời tòa soạn: Chuỗi bài viết “Xây dựng nhà nước Dân chủ Cộng hòa” của tác giả Hoàng Dạ Lan phân tích mối quan hệ giữa hành pháp và lập pháp sau khi Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1967 được thông qua, từ đó cung cấp cái nhìn toàn cảnh để độc giả hiểu rõ hơn về những thách thức và nỗ lực mà nền Dân chủ Cộng hòa đã trải qua khi xây dựng một chính thể dân chủ.

CẦN KÍP BẦU QUỐC HỘI LẬP HIẾN

Sau chính biến ngày 1/11/1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, Việt Nam Cộng hòa trải qua giai đoạn chuyển tiếp (1964 - 1967) đầy hỗn loạn khi các chính quyền dân sự và quân sự liên tục được lập lên rồi đổ vỡ. Năm 1966, nhiều cuộc biểu tình nổ ra ở miền Trung với sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội như Phật tử, học sinh, sinh viên, trí thức, công chức và quân nhân. Người biểu tình chỉ trích các tướng lĩnh vì khả năng lãnh đạo yếu kém và đấu đá phe nhóm, đồng thời kêu gọi chính quyền Thiệu - Kỳ tổ chức bầu Quốc hội Lập hiến để soạn thảo hiến pháp mới.

Trên bình diện quốc tế, đối mặt với phong trào phản chiến dâng cao tại Mỹ và nhu cầu biện minh cho việc triển khai lực lượng quân sự lớn trên lãnh thổ Việt Nam, vào tháng 2/1966, Tổng thống Mỹ Johnson đã triệu tập hội nghị ở Honolulu với Quốc trưởng Nguyễn Văn Thiệu và Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ.

Trong cuộc hội đàm, Tổng thống Johnson nhấn mạnh chính quyền miền Nam Việt Nam cần “chiếm được mức độ đồng thuận rộng rãi của quần chúng và tiến tới một mô hình lãnh đạo chính trị dân chủ”. [1]

Trước mối đe dọa bị thôn tính bởi cộng sản Bắc Việt, sự tồn vong của chế độ Sài Gòn phụ thuộc vào việc thiết lập một nhà nước pháp quyền dựa trên một hiến pháp dân chủ. Sau khi được hợp pháp hóa bởi một cuộc bầu cử, chính phủ có thể chính danh tập hợp nguồn lực để giải quyết các thách thức mà đất nước đang đối mặt như đói nghèo, lạm phát, tham nhũng hay tệ nạn chiến tranh, v.v.

Chế độ nghị viện sẽ cho phép các nhóm tôn giáo (Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, Công giáo, v.v.) và đảng phái quốc gia (Đảng Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng, v.v.) có đại diện trong chính quyền và tham gia đối thoại cởi mở để cùng tìm ra giải pháp cho những vấn đề then chốt của đất nước.

Các cuộc bầu cử công bằng và minh bạch cũng sẽ giúp loại bỏ những chính trị gia kém cỏi, qua đó giúp hạn chế tình trạng đảo chính quân sự và củng cố tính ổn định của chế độ. [2]

Về mặt quan hệ quốc tế, thể chế dân chủ không chỉ giúp chính quyền miền Nam tăng cường vị thế và uy tín so với chế độ độc đảng của cộng sản Bắc Việt, mà còn thu hút viện trợ kinh tế và quân sự, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, giữa bối cảnh chiến tranh khốc liệt, việc tiến hành dân chủ hóa trong một đất nước thiếu trải nghiệm dân chủ là một nhiệm vụ hết sức khó khăn.

TỔNG THỐNG VÀ QUỐC HỘI: SỰ PHÂN CHIA QUYỀN LỰC TRONG HIẾN PHÁP 1967

Cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến đã diễn ra vào ngày 11/9/1966. Và đến ngày 1/4/1967, Hiến pháp mới được ban hành.

Về mặt đại cương, Hiến pháp 1967 của Việt Nam Cộng hòa thiết lập chế độ Cộng hòa Tổng thống. Theo đó, tổng thống nắm phần lớn quyền lực hành pháp và có quyền bổ nhiệm hay bãi nhiệm thủ tướng. Vị trí thủ tướng được lập ra nhằm vừa hỗ trợ tổng thống, vừa đứng mũi chịu sào khi Quốc hội bất tín nhiệm Chính phủ.

Tuy nhiên, đây không phải là một chế độ tổng thống thuần túy. Để tránh hành pháp lạm quyền, các nhà lập hiến đã trao cho Quốc hội nhiều quyền, bao gồm quyền thay thế từng phần hay toàn thể Chính phủ.

Trong nhánh lập pháp, quyền làm luật được ủy nhiệm cho cả Hạ Nghị viện (gọi tắt là Hạ viện) và Thượng Nghị viện (gọi tắt là Thượng viện). Một dự luật muốn trở thành luật thì ngoài việc vượt qua công đoạn làm

luật ở lưỡng viện quốc hội, còn phải được tổng thống chấp thuận ban hành. [3]

Ngoài ra, Tối cao Pháp viện có thẩm quyền phán quyết về tính hợp hiến của các đạo luật do cơ quan lập pháp ban hành cũng như các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chính của hành pháp.

Quy trình làm luật được thiết kế với nhiều điểm phủ quyết (veto points) nhằm tạo ra một hệ thống cân bằng và kiểm soát, góp phần ngăn chặn việc thông qua các đạo luật kém chất lượng hoặc các chương trình cải cách đơn phương, bông bột. Chỉ những dự luật được đồng ý của các thành viên trong hệ thống ủng hộ mới có cơ hội được thông qua và trở thành luật. [4]

Tuy nhiên, sự tồn tại của nhiều điểm phủ quyết và quy trình làm luật phức tạp có thể làm chậm quá trình ra quyết định khẩn cấp trong thời chiến và làm giảm hiệu quả phản ứng của chính phủ.

Ngoài ra, trong chế độ Cộng hòa Tổng thống, có thể xuất hiện nhiều mâu thuẫn và tranh chấp quyền lực giữa hành pháp và lập pháp.

Tổng thống được bầu lên một cách độc lập với cơ quan lập pháp và phục vụ một nhiệm kỳ cố định, cũng như không cần duy trì tín nhiệm của cơ quan lập pháp để giữ quyền lực. Điều này có thể làm giảm động lực hình thành các liên minh giữa hành pháp và lập pháp. [5]

MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH PHÁP VÀ LẬP PHÁP

Sự tranh giành quyền lực giữa lập pháp và hành pháp của Dân chủ Cộng hòa, đặc biệt trong pháp nhiệm đầu tiên, là minh chứng rõ ràng cho cuộc cạnh tranh chính trị trong bộ máy nhà nước của các quốc gia đang chuyển đổi chế độ. Nỗ lực xây dựng dân chủ còn gặp nhiều thách thức do hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt.

Tiến sĩ Allan E. Goodman phân tích những vấn đề này trong cuốn sách “Politics in War: The bases of Political Community in South Vietnam” (tạm dịch là “Chính trị trong thời chiến: Nền tảng của cộng đồng chính trị tại miền Nam Việt Nam).

Goodman nghiên cứu thực địa từ tháng 8/1969 đến tháng 1/1970, trong đó phỏng vấn 280 cuộc với các chính trị gia và quan chức chính phủ, đồng thời tổ chức nhiều cuộc thảo luận chuyên sâu với 60 dân biểu Hạ viện. Qua đó, nghiên cứu nêu bật lên sự phức tạp của việc xây dựng một “cộng đồng chính trị” và nâng cao sự ủng hộ của dân chúng đối với chính quyền trong thời chiến.

Các bài viết tiếp theo của loạt bài sẽ giới thiệu những điểm quan trọng trong nghiên cứu của Goodman, giúp người đọc thấy được một bức tranh lịch sử còn ít được biết đến ở Việt Nam. □

(còn tiếp)

tổng số nghị sĩ. Theo các nhà lập hiến, thể thức bầu cử không chia đơn vị này thể hiện tính cách nhất nguyên của quốc gia. Nghị sĩ muốn đắc cử cần có đủ uy tín để thu hút phiếu bầu trên toàn quốc.

Trong pháp nhiệm đầu tiên, các khối trong Thượng viện vẫn mang tính cục bộ, tập trung vào việc duy trì các liên danh tranh cử của họ thay vì hình thành các liên minh rộng rãi.

Khối đáng chú ý nhất ban đầu là Nông Công Binh do cựu trung tướng Trần Văn Đôn lãnh đạo, thu hút được sự ủng hộ của nhiều cử tri ở cả nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, khối này sớm tan rã vào năm 1969 vì các mâu thuẫn nội bộ.

Trần Văn Đôn cũng tham gia sáng lập Mặt trận Cứu nguy Dân tộc nhằm tạo ra một liên minh chính trị để bảo vệ và cứu nguy Việt Nam Cộng hòa trong bối cảnh chiến tranh ác liệt. Mặt trận này cũng nhằm tham gia vào các hoạt động chính trị và xã hội, tạo ra một lực lượng có khả năng cạnh tranh trong các cuộc bầu cử và đưa ra các chính sách có lợi cho quốc gia. Tuy nhiên, phong trào này cũng sớm tan rã vì nghị sĩ Đôn chủ yếu sử dụng phong trào như một công cụ chính trị phục vụ tham vọng tranh cử tổng thống vào năm 1971 chứ không phải xây dựng chương trình hành động chung, tạo kết nối và huy động sự ủng hộ của quần chúng.

Ví dụ trên thể hiện những thách thức trong việc chuyển đổi thành công bầu cử thành ảnh hưởng chính trị lâu dài. Những nỗ lực tạo ra các liên minh lưỡng viện cũng thất bại do những ưu tiên khác nhau và sự yếu kém trong tổ chức.

CÁC KHỐI TRONG HẠ VIỆN

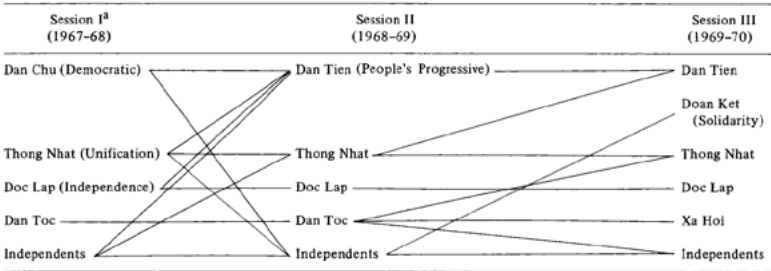
Hạ viện của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong pháp nhiệm đầu tiên (1967-1971) có 137 dân biểu, được bầu lên theo thể thức đơn danh từ 53 đơn vị bầu cử. Dân biểu có nhiệm kỳ bốn năm và có độ tuổi trung bình là 39. [8]

Theo nghiên cứu của Goodman, từ khi Hạ viện được thành lập cho đến cuối năm 1969, có bảy khối được hình thành, bao gồm: Dân chủ, Dân tiến, Đoàn kết, Thống nhất, Độc lập, Dân tộc và Xã hội. Những vị không tham gia khối nào trong Hạ viện được gọi là dân biểu độc lập và nhóm thành khối không liên kết.

Hầu hết các dân biểu đã tham gia ít nhất một khối và có hơn một nửa đã tham gia ít nhất hai khối trong giai đoạn này. Các khối nhóm họp khoảng hai tuần/lần, tổ chức hội thảo, tranh luận chính sách, chuẩn bị thông cáo báo chí và tham gia đối thoại với hành pháp.

Kỳ luật nội khối thay đổi tùy vào số lượng thành viên; khối nhỏ hơn thường có các thành viên biết rõ nhau hơn và dễ gây áp lực lẫn nhau để bỏ phiếu theo thống nhất trước đó. Dù vậy, ngay cả các khối ổn định nhất cũng không thể ràng buộc các thành viên bỏ phiếu theo quan điểm chung của khối.

Bảng dưới tóm tắt các khối chính trong Hạ viện và biến động của các khối này trong giai đoạn 1967-1970:



^aSessions begin in October.

Khối Độc lập (Independence) là khối bảo thủ và ổn định nhất trong Hạ viện, chủ yếu bao gồm các trí thức Công giáo gốc Bắc có tham gia Lực lượng Đại đoàn kết, Khối Công dân Công giáo hoặc Đảng Đại Việt Cách mạng. Ở thời điểm đỉnh cao vào tháng 4/1968, khối này có 21 thành viên. Đến năm 1969, số thành viên ổn định ở mức 17, chủ yếu là các dân biểu Công giáo có lập trường cứng rắn chống lại đàm phán với Việt Cộng và hòa giải với Phật giáo.

Khối Dân chủ (Democratic Bloc) là một nhóm chính trị thiên hữu, có khuynh hướng thân chính. Ở thời điểm đỉnh cao với 52 thành viên vào tháng 1/1968, khối này bao gồm các dân biểu dân tộc thiểu số, dân biểu theo các tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long, cùng các cựu công chức gốc miền Trung và miền Nam. Khối này được hình thành nhằm thể hiện sự ủng hộ các chính sách của Chính phủ, qua đó hỗ trợ chính quyền đối phó hiệu quả với Washington và Hà Nội.

Tuy nhiên, nói thêm, khối này gặp nhiều chia rẽ nội bộ vì các thành viên ủng hộ các chính trị gia khác nhau. Khi quyền lực của Nguyễn Cao Kỳ sụp đổ và Mỹ gây áp lực buộc Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tham gia hòa đàm tại Paris, khối này đã tan rã và được khối Dân tiến thay thế. Tương tự như tiền thân của nó, do thiếu sự quan tâm, nâng đỡ của Tổng thống Thiệu và thiếu mục tiêu chung giữa các thành viên nên khối này đối mặt với nhiều thách thức trong việc duy trì đoàn kết và kỷ luật nội khối.

Khối Thống nhất (Unification Bloc) là một nhóm chính trị trung tả, ban đầu là một liên minh giữa các dân biểu Việt Nam Quốc dân Đảng, Cao Đài và Hòa Hảo. Khối này chuyển từ đối lập vừa phải với chính quyền sang ủng hộ nội các của Thủ tướng Trần Văn Hương, và sau đó quay trở lại khuynh hướng đối lập sau khi nội các Trần Văn Hương sụp đổ.

Đến cuối năm 1969, khối này chứng kiến sự thay đổi lớn về mặt thành viên khi nhiều người tham gia mới có quan hệ mật thiết với các Phật tử đấu tranh (militant Buddhists), nhưng không liên kết rõ ràng với Phật giáo Ấn Quang. Điều này khiến cho mục đích và ý định tương lai của khối vẫn chưa rõ ràng.

Khối Dân tộc (People's Bloc) là một nhóm chính trị thiên tả, chủ yếu bao gồm các Phật tử đấu tranh và các dân biểu từ Phong trào Phục hưng miền Nam. Dù là một khối đối lập với Chính phủ nhưng họ có xu hướng hỗ trợ các Phật tử tham gia vào quy trình chính trị thay vì đối đầu công khai và cố gắng lật đổ chính quyền như trước đây.

Sự thay đổi thái độ của Phật tử đối với Chính phủ là kết quả của việc Việt Cộng chiếm Huế trong cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, khi họ nhận ra rằng tương lai của Phật giáo miền Nam phụ thuộc vào sự tồn tại bền vững của chính quyền miền Nam.

Các dân biểu cũng tin rằng thông qua việc tham gia vào cơ quan lập pháp, họ có thể làm việc hiệu quả hơn để chấm dứt sự đàn áp của Chính phủ đối với các lãnh tụ Phật giáo so với việc đứng ngoài khuôn khổ đó. Khối Dân tộc tan rã vào mùa thu năm 1969 do những bất đồng nội bộ và áp lực từ bên ngoài, đặc biệt là sau các tuyên bố gây tranh cãi của dân biểu Phạm Thế Trú - một thành viên sáng lập. Trong cuộc họp báo ở Nhật Bản do các nhóm cánh tả và phản chiến tổ chức vào tháng Sáu năm 1969, ông Trú tuyên bố ủng hộ kết thúc chiến tranh, rút toàn bộ lực lượng quân sự của Mỹ và đồng minh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, lật đổ Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu và mở cửa chính quyền cho sự tham gia đầy đủ của Phật giáo.

Sau khi tan rã, các cựu thành viên phân tán, một vài người gia nhập khối Xã hội, những người khác gia nhập khối Thống nhất hoặc tuyên bố hoạt động độc lập.

Khối Đoàn kết (Solidarity Bloc) bao gồm 20 dân biểu, trong đó có sáu người trước đây là dân biểu độc lập và những người khác là đại diện dân tộc thiểu số từ khối Dân chủ. Trong số này, có tám người Khmer, một người Chăm và hai người Thượng. Hầu hết các thành viên của khối là cựu công chức, từng thăng tiến nhanh chóng dưới thời Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, nhưng sự nghiệp bị chững lại khi phe Kỳ thoái trào.

Mục tiêu chung của khối Đoàn kết là giải quyết những bức xúc về hệ thống bổ nhiệm và thăng chức trong ngành công chức và quân đội, cũng như tìm cách soạn thảo luật mới để cải cách hành chính.

Khối Xã hội (Society Bloc) được chính thức thành lập vào cuối tháng 11/1969 dù đã hoạt động không chính thức từ khi Hạ viện mới ra đời. Lãnh đạo chủ chốt của khối là những đại biểu thuộc nhóm Xã hội Mới từ năm 1967, nhóm Phong trào Phục hưng miền Nam trong Quốc hội Lập hiến và Đảng Tân Đại Việt.

Khối Xã hội chủ trương thúc đẩy sự hợp tác giữa các nhóm chính trị đa dạng, vượt lên biên giới tôn giáo, vùng miền, sắc tộc cũng như nhấn mạnh tầm quan trọng của các dự án phục vụ cộng đồng. Một số hoạt động nổi bật của khối Xã hội bao gồm chương trình phát triển quận 8 Sài Gòn và giải quyết những bất cập về việc giam giữ và tra tấn nghi phạm của chiến dịch Phụng Hoang. [9]

Các khối trong Quốc hội được thành lập vì ba lý do chính: tạo ra các liên minh vững chắc hơn cho các chiến dịch bầu cử (bao gồm tranh cử vị trí lãnh đạo các ủy ban trong Quốc hội), thay vì chỉ dựa vào các hợp tác tạm bợ giữa các chính trị gia; phát triển lực lượng thân chính và đối lập; xây dựng các đảng chính trị mới dựa trên lợi ích chung.

Điều đáng tiếc là các khối chưa đạt được hiệu quả cao trong việc soạn thảo hoặc ủng hộ các sáng kiến lập pháp, chưa kể, chương trình hành động của nhiều khối còn chưa rõ ràng.

Theo nghiên cứu của tiến sĩ Allan E. Goodman, nỗ lực sử dụng các khối làm hạt nhân để hình thành các đảng chính trị mới cũng chưa thành công do:

(1) Văn hóa chính trị Việt Nam đề cao lòng trung thành cá nhân, và các dân biểu thường hình thành liên minh dựa trên các mối quan hệ cá nhân hơn là sự đồng thuận về mặt ý thức hệ;

(2) Các khối còn thiếu ổn định và nhiều dân biểu chú trọng vào các liên minh ngắn hạn để thích ứng với môi trường chính trị thay vì theo đuổi mục tiêu xây dựng đảng trong dài hạn;

(3) Các khối thiếu khả năng tổ chức và nguồn lực tài chính cần thiết để chuyển đổi thành các đảng chính trị hoàn chỉnh. Tuy nhiên, trong pháp nhiệm đầu tiên, đã có những nỗ lực hợp tác giữa các khối, góp phần thúc đẩy sự ổn định chính trị cũng như chống lại xu hướng lạm quyền của hành pháp. Ở kỳ tiếp theo, bài viết sẽ nói rõ hơn về các hoạt động phục vụ cử tri của các dân biểu, các chương trình nghị sự, đồng thời đề cập đến các lỗ hổng tham nhũng và màm mống thoái trào dân chủ. □

(còn tiếp)



Đồ họa: Tuyền Phong/ Luật Khoa.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA KỲ 3: QUỐC HỘI LÀM GÌ?

Hoàng Dạ Lan

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 10/07/2024.

Với hai kỳ trước của loạt “Xây dựng nhà nước Đệ nhị Cộng hòa”, độc giả đã có cái nhìn tổng quan về các nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp, cũng như mô hình, tổ chức của một quốc hội còn non trẻ ở pháp nhiệm đầu tiên. Kỳ ba, tác giả sẽ cung cấp thông tin rõ hơn nữa về chức năng, vai trò của Hạ viện.

PHỤC VỤ CỬ TRI, GIÁO DỤC QUẢN CHỨC

Theo nghiên cứu của Goodman, hầu hết các dân biểu nhận định rằng công tác phục vụ cử tri là đóng góp quan trọng nhất của Hạ viện cho đời sống chính trị và xã hội của miền Nam. Hoạt động này giúp thiết lập mối liên kết giữa dân chúng và chính quyền, một điều chưa từng tồn tại dưới sự cai trị của Pháp và Ngô Đình Diệm. Trong Hạ viện, khoảng 1/3 dân biểu chú trọng vào công tác phục vụ cử tri (service-oriented deputies). Xu hướng này thể hiện qua việc các dân biểu:

- Duy trì ít nhất một văn phòng đại diện có nhân viên hoạt động thường trực tại địa phương;
- Gia đình của dân biểu vẫn thường trú tại địa phương trong khi họ họp Quốc hội ở Sài Gòn và các dân biểu quay về khu vực bầu cử ít nhất mỗi tháng một lần;
- Thúc đẩy và thực hiện một hoặc nhiều dự án phát triển tỉnh nhà ở cấp độ địa phương hay quốc gia;
- Tham gia vào các dự án phúc lợi xã hội do các nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị tại địa phương bảo trợ. [10]
- Thông thường, họ dành ra khoảng 2/3 quỹ thời gian để xử lý các vấn đề tại khu vực bầu cử và 1/3 quỹ thời gian cho các vấn đề lập pháp.

Các đại biểu hoạt động năng nổ nhất tại khu vực bầu cử cho biết hầu hết các vấn đề mà họ xử lý xuất phát từ sự kém cỏi và thiếu trách nhiệm của chính quyền. Hình ảnh dưới đây tóm lược năm loại vấn đề chính mà các dân biểu chuyên phục vụ cử tri phải xử lý, cùng với tỷ lệ của từng vấn đề trong khối lượng công việc trung bình hằng năm (khoảng 200 - 300 vụ).

Vấn đề	Cấp độ can thiệp	Tần suất của vấn đề (%)
Các bất cập liên quan đến Chiến dịch Phụng Hoàng bao gồm việc bắt người trái phép của lực lượng cảnh sát và an ninh; tra tấn nghi phạm; giam giữ mà không thông qua xét xử trong thời gian dài hơn hai tháng; giam giữ trong điều kiện sống, ăn uống và vệ sinh không đạt tiêu chuẩn.	Địa phương	40%
Các bất cập của chính quyền bao gồm chậm trễ trong việc xử lý đơn xin cứu trợ; không cung cấp trợ cấp đã được phê duyệt cho người bị nạn; không trợ cấp cho cô nhi quá phụ của tử sĩ; miễn nhiệm dân biểu bất hợp pháp, không cung cấp trợ cấp nông nghiệp đã được phê duyệt; bán vật tư với giá chợ đen.	Địa phương và quốc gia	30%
Các dự án công trình công cộng bao gồm xây dựng trường học, đường sá, điện khí hóa nông thôn, cầu cống, chợ, các cơ sở kiểm soát và cung cấp nước, bến cảng, nhà ở, chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp và ngành công nghiệp địa phương.	Địa phương và quốc gia	15%
Đảm bảo nguồn cung lương thực và các vật tư khác được phân bổ và lưu trữ đầy đủ trong nhà kho của tỉnh.	Vùng	10%
Các vụ án chống tham nhũng, dẫn đến việc kêu gọi cách chức các quan chức bị buộc tội.	Quốc gia	5%

Các vấn đề trong công tác phục vụ cử tri dựa trên việc phỏng vấn tổng cộng 60 dân biểu Hạ viện.
Nguồn: Goodman (1973), trang 212.

Từ đó, ta thấy rằng việc giải quyết các bất cập liên quan đến chương trình Phụng Hoàng chiếm một tỷ trọng khá lớn trong công tác phục vụ cử tri của dân biểu. Nói

thêm, chương trình Phụng Hoàng là sự hợp tác giữa lực lượng quân sự và tình báo của Việt Nam Cộng hòa và Mỹ nhằm tìm kiếm và tiêu diệt các phần tử cộng sản trong các cộng đồng dân cư. Chiến dịch này đã gây ra nhiều tranh cãi và bị chỉ trích vì liên quan các vi phạm về nhân quyền.

Trong nghiên cứu của mình, Goodman cũng đưa ra nhiều phê phán đối với chương trình này. Ông cho biết đã có những cáo buộc về việc các đặc vụ hoặc quan chức địa phương lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân, buộc người dân phải hối lộ cho mình để được yên ổn, thay vì nhằm mục tiêu vào Việt Cộng. Những vụ bắt giữ tùy tiện và hành vi tham nhũng kiểu này làm suy giảm hiệu quả của chương trình, làm người dân oán giận và mất lòng tin với chính quyền.

Dân biểu Hạ viện can thiệp, giúp phóng thích những người bị bắt giữ và tra tấn trái phép trong chiến dịch Phụng Hoàng là nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của công dân theo Điều 7 và Điều 8 của Hiến Pháp 1967, bao gồm quyền an toàn cá nhân, quyền biện hộ, quyền suy đoán vô tội, và

quyền được xét xử công khai và nhanh chóng. Đây là bước đầu trong việc giáo dục các quan chức địa phương về Hiến pháp quốc gia.

Sau này, Hạ viện tập trung thúc đẩy “quy trình tố tụng chuẩn” (due process) nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, ngăn chặn sự lạm

quyền của hành pháp và hạn chế quyền lực của lực lượng quân đội và an ninh ở mọi cấp độ chính quyền. Quy trình tố tụng chuẩn được xem như một công cụ để Quốc hội gia tăng quyền lực của mình trong mối quan hệ với hành pháp.

CHIẾN DỊCH CHỐNG THAM NHŨNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Một phát hiện thú vị trong nghiên cứu của Goodman là vai trò tích cực của một số dân biểu trong việc đấu tranh với các quan chức tham nhũng tại địa phương.

Trong thời gian nghiên cứu thực địa tại miền Nam, Goodman nhận thấy một tồn tại lớn trong hệ thống chính quyền các cấp là tham nhũng và không mấy quan tâm tới nguyện vọng của dân chúng.

Thủ tướng Trần Văn Hương coi tham nhũng trong chính quyền là một căn bệnh ung thư, có thể khiến miền Nam rơi vào tay cộng sản. Những người cộng sản thường tuyên truyền rằng họ không chấp nhận tham nhũng. Họ tận dụng tình trạng tham nhũng ở miền Nam để gia tăng sự bất mãn của quần chúng nhân dân đối với chính quyền, nhấn mạnh sự chênh lệch giữa cuộc sống của người giàu và người nghèo. [11]

Thực trạng này của chính quyền xuất phát từ thực tế rằng con đường hoạn lộ của các quan chức không phụ thuộc vào lá phiếu và sự hài lòng của người dân. Cụ thể, các tỉnh trưởng thường được bổ nhiệm bởi các tướng lĩnh cấp cao ở Sài Gòn. Vị trí của một tỉnh trưởng có thể bị đe dọa nếu tướng lĩnh đã bổ nhiệm họ mất đi quyền lực. Ví dụ, trong cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ, khi Thiệu thắng thế, những tỉnh trưởng thuộc phe Kỳ sẽ bị thay thế trong một “chiến dịch chống tham nhũng”.

Ngoài ra, những tỉnh trưởng rành rẽ việc viết báo cáo và thuyết phục được thượng cấp rằng tỉnh nhà đang đạt được nhiều “thành tựu” thì sẽ có cơ hội thăng tiến, dù những báo cáo này có thể không phản ánh đúng thực tế.

Trong trường hợp tỉnh trưởng tham nhũng, các cố vấn Mỹ có thể phản đối và

tạo áp lực lên thượng cấp của họ ở Sài Gòn, buộc thuyền chuyển tình trường đến một địa phương khác hoặc giao cho người này một nhiệm vụ khác.

Cuối cùng, vị trí của một tỉnh trưởng tham nhũng có thể bị thách thức bởi một chiến dịch chống lại ông ta tại địa phương, được dẫn dắt bởi một dân biểu Hạ viện. Chiến dịch kiểu này thường kéo dài trong khoảng từ 3 - 6 tháng. Goodman ghi nhận đã có bốn chiến dịch như vậy được phát động.

Dân biểu có thể thu thập bằng chứng tham nhũng và viết thư cho cử tri tại địa phương kêu gọi họ ủng hộ chiến dịch. Tại Sài Gòn, các cáo buộc được ghi vào biên bản của Quốc hội và thường được đăng trên báo của phe đối lập kèm theo các bài xã luận ủng hộ. Dân biểu cũng có thể đưa các bằng chứng tham nhũng cho các cố vấn Mỹ và thuyết phục họ gây thêm áp lực lên Sài Gòn nhằm loại bỏ tỉnh trưởng đã nhúng chàm.

Một số chiến dịch kiểu này đã đạt thành công ngoài mong đợi. Trong hai chiến dịch đặc biệt gay gắt, các tỉnh trưởng giảm đáng kể hành vi tham nhũng và bắt đầu thực hiện công vụ một cách trách nhiệm hơn.

Tuy nhiên, các dân biểu nhận định rằng chiến dịch chống tham nhũng kiểu này cần được tiến hành thật cẩn trọng. Nếu không loại bỏ được các quan chức tham nhũng, mối hằn thù của họ sẽ khiến dân biểu không thể tiếp tục thực hiện công tác phục vụ cử tri tại địa phương.

MUA CHUỘC DÂN BIỂU

Theo nghiên cứu của Goodman, lý do chính dẫn đến mâu thuẫn giữa hành pháp và lập pháp trong nền Dân chủ Cộng hòa là do trong bộ máy hành pháp có nhiều cựu quân nhân nắm quyền. Những người này vốn quen với cách vận hành theo mệnh lệnh trong quân ngũ, cấp trên ra lệnh mà không bị cấp dưới chất vấn. Họ cũng thiếu các kỹ năng đàm phán cần thiết để làm

việc với đại diện của các cơ quan lập pháp. [12]

Trong khi đó, như đã bàn ở kỳ 1, Hiến pháp 1967 thiết kế một cơ chế kiểm soát và đối trọng tinh vi giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp, với mục đích tối hậu là loại bỏ các dự luật yếu kém và ngăn chặn các cải cách đơn phương, bông bột.

Sự mâu thuẫn giữa một hệ thống tam quyền phân lập với một bộ máy hành pháp hay đi tắt và lạm quyền càng trở nên sâu sắc hơn trong bối cảnh chiến tranh. Sau sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968, Tổng thống Thiệu yêu cầu Quốc hội thông qua dự luật tổng động viên và cho phép ông điều hành Chính phủ bằng sắc lệnh trong vòng một năm để nhanh chóng giải quyết các hậu quả của cuộc tấn công.

Lo ngại đánh mất quyền lực mà các dân biểu mới có được cũng như nguy cơ đất nước trở lại chế độ độc tài, vào ngày 1/3/1968, Hạ viện bỏ phiếu áp đảo chống lại yêu cầu này. Khối đại biểu lớn nhất trong Hạ viện, vốn có quan hệ chặt chẽ với Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ, đã bỏ phiếu chống lại đề xuất của Thiệu. Ông Thiệu đổ lỗi cho Kỳ vì không hỗ trợ ông và coi sự kiện này là một âm mưu nhằm làm suy yếu quyền lực của mình và khiến ông mất mặt. [13]

Nhận thấy rằng những cuộc đàm phán kéo dài và yêu cầu thỏa hiệp giữa các bên quá phiền phức, Nguyễn Văn Thiệu dần thay đổi cách làm việc với Quốc hội. Ông đã bổ nhiệm Nguyễn Cao Thắng, nguyên giám đốc của OPV - hãng được phẩm lớn nhất miền Nam, làm phụ tá đặc trách liên lạc Quốc hội. Nếu việc thương lượng và thuyết phục các nghị sĩ và dân biểu không hiệu quả, Thắng sẽ dùng tiền và các lợi ích vật chất khác để mua chuộc và định hướng đại biểu.

Thắng biện luận rằng cách tốt nhất để đánh bại cộng sản là để cho Tổng thống Thiệu và những người nắm quyền ra quyết định, trong khi Quốc hội phải đoàn kết và hết lòng ủng hộ tổng thống. [14]

Có thể thấy thái độ khinh thị các đại biểu dân cử và hành vi mua chuộc phiếu bầu của Thắng không chỉ làm xói mòn tư thế độc lập của lập pháp mà còn đe dọa đến tính chính danh của toàn bộ hệ thống chính trị.

Nguyễn Văn Thiệu là người có công lớn trong việc thúc đẩy Việt Nam Cộng hòa chuyển từ thời kỳ quân quản đầy hỗn loạn giai đoạn 1963-1967 sang chế độ dân chủ. Ông là một trong những nhân vật chủ chốt thuyết phục các tướng lĩnh trong Hội đồng Quân lực chấp nhận bản hiến pháp mới, dọn đường để miền Nam thực hiện dân chủ hóa. Tuy nhiên, một khi các thiết chế dân chủ dần thành hình và bắt đầu thách thức quyền lực của hành pháp, Thiệu dần trở nên độc đoán và sử dụng nhiều thủ đoạn chính trị khác nhau để tập trung quyền lực, gây tổn hại đến các thiết chế này.

Điều này cho thấy rằng việc củng cố dân chủ đòi hỏi không chỉ các thiết chế và quy định pháp lý, mà còn cần sự cam kết, thỏa hiệp và thái độ đúng đắn từ tất cả các thành phần tham gia vào quy trình chính trị. Việc mua chuộc đại biểu dân cử và làm suy yếu tính độc lập của Quốc hội là một trong những nguyên nhân và biểu hiện của thoái trào dân chủ. Vấn đề này sẽ được nói rõ hơn ở bài viết tiếp theo, bài cuối cùng của chuỗi bài này. □

(còn tiếp)



Sài Gòn năm 1969 - Góc đường Bạch Đằng - Lê Quang Định, phía trước chợ Bà Chiểu. Ảnh: Dr. William Bollhofer/ manhhai/ Flickr.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

KỲ 4: VIỆT NAM CỘNG HÒA THẤT BẠI TRƯỚC CỘNG SẢN, VÌ SAO VẬY?

Hoàng Dạ Lan

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 11/07/2024.

Trong các cuộc tranh luận về lý do thất bại của Việt Nam Cộng hòa trước cộng sản Bắc Việt, nhiều ý kiến cho rằng nỗ lực dân chủ hóa là một sai lầm chiến lược. Theo quan điểm này, chính quyền miền Nam lẽ ra nên theo đuổi một chế độ độc tài mạnh mẽ hơn để quản lý dân chúng và giành chiến thắng cuối cùng trong cuộc chiến.

Tuy nhiên, người viết muốn đưa ra một góc nhìn khác về nguyên nhân thất bại. Đó chính là việc thực hiện các cải cách chính trị nửa vời cùng với sự xói mòn dân chủ đã làm suy giảm niềm tin của dân chúng vào khả năng lãnh đạo và cam kết của chính quyền. Nói cách khác, việc chính quyền miền Nam chưa thu phục được nhân tâm và chưa khiến dân chúng

ùng hộ nhiệt thành là nguyên dân làm suy yếu khả năng kháng cự của họ trước áp lực từ Bắc Việt.

Trong một cuộc chiến tranh cách mạng (revolutionary war) lâu dài và phức tạp như chiến tranh Việt Nam, nơi không có chiến trường và chiến tuyến cố định, đối mặt với các chiến dịch tuyên truyền của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam rằng họ mới là đại diện chân chính cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân miền Nam, thì việc chính quyền Việt Nam Cộng hòa duy trì tính chính danh và giành được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân càng có ý nghĩa sống còn. Không có giải pháp thuần túy quân sự cho cuộc chiến. [15]

Mặt khác, bài viết này chỉ ra rằng các thiết chế dân chủ của Việt Nam Cộng hòa đã có nhiều tác động tích cực đến quản trị quốc gia, góp phần giải quyết phần nào nhiều vấn nạn trong bộ máy chính quyền của miền Nam, đặc biệt là trong pháp nhiệm đầu tiên.

NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA CÁC THIẾT CHẾ DÂN CHỦ

Các học giả chính trị học thường phân biệt rạch ròi hai khái niệm “xây dựng nhà nước” (state building) và “xây dựng dân chủ” (democracy building). Xây dựng nhà nước tập trung vào việc duy trì bộ máy hành chính hiệu lực và hiệu quả, cũng như thiết lập và duy trì lực lượng an ninh và quân đội để đảm bảo an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Trong khi đó, xây dựng dân chủ chú trọng vào việc tổ chức các cuộc bầu cử tự do và công bằng, cũng như bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân như tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp, v.v.

Trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt, các lãnh tụ chính trị thường bị đặt ở thế tiến thoái lưỡng nan giữa việc xây dựng nhà nước hay xây dựng dân chủ, tức ưu tiên an ninh quốc gia hay bảo vệ quyền công dân.

Họ cũng lo sợ kẻ thù lợi dụng các thiết chế dân chủ để phá hoại sự đoàn kết quốc gia và gây xáo trộn trong xã hội.

Nhưng khá thú vị khi nghiên cứu của Goodman cho ta thấy hai quá trình này không mâu thuẫn, ngược lại còn có thể bổ sung cho nhau. Xây dựng dân chủ hoàn toàn có thể thúc đẩy quá trình xây dựng nhà nước.

Như đã đề cập ở kỳ 3, mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng hoạt động của nhiều dân biểu Hạ viện trong pháp nhiệm đầu tiên đã tác động tích cực đến hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao năng lực hành chính của địa phương. Sự tồn tại của cơ quan lập pháp tạo ra một cơ chế đối trọng, giúp kiểm soát và cân bằng quyền lực với Chính phủ.

Các quan chức hành pháp phải giải thích cho các hành động và quyết định của họ trước đại diện của nhân dân. Sự minh bạch này góp phần giảm bớt tình trạng tham nhũng và lạm quyền cũng như đóng vai trò nuôi dưỡng niềm tin giữa người dân với chính quyền.

Thêm vào đó, cơ quan lập pháp khuyến khích sự tham gia chính trị rộng rãi hơn. Cụ thể, chế độ nghị viện từng bước thuyết phục các nhóm dân tộc và tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, tham gia vào quy trình chính trị và đàm phán với chính quyền một cách ôn hòa. Đây là một thành tựu đáng kể nếu so sánh với mối quan hệ giữa Phật giáo và chính quyền trong giai đoạn trước đó.

Trong nền Dân chủ Cộng hòa, chính sách đàn áp Phật giáo, sự kiện hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu và sự phản nộ của cộng đồng Phật tử là một trong số những nguyên nhân dẫn đến cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Phật giáo cũng là một trong những lực lượng nòng cốt tham gia vào các cuộc biểu tình đấu tranh chống chế độ độc tài quân sự trong biến động miền Trung năm 1966.

Năm 1967, do những mâu thuẫn lịch sử với chính quyền từ trước, nhiều Phật tử quyết định tẩy chay các cuộc bầu cử Tổng thống và lưỡng viện Quốc hội. Kết quả là, đại diện của Phật giáo trong Quốc hội, đặc biệt là ở Thượng viện, không phản ánh đúng tỷ lệ của họ trong dân số.

Tuy nhiên, đến cuộc bầu cử bán phần Thượng viện năm 1970, cộng đồng Phật giáo đã quyết định cùng các đảng phái và tôn giáo khác tham gia vào cuộc chơi dân chủ. Họ đã tham gia một cách chủ động, tích cực, góp phần giúp liên danh Hoa Sen của giáo sư Vũ Văn Mẫu giành được số phiếu cao nhất trong số ba liên danh chiến thắng. [16]



Địa điểm bỏ phiếu bầu bán phần Thượng viện tại Tòa Đô Chánh năm 1970. Nguồn ảnh: Douglas Pike Photograph Collection, Vietnam Center and Sam Johnson Vietnam Archive, Texas Tech University.

Việc có nhiều dân biểu và nghị sĩ theo đạo Phật trong lưỡng viện Quốc hội cung cấp nền tảng để Phật giáo tạo ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách tôn giáo và khuyến khích các Phật tử cực đoan thay đổi thái độ, trở nên ôn hòa và hợp tác hơn.

Thêm vào đó, một sự thật lịch sử rất quan trọng nhưng ít được nhắc đến, là việc tổ chức Quốc hội Lập hiến, thông qua hiến pháp mới cùng các cuộc bầu cử dân chủ diễn ra sau đó cũng góp phần tăng tính chính danh cho chính quyền và đưa miền

Nam thoát khỏi giai đoạn quân quản hỗn loạn 1964-1967.

Trước chiến dịch Tết Mậu Thân 1968, quân đội cộng sản Bắc Việt và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam kỳ vọng rằng việc tấn công bất ngờ vào các thành phố lớn sẽ kích động quần chúng tại miền Nam nổi dậy lật đổ “chính quyền Mỹ - Ngụy,” làm rung chuyển nền tảng xã hội và chính trị của chính quyền Sài Gòn, tương tự như các cuộc biểu tình ở miền Trung năm 1966.

Tuy nhiên, kết quả thực tế của chiến dịch không như mong đợi của phe cộng sản. Việc quần chúng miền Nam không nổi dậy như kỳ vọng chứng tỏ các thiết chế dân

chủ được thiết lập thông qua bầu cử trước đó đã củng cố niềm tin và sự ủng hộ của người dân với chính quyền, từ đó tăng sức kháng cự của miền Nam trước các cuộc tấn công quân sự của cộng sản. [17]

DÂN CHỦ THOÁI TRÀO (DEMOCRATIC BACKSLIDING)

Ở pháp nhiệm đầu tiên, các cuộc bầu cử diễn ra công bằng và dân chủ, giúp lựa chọn những người tài đức vào Thượng viện và Hạ viện. Lưỡng viện Quốc hội giữ được tư thế độc lập so với hành pháp.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp vốn nhiều bất đồng nay lại trở nên căng thẳng hơn khi xảy ra vụ án xét xử dân biểu Trần Ngọc Châu vào năm 1970. Ông Châu bị cáo buộc liên hệ Việt Cộng thông qua anh trai của mình là Trần Ngọc Hiền, bị buộc tội phản quốc và âm mưu lật đổ chính quyền.

Phiên tòa xét xử Trần Ngọc Châu chịu nhiều chỉ trích trong nước lẫn quốc tế vì nhiều người xem đây là một hành động

nhằm dập tắt tiếng nói đối lập và củng cố quyền lực của Tổng thống Thiệu.

Trong cuộc bầu cử Hạ viện năm 1971, chính quyền Thiệu bị cáo buộc can thiệp vào quy trình bầu cử, bao gồm sử dụng lực lượng cảnh sát và an ninh đe dọa các ứng viên đối lập và những người ủng hộ họ. Tổng thống cũng bị cáo buộc ra lệnh cho các tỉnh trưởng ở những khu vực nông thôn đang bị chiến tranh (những vùng “xôi đậu”) gian lận và thao túng kết quả bầu cử. [18]

Những vấn đề này làm suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống bầu cử và gia tăng bất ổn chính trị - xã hội tại miền Nam.

Cũng trong năm 1971, cuộc bầu cử Tổng thống diễn ra với Nguyễn Văn Thiệu là ứng viên duy nhất. Các ứng viên đối lập như Dương Văn Minh và Nguyễn Cao Kỳ cáo buộc chính quyền Thiệu sử dụng nhiều biện pháp gây khó khăn cho các đối thủ chính trị và lần lượt rút lui. Điều này làm xói mòn tính chính danh của chế độ và làm suy yếu uy tín của Thiệu trước dư luận quốc tế.

Từ năm 1972 khi tình hình chiến sự trở nên ngày càng ác liệt, Tổng thống Thiệu dùng nhiều thủ đoạn chính trị khác nhau, từ mua chuộc đại biểu dân cử, ban hành quy chế báo chí đến các sắc luật chính đảng, nhằm tăng cường quyền lực, đàn áp đối lập và làm suy yếu tính độc lập của Quốc hội.

Ví dụ tiêu biểu về xu hướng độc tài của hành pháp là việc ban hành Sắc luật số

Dân biểu Trần Ngọc Châu và bà Nguyễn Phước Đại, một trong những luật sư của ông tại phiên tòa. Bà Đại là Phó chủ tịch Thượng viện, từng là một luật sư nổi tiếng tại Pháp trước khi trở về hành nghề luật tại Sài Gòn. Nguồn ảnh: Manh Hai Gallery/ Flickr.



060-TT/SLU ngày 27/12/1972, sửa đổi một số quy định về chính đảng theo hướng khắt khe hơn. Phủ tổng thống biện minh rằng cần siết chặt quy định về chính đảng để khắc phục thực trạng phân hóa, yếu kém của các đảng phái quốc gia, với mục đích tối hậu là giúp lực lượng quốc gia đủ sức đương đầu với cộng sản trong một cuộc đấu tranh chính trị trực tiếp và công khai trong tương lai.

Tuy nhiên, sau ba tháng ban hành, những yêu cầu ngặt nghèo của sắc luật khiến cho hàng loạt các đảng phái quốc gia phải tự hủy thể và giải tán trên giấy tờ. Trên chính trường chỉ còn Đảng Dân chủ do Tổng thống Thiệu là đảng trưởng mới hội đủ các điều kiện do sắc luật đặt ra. Sắc luật này sau khi ra đời bị coi là vi hiến, phản dân chủ và chịu sự chỉ trích dữ dội từ nhiều đảng phái chính trị và phong trào nhân dân. [19]

Tóm lại, việc hành pháp thu tóm quyền lực đã làm chính trị phân hóa sâu sắc, gia tăng bất ổn xã hội, khiến trí thức và quần

chúng nói chung ngày càng bất mãn với chính quyền.

Trong khi đó, Quốc hội gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút sự ủng hộ rộng rãi từ dân chúng. Thiếu số đối lập trong Quốc hội không xây dựng được các gói chính sách thay thế hấp dẫn, chưa hoàn thành vai trò đối trọng và kiểm soát hành pháp. Thậm chí vì vậy mà một số thành phần bất mãn trong xã hội xem các tổ chức cộng sản như Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam là đối lập đích thực với chính quyền và xứng đáng được ủng hộ. [20]

Trên bình diện quốc tế, việc Hoa Kỳ hợp tác Trung Hoa Cộng sản và rút quân khỏi miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Paris đã tạo ra một sự thay đổi lớn trong cục diện chiến tranh. Bộ Chính trị của Bắc Việt, đứng đầu là Tổng Bí thư Lê Duẩn, nắm rõ lời hứa của cố vấn an ninh quốc gia Henry Kissinger với các lãnh đạo của Liên Xô và Trung Quốc rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp trở lại Việt Nam sau khi rút quân và sẽ để cho các lực lượng tại chỗ tự quyết định tương lai của đất nước. Hiểu rõ điều này và thực trạng chính quyền Thiệu ngày càng mất lòng dân, Bộ Chính trị Bắc Việt quyết định phát động các cuộc tấn công tổng lực để giành chiến thắng bằng mọi giá. [21]

Trong cuộc chiến tổng lực với những người cộng sản, chính phủ Nguyễn Văn Thiệu thiếu sự chuẩn bị về trang thiết bị quân sự và mắc phải nhiều sai lầm chiến thuật ở cao nguyên và duyên hải miền Trung.

Khi tổng kết về những nguyên nhân dẫn đến thất bại trước cộng sản trong bài phúc trình trước Thượng viện ngày 27/3/1975, thuyết trình đoàn đã nhận định như sau:

“Vì không có quan điểm vị quốc gia và vị đại chúng nên nhà cầm quyền đã không tìm kiếm sự tham dự của nhân dân (qua các xu hướng tôn giáo, chính trị, nghề nghiệp) trong việc hoạch định chính sách, không đếm xỉa tới những ý kiến sửa sai không những từ phía

đối lập mà cả từ phía thân chính nữa. Sự tập quyền lãnh đạo quá mức khiến chính phủ bị hoàn toàn tê liệt, thiếu sáng kiến và trốn tránh trách nhiệm. Sự tê liệt còn lan rộng tới các cơ chế hiến định như Quốc hội, Tối cao Pháp viện, Giám sát viện v.v., khiến các định chế này không chu toàn được trách nhiệm trước quốc dân.

Vì không có quan điểm vị quốc gia và vị đại chúng, nên các kế hoạch của chính phủ thường có tính cách cục bộ, và vấp vấp tùy hứng với những giải pháp lười biếng, dễ dãi nhất mà nạn nhân lại chính là nhân dân bị coi như những vật thí nghiệm. Vì lười biếng nên mới quá ý lại vào ngoại viện và thiếu sự tiên liệu những biện pháp ứng phó với viễn cảnh giảm bớt ngoại viện để đến nỗi thế diện và quyền lợi quốc gia bị thương tổn”.

Những yếu tố bên trong lẫn bên ngoài kể trên góp phần đặt dấu chấm hết cho nền Dân chủ Cộng hòa. Thử nghiệm dân chủ của chính quyền miền Nam kết thúc lờ mờ và để lại nhiều nỗi tiếc. □

“CÁI ĐỐ MỸ” VÀ KHAO KHÁT NỀN GIÁO DỤC DÂN TỘC THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA

*Giáo chức miền Nam luôn trăn trở tìm đường
để phát triển nền giáo dục của dân tộc.*

Lê Vạn Hoa

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 05/07/2024.

Bài viết này tổng hợp một số thông tin có liên quan đến nền giáo dục trung học dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Trong đó, các tư liệu đa số được chọn lọc và biên tập lại từ công trình của tác giả Trần Thái Hồng, với tên “Khảo sát hiện trạng giáo dục trung học tổng hợp tại Việt Nam”, luận thuyết đệ trình Hội đồng bằng cao học giáo dục, trường Đại học Sư phạm, Viện Đại học Sài Gòn. Đây cũng là

công trình nghiên cứu toàn diện về giáo dục trung học tại miền Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Vào năm 1954, ước tính có 53.001 học sinh theo học các trường trung học và con số này chỉ chiếm khoảng 3% trong tổng số 1.740.000 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 12 đến 18 toàn miền Nam Việt Nam. Nhưng đến năm 1971, đã có tới 840.953



Một lớp học tại trường Nữ trung học Gia Long. Nguồn: Viet-Nam Bulletin - Secondary Education in Viet-Nam/ manhhai/ Flickr.

học sinh trung học, tương đương 33% trên tổng số 2.547.000 thanh thiếu niên ở độ tuổi này. [1]

Đồng thời, đến thời gian này, miền Nam có các trường trung học kiểu mẫu thuộc ba trường Đại học Huế, Sài Gòn, Cần Thơ và 16 trường trung học khác.

Để đạt được những thành tích phát triển, các nhà giáo dục miền Nam lúc ấy phải vật lộn giữa hai khuynh hướng:

Một là tìm cách lột bỏ những tàn dư của hệ thống giáo dục cũ với “chương trình nặng về lý thuyết, có tính cách từ chương, nhồi sọ, nặng về thi cử, cốt học để đậu, đậu để kiếm cơm, xa thực tế, thiếu địa phương tính, không sử dụng thiên nhiên địa phương để quan sát khoa học tại chỗ, không thực dụng, không hướng nghiệp”. [2] Điều này dẫn đến sự ly khai với hệ thống giáo dục cũ.

Hai là theo ảnh hưởng của Mỹ - đồng minh thân cận của chính quyền và cũng là bên tài trợ nhiều nguồn lực cho nền giáo dục đương thời.

Năm 1959, Việt Nam Cộng hòa ký hợp đồng với Mỹ để phát triển chương trình huấn luyện giáo chức về những môn thực nghiệp cho công cuộc cải tiến giáo dục trung học tại Việt Nam. Chương trình này kéo dài 10 năm, từ năm 1962 đến 1972 và Đại học Ohio ở Athens, Ohio được Mỹ chọn làm đại diện hợp tác.

Phái đoàn Đại học Ohio có mặt tại Việt Nam với 33 cố vấn thường xuyên, sáu cố vấn ngắn hạn; trung bình mỗi người phục vụ 24,5 tháng. Qua chương trình phối hợp này, phía Việt Nam gửi 70 người sang học về giáo dục Mỹ, trong đó có 65 người tốt nghiệp.

Tổng kết 10 năm hợp tác giữa hai bên, người thẩm định chương trình hợp tác Raph D. Purdy đã viết bản báo cáo, trong đó dẫn lời của một giáo chức nhận xét

thẳng thắn: “Đại học Ohio gọi sang đây một ít cố vấn trong thời gian độ vài năm; rồi thì các vị cố vấn này trở về Hoa Kỳ. Nếu chúng tôi gọi người sang học tại Ohio, học xong rồi trở về; các ứng viên này ở đời với chúng tôi”. [3] Giáo chức này đã nêu rất rõ ý thức của họ về hiệu quả và sự bền lâu của việc trao đổi hai bên.

“CÁI ĐÓ MỸ”

Báo cáo của Purdy nói rõ thêm: Với qua khứ đau thương vì bị đô hộ trong ngàn năm, cùng với sự tranh đấu kiên trì cho nền độc lập và sự tự chủ của mình, người Việt Nam hết sức hoài nghi sự viện trợ và trợ giúp của bất cứ ngoại cường nào. Người Việt Nam không muốn để mất các thành quả mà họ khổ công mới đạt được vì bất cứ một tư tưởng hay một chính phủ nào mà tư tưởng hay chính phủ ấy không được họ tán đồng. [4]

Ông Purdy cũng học được một câu của miệng của người Việt bản xứ và đưa vào bản báo cáo: “cái đó Mỹ”.

Tác giả hiểu rằng, “cái đó Mỹ” đối với người Việt thời ấy mang hàm nghĩa là “ít giá trị”. [5] Các nhà giáo dục Việt Nam không thể chấp nhận nền giáo dục trung học bị mang tiếng là một “sản phẩm của Mỹ”, là “theo lối Mỹ”.

Trong khi đó, trong quần chúng cũng tồn tại một tâm lý “sợ hãi về một cuộc chế ngự ngấm ngấm, có thể là chế ngự về tư tưởng, về vật chất, về ý thức hệ chánh trị, hay là tất cả các cái trên hợp lại” khi có sự trợ giúp của ngoại bang. [6]

Giáo sư Dương Thiệu Tống, người từng giảng dạy tại trường Đại học Huế, Đại học Sài Gòn và là người có công dẫn dắt công cuộc cải tiến giáo dục trung học miền Nam, khẳng định về cách thức tổ chức và chương trình của trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức là “công trình cộng tác và phối hợp của Đại học Sài Gòn và trường Trung học Kiểu mẫu trong sáu năm qua,

không phải là công trình của riêng các cố vấn Hoa Kỳ.[...] Nếu có sự hiểu lầm rằng các cố vấn Hoa Kỳ đã gây dựng nên chương trình này sẽ là điều sỉ nhục lớn lao cho các nhà giáo dục Việt Nam trong quá khứ và hiện tại”. [7]

Tác giả Trần Thái Hồng kết luận trong phần nghiên cứu của mình: “Sự hiện diện của phái đoàn cố vấn giáo dục của Đại học Ohio đã tỏ ra không hữu ích cho công cuộc phát triển giáo dục Việt Nam mà ngược lại còn gây những phản ứng tâm lý bất lợi cho sự ngộ nhận là giáo dục trung học tổng hợp là sản phẩm của Mỹ”. [8]

Những ghi nhận trên cho thấy giới giáo chức miền Nam đã có tinh thần kháng cự với ngoại lai, biểu hiện trong việc tiếp nhận rất cẩn trọng mô hình giáo dục Mỹ. Họ đề ra sứ mệnh về việc tránh bị Mỹ hóa, bảo vệ dân tộc tính, gắn chặt giáo dục với hiện trạng và văn hóa của đất nước. Đó là sự khát khao có một nền giáo dục dân tộc.

□



Một dãy nhà chứa tại An Khê, Pleiku, còn được gọi là thành phố Tội lỗi (Sin City) vào năm 1967.
Ảnh: J.W. Womble.

MẠI DÂM THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA KỲ 1: LÍNH MỸ, SAIGON TEA VÀ “BAR GIRL”

Nguyễn Hạnh

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 18/07/2024.

Cuối năm 1966, Mỹ tham chiến chính thức tại Việt Nam. Sự hiện diện của người Mỹ đem tới cảm giác khó chịu về việc mất chủ quyền đất nước, nhưng cũng mang lại cơ hội kiếm tiền ngay trong chiến tranh. Bất cứ ai ở thành thị đều có thể kiếm tiền từ người Mỹ, từ chủ khách sạn, chủ nhà hàng đến tầng lớp thấp hơn như các em nhỏ đánh giày, người bán hàng rong, và đặc biệt hơn cả là các cô gái

phục vụ trong các quán bar. Những cô gái ấy đã trở thành một phần kỷ ức vừa lộng lẫy vừa oan nghiệt của cuộc chiến.

Thu Loan đang chờ khách trong một quán bar ở Sài Gòn. Công việc của cô là phải làm sao để lính Mỹ mua một thứ đồ uống đắt đỏ tên “Saigon Tea”.

“Một cậu lính Mỹ đã đến quán gặp tôi trong suốt hai tuần lễ, cậu ta nghĩ rằng tôi là một cô gái đặc biệt - tôi uống nhiều rượu mà không bao giờ say. Hôm cuối cùng, cậu ta ghé qua, xem tôi uống ba ly cocktail, và bo cho tôi rất nhiều tiền”, Thu Loan thuật lại trong một nghiên cứu về các cô gái mại dâm thời Việt Nam Cộng hòa của Mai Lan Gustafsson. [1]

Thu nhập của Loan bằng một nửa giá đồ uống. Hằng tháng, số tiền mà Loan kiếm được có thể gấp nhiều lần lương của một công chức. Những cô gái như Loan được gọi là các “bar girl”. Trong khi ấy, tại nước Mỹ xa xôi, Thượng nghị sĩ James William Fulbright làm dậy sóng chính trường bằng một câu nói để đời: “Sài Gòn đã trở thành một nhà chứa của Mỹ”. [2]



Đến nay, người ta vẫn dùng câu nói này cùng một số liệu không có căn cứ trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam: 300.000 cô gái hành nghề mại dâm.

Mại dâm dưới thời Việt Nam Cộng hòa đã phát triển nhanh đến mức nào? Chính quyền Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đã đối diện với vấn đề nhạy cảm này ra sao? Số phận của các bar girl đi về đâu sau khi Mỹ rút quân và sau khi chế độ Sài Gòn sụp đổ?

“SAIGON TEA”

Saigon Tea được xem như là một “phép màu” trong Chiến tranh Việt Nam. Những người lính Mỹ săn lùng Việt Cộng, hay bị Việt Cộng săn đuổi suốt nhiều tháng trời trong rừng rậm, lúc bấy giờ có thể tự thưởng cho mình một chút giây phút lãng mạn bên các bar girl.

Giá của Saigon Tea phụ thuộc vào tình trạng lạm phát, và tình trạng lạm phát thường tùy vào số lượng lính Mỹ đổ vào Việt Nam. Năm 1965, một ly Saigon Tea có giá 1 USD. [3] Một năm sau, loại đồ uống này đã lên đến 2,7 USD, [4] ngang bằng với hai ly rượu Whisky hoặc năm ly bia. Người ta thường phục vụ ba loại Saigon Tea [5]: vài giọt rượu Whisky nhỏ vào một ly nước, một ly trà đá thông thường, hoặc một ly nước có vị bạc hà nhẹ.

Các bar girl phục vụ khách tại một quán bar ở Sài Gòn vào năm 1967. Chưa rõ người chụp.
Nguồn: Flickr/ Manh Hai.

Một bar girl có thể kiếm đến 76 USD/tháng [6] chỉ bằng cách bán Saigon Tea. Trong khi đó, lương tháng của một cảnh sát chỉ khoảng 43 USD, thu nhập của hai vợ chồng công chức cao cấp cộng lại cũng chỉ đến 152 USD một tháng. [7] Thậm chí, có các bar girl kiếm đến 420 USD một tháng, nhiều hơn lương của một tướng lĩnh quân đội. [8]

Ngoài các bar girl, hàng loạt các dịch vụ mua vui bùng lên từ khi lính Mỹ đổ bộ vào Việt Nam như vũ công, vũ nữ thoát y, massage, cặp bồ, trở thành vợ tạm của lính Mỹ, và cả gái mại dâm. Năm 1969, hãng tin AP dẫn một số liệu có khoảng 100.000 - 300.000 các cô gái là các bar girl, cặp bồ hoặc làm vợ tạm cho người Mỹ. [9]

Tác giả của số liệu này là một người Mỹ tên là Don Luce và một người Việt tên là Nguyễn Tăng Cảnh. Cả hai đều là nhân viên cứu trợ xã hội lâu năm tại miền Nam Việt Nam. AP cho biết số liệu này hoàn toàn không được dẫn nguồn. Cả hai tác giả cũng thừa nhận con số này do họ tự ước tính, và rất khó để biết chính xác số lượng các cô gái hành nghề này.

Nhưng dù sao đi nữa, các bar girl đã trở thành một trong những đặc trưng của đời sống thành thị sôi động lúc bấy giờ. Vậy trước khi lính Mỹ đổ bộ, mại dâm đã từng như thế nào tại miền Nam?

TỪ HỢP PHÁP ĐẾN BẤT HỢP PHÁP

Dưới thời Pháp cai trị, chính quyền thuộc địa không cấm mại dâm. Hoạt động mại dâm được kiểm soát để vừa đáp ứng nhu cầu tình dục, vừa bảo vệ quân đội viễn chinh khỏi các bệnh hoa liễu. Nhà thổ có thể hoạt động hợp pháp nhưng phải đóng thuế, gái mại dâm đủ tuổi có thể hành nghề nhưng phải khám bệnh định kỳ. [10] Năm 1954, Việt Nam bị chia cắt thành hai đất nước. Miền Bắc thiết lập chủ nghĩa xã hội, hoạt động mại dâm bị ngăn cấm hoàn toàn. Tại miền Nam, cuối năm 1955, Ngô Đình Diệm cũng tuyên bố cấm các hình thức mại dâm nhằm bảo vệ các giá trị xã hội truyền thống. [11]

Năm 1959, vợ của ông Ngô Đình Nhu là bà Trần Lệ Xuân, một dân biểu của Quốc hội, đề xuất thông qua Luật Gia đình (Code of Family). Đạo luật này được thông qua vào năm 1961, cấm việc ly hôn tùy tiện từ phía người chồng cũng như cấm tình trạng đa thê, ngoại tình, hôn nhân cưỡng ép, v.v. [12]

Một đạo luật khác có tên là Luật Bảo vệ luân lý do bà Xuân khởi xướng được ban hành vào năm 1962, [13] cấm các hình thức khiêu vũ, cá cược, cấm hoạt động mại dâm, v.v. Đồng thời, gia tăng hình phạt gấp đôi cho người hành nghề mại dâm dưới 16

tuổi, hoặc đối với công chức làm nhiệm vụ chống mại dâm và bảo vệ đạo đức công cộng để xảy ra hoạt động mại dâm.

Với chính sách mới này, các hình thức nhảy đầm cũng bị cấm; hộp đêm phải bật đèn sáng xuyên suốt; còn các tiếp viên phục vụ trong quán bar phải mặc đồng phục màu trắng, phải ngồi sang một phía khác so với khách. [14]

Tuy nhiên, những quy định lúc bấy giờ vẫn chưa thể ngăn cấm các hình thức mại dâm vốn đang mang lại một lợi nhuận khổng lồ. Năm 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm và em trai Ngô Đình Nhu bị ám sát trong một chiếc xe hơi. Những quy định khắt khe dưới thời Ngô Đình Diệm nhằm níu giữ các giá trị đạo đức dần bị bãi bỏ. Xã hội miền Nam biến đổi nhanh chóng theo số lượng những chiếc máy bay Mỹ đáp xuống Việt Nam.

LÍNH MỸ ĐỔ XUỐNG, QUÁN BAR MỌC LÊN

Cuối năm 1966, số lượng lính Mỹ đổ bộ vào miền Nam đã lên đến 385.000 người. [15] Sự hiện diện của Mỹ càng rõ rệt bao nhiêu, tiền đổ vào miền Nam càng nhiều bấy nhiêu.

Sài Gòn, cũng như các thành phố Đà Nẵng, Vũng Tàu, Pleiku, nơi Mỹ xây dựng các căn cứ quân sự, bùng nổ các dịch vụ mua vui, giải trí. Ngoài lính Mỹ, còn có một lực lượng lớn lính Nam Hàn [16] và một số lực lượng nhỏ hơn đến từ các nước như Úc [17], New Zealand [18], Thái Lan [19] và Philippines [20] tham chiến trực tiếp tại Việt Nam.

Một tờ báo của Sài Gòn ước tính rằng có khoảng 85% công trình mọc lên trong ba năm (1963 - 1966) là quán bar, vũ trường, dinh thự dành cho người Mỹ và cả người Việt giàu có. [21]

Mại dâm bấy giờ trở thành một phần không thể thiếu trong thời giờ giải trí

của những người lính. Nhưng, nó cũng đã vượt xa hơn vấn đề mại dâm thuần túy, khi hình ảnh những người lính ngoại quốc mua vui từ các cô gái da vàng vừa vi phạm pháp luật, vừa làm thấp kém đi sứ mệnh bảo vệ tự do và dân chủ của họ tại Việt Nam.

Do đó, ngay từ khi lính Mỹ tham chiến, chính quyền Sài Gòn thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm tra đột xuất vào các quán bar và xử phạt các cô gái hành nghề và chủ nhà chứa nhằm hạn chế hoạt động mại dâm. [22]

Tháng 12/1965, Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ cho biết chính phủ đang xem xét việc thu gom các quán bar, vũ trường, phòng trà ở Sài Gòn vào một quận. [23]

Tại Sài Gòn, Tướng William Westmoreland, Chỉ huy lực lượng Mỹ tại Việt Nam, đã hỗ trợ chính quyền Sài Gòn đóng cửa một số nhà chứa trong thành phố. Tuy nhiên, ông khuyến khích việc di chuyển các nhà chứa đến gần hơn những căn cứ quân sự của Mỹ.

Tuy nhiên, chỉ được vài tháng, các bar girl lại trở về Sài Gòn, nhất là tập trung tại khu vực đường Tự Do, tức đường Đồng Khởi ngày nay. [24]

CUỘC ĐỜI CỦA CÁC “BAR GIRL”

Giữa thập niên 1960, ngày càng nhiều người dân nông thôn di cư vào thành thị. Phần lớn để tránh chiến tranh và cũng để tranh thủ cơ hội kiếm tiền từ người Mỹ. Tuy nhiên, một phần khác còn đến thành thị nhằm thoát ly đời sống gia giáo nặng nề, không lối thoát ở nông thôn, trong đó có các bar girl.

Thu Loan, một bar girl đã đề cập ở đầu bài, kể về thời con gái của cô trong một nghiên cứu của Mai Lan Gustafsson: “Là con gái ở quê, bạn phải làm việc như trâu cho cha, mẹ của mình. Bạn làm tất cả những gì họ sai bảo. Nếu may mắn thì được đi học. Tôi cũng từng được đi học nhưng chỉ được một thời gian rồi cũng

Các bar girl đợi khách bên ngoài một quán bar ở Vũng Tàu vào năm 1967. Vũng Tàu được cho là có khoảng 200 quán bar với khoảng 2.000 bar girl.

Ảnh: AP.



phải nghỉ vì nhà hết tiền. Dù sao đi nữa, có quá nhiều việc nhà cần làm. Giặt giũ. Rửa ráy. Nấu nướng. Trồng trọt. Rồi sau đó, khi bạn lớn đủ rồi. Bạn đi lấy chồng và tiếp tục làm việc như trâu cho chồng của mình. Bạn bận bịu đủ thứ. Bạn lúc nào cũng thấy chán nản”. [25]

Trong 32 cô gái từng là bar girl tại miền Nam do Mai Lan Gustafsson phỏng vấn thì có khoảng một nửa trong số họ từng bị lạm dụng tình dục, bị cưỡng hiếp, từng trải qua bạo lực gia đình và từng bị đói đến sắp chết. Số còn lại cho biết họ lớn lên với tình cảm gia đình nhạt nhẽo và rất thiếu thốn sự quan tâm so với các anh em khác. Hiệp, trong nghiên cứu của Mai Lan Gustafsson nói: “Cái gì cũng dành cho con trai. Con trai thế này. Con trai thế kia. Anh em trai của tôi thì được đi học, nhưng tôi thì ở nhà. Tôi phải làm tất cả việc nhà. Tôi như nô lệ trong nhà. Tôi phục vụ anh em trai của mình như một người làm bất cứ khi nào họ đi học về hay đi chơi về. Tôi phải làm như vậy. Tôi cực kỳ chán ghét”.

Trong những cô gái này, một số đã bỏ nhà lên thành phố vì bị ba mẹ ép đi lấy chồng. Trác, một trong các cô gái, nói: “Đàn ông Việt Nam rất là hèn. Họ thô lỗ với vợ của mình, đánh đập vợ, đi ngủ với người khác. Bắt vợ làm hết mọi việc. Còn họ thì không làm gì cả”.

Năm 1972, một lãnh đạo của Bộ Xã hội nói rằng mại dâm cũng đem đến những lợi ích xã hội nhất định đối với phụ nữ. Vị này nói: “Mại dâm được xem là một nghề nghiệp thấp kém, nhưng các cô gái làm nghề này đã tự lực cánh sinh. Trái ngược với kiểu phụ nữ Việt Nam hiền lành, phục tùng đàn ông, những cô gái này đã chứng tỏ được sự độc lập của mình. Theo một cách nào đó, họ đã đại diện cho chủ nghĩa nữ quyền của Việt Nam”. [26]



Trác, một trong 32 bar girl trong nghiên cứu của Mai Lan Gustafsson, chụp tại Mỹ Tho vào năm 1967. Ảnh: Mai Lan Gustafsson.

Trong khi đó, một số bar girl không chỉ kiếm được tiền và tự lập đời sống của mình, đôi khi họ còn tìm thấy niềm vui bên cạnh lính Mỹ.

Trần, một trong các cô gái trong nghiên cứu của Mai Lan, nói: “Lính Mỹ rất là trẻ, kiểu vẫn còn con nít. Họ xa nhà, sợ hãi, họ chỉ muốn có chút thời gian vui vẻ. Tôi thấy tội cho họ. Tôi đối xử với họ rất tốt và họ cũng rất tốt với tôi”.

Đa số những lính Mỹ đến Việt Nam khi còn rất trẻ. Thời gian phục vụ thường chỉ kéo dài khoảng một năm. Có người khi tham chiến chỉ mới 15 tuổi và hy sinh ngay trong tháng đầu tiên tại Việt Nam. [27]

Một cô gái khác tên Trinh nói: “Tôi bắt tay với họ khi đem bia tới. Thành thạo tôi cũng già bộ sợ hãi và sắp khóc đến nơi. Lính Mỹ thích điều này, thậm chí còn đánh nhau để bảo vệ tôi”.

Các cô gái bước vào con đường mại dâm ở miền Nam cũng có tuổi đời rất trẻ. Năm 1972, giám đốc của một trung tâm chữa bệnh hoa liễu cho biết hầu hết các cô gái bị bắt đến khám ở đây từ 15 đến 18 tuổi, họ ít học hoặc mù chữ, và xuất thân từ các vùng quê. [28]

Năm 1971, số liệu của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ước tính có khoảng 10.000 bar girl làm trong 600 quán bar ở Sài Gòn. Tuy nhiên, số liệu về các cô gái mua vui cho lính Mỹ vẫn rất khó ước đoán. Ngoài các bar girl, còn các cô gái trở thành vợ tạm, cặp bồ với lính Mỹ, gái nhảy, những cô gái tìm khách trên đường phố, hành nghề ngay trong các con hẻm tối tăm, v.v. [29]

Mại dâm luôn là một phần của bất cứ cuộc chiến nào có sự hiện diện của quân đội viễn chinh. Tuy nhiên, mại dâm trong Chiến tranh Việt Nam đã phát triển nhanh đến mức người Mỹ cũng ngạc nhiên.

SÀI GÒN CÓ PHẢI NHÀ CHỨA CỦA MỸ?

Ngày 8/5/1966, Thượng nghị sĩ William Fulbright tuyên bố rằng “Sài Gòn đã trở thành một nhà chứa của Mỹ”. Phát ngôn này nhằm chỉ trích sự tác động tiêu cực của Mỹ đến văn hóa truyền thống của Việt Nam. Ông nói rằng đây chính là tác động của kẻ vừa giàu vừa mạnh lên kẻ vừa nghèo vừa yếu, một trong những lý do khiến người ta kháng cự lại sức ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Nam Á. [30]

Sau phát ngôn của Thượng nghị sĩ Fulbright, chính quyền miền Nam thông báo kế hoạch chuyển các quán bar và các cô gái hành nghề đến một khu vực biệt lập, ngoài thành phố, nhằm kiểm soát y tế. Đây được cho là bước đi đầu tiên nhằm hạn chế mại dâm. [31]

Vào tháng 9/1966, một luật sư tại Sài Gòn tên Nguyễn Thị Vui đã đề xuất chính quyền nên hợp thức hóa mại dâm. Bà Vui

cho rằng mô hình nhà chứa quân đội tại Pleiku nên được nhân rộng nhằm để kiểm soát bệnh hoa liễu và lạm dụng các cô gái trẻ. [32]

Tại Pleiku, chính quyền đã dựng lên nhà chứa dành riêng cho quân đội. Khu vực này có 20 phòng, phục vụ từ 100 - 300 lượt “ghé thăm” mỗi ngày. Lính Việt phải trả 80 đồng, còn lính ngoại quốc chỉ trả 30 đồng cho mỗi vé. Mỗi cô gái làm việc ở đây có thể kiếm từ 60 đến 112,5 USD. Trung Tá Ngô Kinh cho biết vì nhà chứa do chính quyền kiểm soát nên không có bệnh hoa liễu, trị an được đảm bảo và giá vé thì hợp lý. [33]

Tuy nhiên, nhân rộng mô hình nhà chứa quân đội đồng nghĩa với công nhận mại dâm là một nghề hợp pháp. Điều này gần như là không thể vì văn hóa truyền thống của Việt Nam luôn coi mại dâm là nghề thấp hèn, đáng xấu hổ, ảnh hưởng đến nền tảng gia đình.

Trước năm 1967, Mỹ vẫn xem mại dâm như một phần bình thường của mọi cuộc chiến. Tuy nhiên, mại dâm tại Việt Nam đã tạo ra hàng loạt vấn đề khác, trong đó có vấn đề khiến Mỹ phải thay đổi thái độ về mại dâm tại Việt Nam: đó là tỷ lệ mắc các bệnh hoa liễu kỷ lục trong quân đội.

KỶ LỤC VỀ SỐ NGƯỜI MẮC BỆNH HOA LIỄU

Một số tài liệu ước tính có đến khoảng 75% lính Mỹ có quan hệ tình dục với các cô gái Việt Nam. Năm 1967, tỷ lệ mắc bệnh hoa liễu trong quân đội Mỹ tại Việt Nam lên đến mức báo động, cao hơn 10 lần tại các bang của Mỹ. Trong 1.000 lính Mỹ thì có đến 280 người mắc bệnh hoa liễu. Tỷ lệ này khi Mỹ tham gia tại Triều Tiên là 193/1.000 người lính. [34]

Một nghiên cứu ghi nhận trong khoảng 5.000 cô gái bị cảnh sát bắt giữ thì khoảng 50% mắc các bệnh hoa liễu. Đồng thời, có 62% trong số các cô gái này không sử

dụng bất cứ biện pháp bảo vệ sức khỏe nào trong khi hành nghề, và cũng không biết cách nhận biết dấu hiệu của các bệnh hoa liễu. [35]

Mỹ đã thực hiện nhiều biện pháp để cố gắng giảm thiểu tỷ lệ mắc bệnh hoa liễu trong quân đội của mình. Năm 1966, Tướng William Westmoreland, Chỉ huy lực lượng Mỹ tại Việt Nam, đã yêu cầu di chuyển các căn cứ quân sự của Mỹ ra khỏi Sài Gòn, giới hạn số lượng lính Mỹ được phép vào Sài Gòn từ 71.000 xuống còn 36.000 lính. [36]

Sài Gòn cũng được đặt ra khỏi các địa điểm trong kỳ nghỉ R&R, tức là kỳ nghỉ dành cho lính Mỹ sau 5 - 6 tháng phục vụ tại Việt Nam. Thay vào đó, kỳ nghỉ R&R chuyển tới các nơi như Sydney, Bangkok, Tokyo, Singapore, Manila, Kuala Lumpur, v.v. [37]

Chính những kỳ nghỉ này đã tạo ra nhu cầu để các dịch vụ du lịch mọc lên dọc bờ biển Việt Nam (Đà Nẵng, Vũng Tàu, Nha Trang, v.v) và các nước Đông Nam Á. [38] Một số nơi đã phát triển các dịch vụ giải trí tình dục trong thời kỳ này và duy trì cho đến tận ngày nay, ví dụ như Manila, Bangkok, Pattaya. [39]

Năm 1969, quân đội Mỹ đã phát hành một bộ phim để giáo dục quân lính về hậu quả quan hệ tình dục bừa bãi tại Việt Nam. Mỹ cũng dựng một số phòng khám để kiểm soát sức khỏe của các cô gái hành nghề mại dâm. Một số nơi như Vũng Tàu, Cần Thơ đã nảy ra ý tưởng dán các huy hiệu lên người các cô gái để đánh dấu là không mang các bệnh hoa liễu. [40]

Dù nỗ lực như thế nào, tỷ lệ mắc bệnh hoa liễu trong quân đội vẫn rất cao trong suốt cuộc chiến. Bệnh hoa liễu là điều khiến các bar girl rất lo sợ vì ảnh hưởng đến việc kiếm tiền, nhưng đây chưa phải là điều mà họ sợ hãi nhất. □
(còn tiếp)



THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ LUẬT KHOA

và bộ sưu tập sách Việt Nam Cộng hòa

luatkhoa.librarika.com



Một em bé lai bên cạnh các em bé Việt Nam vào năm 1980. Ảnh: AP.

MẠI DÂM THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA KỲ 2: SỐ PHẬN CỦA CON LAI

Nguyễn Hạnh

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 19/07/2024.

Sinh ra trong thời chiến, bị kỳ thị sau ngày hòa bình, sống khó nhọc khi đến Mỹ, số phận của con lai vẫn lênhênh dù sống ở “quê hương” nào. Đến nay, người Mỹ vẫn đi tìm con của mình tại Việt Nam và nhiều đứa con từ Mỹ trở về Việt Nam để tìm lại mẹ đẻ. Có người tìm gặp, có người vẫn đang đi tìm...

MỸ RÚT QUÂN

Lính Mỹ là nguồn sống gần như duy nhất của các bar girl. Nhiều bar girl đã trở nên giàu có, đổi đời nhờ vào việc mua vui cho lính Mỹ. Nhưng cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn.

Đầu thập niên 1970, Mỹ đã dần rút quân khỏi Việt Nam, để lại các cô gái chơ vơ trong các quán bar. Thu nhập của các bar

girl bị suy giảm theo số lượng lính Mỹ rời khỏi Việt Nam. Một cô gái cho biết trước đây cô kiếm được 325 USD/tháng thì nay chỉ còn khoảng 35 USD. [41] Một số bar girl chuyển về quê sinh sống, hoặc chuyển sang làm những công việc khác với thu nhập giảm đến 10 lần. [42]

Năm 1972, chính quyền bắt đầu thanh lọc hoạt động mại dâm. Đầu tháng 3/1972, chính quyền yêu cầu trong bốn tháng, hơn 100 quán bar tại Sài Gòn phải chuyển ra khu vực Tân Sơn Nhất - nơi đặt căn cứ không quân của quân đội Mỹ và quân lực Việt Nam Cộng hòa. [43]

Đến đầu tháng 7/1972, các bar girl gặp khó khăn hơn khi lệnh thiết quân luật được ban hành; cuộc sống sôi động về đêm phải kết thúc trước 22 giờ. [44]

Để cứu vãn số phận của mình, một số bar girl đã cố gắng kết hôn với lính Mỹ. Việc này không hẳn là vô vọng. Năm 1966, có 250 người Mỹ kết hôn với các cô gái Việt Nam (chủ yếu là các bar girl) và con số này tăng nhanh trong các năm tiếp theo (năm 1967 là 450, năm 1968 là 770 và năm 1969 là 850 người). [45] Tuy nhiên, phần lớn những bar girl hay nhiều cô gái Việt Nam không được may mắn như vậy. Họ phải sống cùng “giọt máu” mà lính Mỹ hay lính của các nước tham chiến để lại ở Việt Nam: những em bé lai.

CON LAI CỦA BAR GIRL

Chưa đầy năm năm kể từ khi Mỹ tham chiến ở miền Nam, những cuộc vui và những mối tình ngắn ngủi của lính Mỹ với các bar girl đã tạo ra một số lượng con lai đáng chú ý. Năm 1969, nhà báo Ronald Ross cho biết khoảng 13.000 trẻ em lai sống trong các cô nhi viện ở miền Nam, nhưng số lượng thực tế có thể lớn hơn rất nhiều. [46]

Hai năm sau, hãng tin AP dẫn lời của một giám đốc thuộc một tổ chức cứu trợ quốc tế tại Việt Nam nói rằng có khoảng 5.000

trẻ em từ độ tuổi sơ sinh đến sáu tuổi có cha là người Mỹ. [47]

Vào tháng 7/1971, Tòa đại sứ Mỹ tại Việt Nam đã thông báo cho Bộ Ngoại giao Mỹ rằng vấn đề con lai đang dần trở nên nghiêm trọng tại miền Nam, [48] trong đó con lai da màu đang có dấu hiệu bị kỳ thị. [49] Tòa đại sứ cho biết rất khó xác định chính xác số lượng con lai; khảo sát trong 122 cô nhi viện thì có khoảng 350 đến 400 trẻ em lai.



Con lai da đen trong một cô nhi viện ở Sài Gòn.
Ảnh: Newsday Special Correspondents.

Trong khi đó, chính quyền Sài Gòn ước tính có khoảng 10.000 đến 15.000 trẻ em lai đang sống cùng mẹ hoặc họ hàng. [50] Vấn đề con lai lúc này chỉ được giải quyết bằng cách nhận con nuôi. Mỗi năm ước tính có khoảng hơn 100 trẻ em đến Mỹ theo diện nhận con nuôi. [51]

Con lai Tây không phải là vấn đề mới ở xã hội Việt Nam, trước đó, đã có một số con lai đáng kể từ những mối tình nảy nở giữa người Pháp và Việt trong thời kỳ thuộc địa, trong đó có cả con lai da màu có cha là

lính Senegal của Pháp. Tuy nhiên, Chính phủ Pháp đã thể hiện trách nhiệm với vấn đề con lai tại Đông Dương và đã can thiệp vào vấn đề này những năm 1930. Trẻ em lai được chính quyền Pháp hỗ trợ học tập tại Đông Dương hoặc tại Pháp cho đến khi tìm được việc làm, và có thể lấy quốc tịch Pháp. [52]

Trong khi đó, chính phủ Mỹ lại do dự giải quyết vấn đề con lai. Đầu tháng 4/1975, khi Việt Cộng tiến gần sát thủ đô Sài Gòn, Mỹ mở Chiến dịch Babylift, gấp rút sơ tán trẻ em trong các cô nhi viện, trong đó có các con lai và trẻ em bị khuyết tật. [53]

Trẻ em trong các cô nhi viện lúc bấy giờ không hoàn toàn là mồ côi. Có những đứa trẻ được gửi vào đây vì bệnh, khuyết tật hay do gia cảnh quá nghèo. Đến ngày 30/4/1975, chỉ có khoảng 3.300 trẻ em được sơ tán khỏi Việt Nam. Điều này có nghĩa là còn hàng chục nghìn con lai khác vẫn ở lại miền Nam. [54]

Sau năm 1975, con lai da màu hay da trắng bị xã hội và chính quyền mới kỳ thị, nếu không nói là muốn loại trừ.

NGƯỜI MẸ VÀO TRẠI CẢI TẠO

Sau ngày 30/4/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời ra lệnh đóng cửa các vũ trường, cấm tuyệt đối hoạt động mại dâm. [55] Một số quán xá nhỏ vẫn được mở cho đến khi thực hiện nền kinh tế bao cấp toàn diện ở miền Nam.

Một thời gian sau ngày Sài Gòn sụp đổ, người nghiện, gái mại dâm và công chức, quân nhân Việt Nam Cộng hòa là ba thành phần phải đi “cải tạo”. [56]

Sài Gòn, lúc bấy giờ đổi tên là TP. Hồ Chí Minh, có ít nhất bốn trung tâm cải tạo gái mại dâm. Trước khi đến các trung tâm này, nhiều cô gái còn phải trải qua một số trung tâm khác như trại cai nghiện, trại giữ người mắc bệnh hoa liễu. [57]

Năm 1977, nhà báo Ian Mather của hãng tin Observer đã đến một trung tâm cải tạo gái mại dâm ở TP. Hồ Chí Minh. Nơi này được thành lập từ năm 1976, và lúc ấy đang giữ khoảng 230 cô gái. Thời gian cải tạo ở đây thông thường từ sáu tháng cho đến một năm hoặc lâu hơn tùy theo sự hợp tác của các cô gái. Họ được dạy nghề thủ công như đan chiếu, học cách chăn nuôi và học cả chủ nghĩa Mác-Lênin. Tuy nhiên, chính quyền cho rằng những trung tâm cải tạo này là vẫn chưa đủ. [58]

Kim Oanh và Thơm trong nghiên cứu của Mai Lan Gustafsson đã trải qua từ một đến hai năm trong trại cải tạo ở đảo Phú Quốc. Hai cô cho biết trại cải tạo ở Phú Quốc nhốt rất nhiều gái mại dâm. Sau một thời gian ở đây, cả hai tiếp tục phải đi cải tạo ở các vùng kinh tế mới gần Đà Lạt từ một đến hai năm nữa thì mới được trở về nhà. [59]

CON LAI ĐI BỤI ĐỜI

Năm 1980, đường Đồng Khởi của TP. Hồ Chí Minh (trước đây là đường Tự Do của Sài Gòn) không còn các bar girl xuất hiện, thay vào đó là những đứa trẻ lai Tây vạ vật từ sáng đến tối. Bên cạnh việc đi xin ăn, những đứa trẻ này cố tìm được phóng viên Mỹ được phép có mặt tại Sài Gòn khi ấy để nhét vào tay họ những lá thư “cầu cứu”. Bill Kurtis, nhà báo của tờ New York Times, được chính quyền Việt Nam cấp phép đưa tin về chất độc màu da cam, đã bí mật thu thập thông tin về tình trạng phân biệt đối xử con lai có cha là người Mỹ tại Việt Nam. Một số bà mẹ từng là các bar girl cho hay, con của họ không được đến trường và bản thân họ không thể tìm được việc làm sau ngày 30/4/1975. [60]

Vì tình trạng kỳ thị nặng nề và sợ chính quyền trả thù, một số bà mẹ đã giấu con mình trong nhà, đem con rời bỏ thành phố, hay cố gắng thay đổi nhân dạng của chúng bằng cách bôi tro lên mặt, nhuộm lại tóc, đốt bỏ giấy tờ và hình ảnh chứng minh con mình có cha là người Mỹ. [61]

Đầu những năm 1980, tình trạng phân biệt đối xử với con lai ở Việt Nam lan tràn trên khắp mặt báo quốc tế. Một số dân biểu Mỹ đã bắt đầu soạn thảo dự luật để giải cứu con lai tại Việt Nam, hay còn gọi là trẻ “bụi đời”. [62]

TRỞ VỀ “NHÀ”

Năm 1982, “Amerasian Immigration Act” (tạm dịch là đạo luật Nhập cư cho con lai Á) đã cho phép con lai tại Việt Nam được tái định cư ở Mỹ. Con lai được ghép vào Chương trình ra đi có trật tự (hay còn lại là Chương trình ODP) để đến Mỹ định cư. Tuy nhiên, số lượng con lai ra đi dưới đạo luật này là không nhiều, vì phải chứng minh có cha là người Mỹ, không được phép ra đi cùng mẹ và người thân. [63]

Đến tháng 7/1984, chính quyền Việt Nam cáo buộc Mỹ tránh né trách nhiệm khi chỉ cho phép 1.000 người Việt đến Mỹ theo chương trình ODP mỗi tháng. Việt Nam yêu cầu Mỹ phải lập một chương trình riêng để nhận từ 5.000 đến 10.000 con lai mỗi tháng. [64]

Hai tháng sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho biết có khoảng 15.000 con lai và nếu Mỹ đồng ý tiếp nhận thì Việt Nam sẽ đẩy hết con lai sang Mỹ. [65]

Cuối thập niên 1980, khoảng 6.000 con lai đã đến Mỹ theo Chương trình ODP. Mỹ nói còn 10.000 con lai tại Việt Nam, trong khi đó chính quyền Việt Nam thì cho rằng còn khoảng 16.000 con lai. [66] Nhiều hình ảnh con lai tại Việt Nam, trong đó có những trẻ em mồ côi và bị khuyết tật nặng ăn xin trên đường phố, như trường hợp của em Lê Văn Minh, [67] đã làm động lòng công chúng Mỹ.

Năm 1986, dân biểu Robert J. Mrazek cho rằng càng chậm trễ đưa con lai ở Việt Nam đến Mỹ thì khả năng hòa nhập của các em vào xã hội Mỹ càng khó khăn. Ông cho biết độ tuổi trung bình của con lai tại Việt Nam vào lúc bấy giờ đã là 17 tuổi. [68]

Năm 1987, Quốc hội Mỹ thông qua “Amerasian Homecoming Act” (tạm dịch là đạo luật Con lai Á trở về nhà). Đây là đạo luật dành riêng cho con lai tại Việt Nam, để các em có thể đến Mỹ cùng với người thân của mình. Đạo luật đã giảm tải đáng kể các thủ tục và quy định về việc chu cấp tài chính cho các trường hợp như diện người tị nạn. Có thể chỉ cần căn cứ vào đặc điểm nhân dạng như màu mắt, tóc tai, khuôn mặt là có thể đến Mỹ theo diện con lai.

Đến năm 1993, số con lai ra đi dưới đạo luật này ước tính lên đến 20.000 cùng với khoảng 50.000 người thân. Con số này đạt 30.000 con lai và 60.000 người thân vào năm 2009. [69]

Do hoàn cảnh bị kỳ thị nặng nề sau chiến tranh, hầu hết các con lai đến Mỹ trong tình trạng rất nghèo khó, thiếu giáo dục và không biết tiếng Anh. Dù được tiếp cận

Em Lê Văn Minh, mưu sinh trên đường phố Sài Gòn năm 1987. Ảnh: Audrey Tiernan/ Newsday.



các dịch vụ hỗ trợ trước và sau khi đến Mỹ, nhưng do một phần đã lớn tuổi nên rất nhiều con lai không thể hòa nhập vào xã hội Mỹ.

Sinh ra trong thời chiến, bị kỳ thị sau ngày hòa bình, sống khó nhọc khi đến Mỹ, số phận của con lai vẫn lênh đênh dù sống ở “quê hương” nào.

Đến nay, người Mỹ vẫn đi tìm con của mình tại Việt Nam và nhiều đứa con từ Mỹ trở về Việt Nam để tìm lại mẹ đẻ. Có người tìm gặp, có người vẫn đang đi tìm.

Lính Mỹ, bar girl, con lai còn sống hiện vẫn đang nếm trải nỗi buồn của chiến tranh, dù cuộc chiến ấy đã kết thúc gần 50 năm. □



VIỆT NAM HỢP TÁC VỚI TRUNG QUỐC VỀ AN NINH MẠNG NHƯ THẾ NÀO?

Phong Cẩm

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 15/07/2024.

Bài báo “Việt Nam - Chine: cybersécurité et contrôle social” (tạm dịch: Việt Nam - Trung Quốc: an ninh mạng và quản lý xã hội) của Tiến sĩ Benoît de Tréglodé xuất bản trên Tạp chí Quốc phòng (Revue Défense Nationale) của Pháp năm 2022 [1] phân tích về việc tăng cường cơ chế hợp tác về an ninh công cộng của chính quyền Trung Quốc và Việt Nam trong đấu tranh chống tội phạm, nhất là nhằm vào các thế lực “phản động” trên không gian mạng để bảo tồn chế độ.

Đối với hai quốc gia, việc duy trì trật tự và bảo vệ vị thế thống trị của đảng là những ưu tiên hàng đầu. Trong khuôn khổ nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Trung Quốc được ký kết vào năm 2008, có một phần liên quan đến hợp tác về an ninh, cảnh sát. Cụ thể là (1) xây dựng một cộng đồng có tương lai chung cho việc thực thi pháp luật và an ninh giữa Trung Quốc với Việt Nam và (2) là bảo vệ lợi ích lâu dài của hai bên, bất chấp những diễn biến ở Biển Đông và thái độ hoài nghi, hiềm khích giữa hai dân tộc.

Theo bài báo, ở cả hai quốc gia, Bộ Công an là chủ thể chính trị có sự ảnh hưởng lớn và chịu trách nhiệm trong nhiều lĩnh vực như duy trì trật tự xã hội, chống tham nhũng, cho tới vấn đề an ninh mạng, giám sát internet và bảo vệ thông tin cá nhân. Với các văn phòng đại diện rộng khắp cả nước, Bộ Công an cũng có các đặc vụ tại các quận huyện của tất cả các thành phố lớn.

Hiện nay, Bộ Công an hoạt động với sáu lĩnh vực chính: cảnh sát, an ninh, tình báo chiến lược, quản lý về thi hành án hình sự, hậu cần (như sử dụng vũ khí, phương tiện kỹ thuật để tấn công, truy bắt tội phạm), khoa học và công nghệ (như quản lý về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).

Trong đó, bộ phận an ninh có một đơn vị chuyên biệt là A.42 (Tổng cục An ninh Bộ Công an), [2] được trang bị công nghệ điện tử tiên tiến để tấn công mạng và giám sát điện thoại di động, và A05 (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) [3] chịu trách nhiệm chống tội phạm mạng. Ngoài ra, trong Bộ Công an còn có Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. [4] Cục này được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cục An ninh mạng (ra đời năm 2014) với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (C50) vào năm 2018.

Tiến sĩ Benoît de Tréglodé cũng lưu ý việc những cơ quan này thi hành công vụ làm hạn chế quyền của các địa phương cũng như gây ra sự chồng chéo trong phối hợp.

Gia tăng sự hỗ trợ từ Trung Quốc

Theo bài báo, mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh có ở hai phương diện: song phương và đa phương. Vào mùa xuân năm 2019, bên lề Diễn đàn hợp tác quốc tế Vành đai và Con đường BRI, hai nước đã đạt thỏa thuận về việc hợp tác nhằm ổn định xã hội trong thời đại kỹ thuật số.

Trong khối ASEAN, Trung Quốc giữ ảnh hưởng nhất định đến việc phát triển các tiêu chuẩn về an ninh mạng. Do đó, Tiến sĩ Benoît de Tréglodé lập luận rằng Việt Nam đã trở thành đối tượng chính trong chính sách an ninh mạng của Trung Quốc tại Đông Nam Á.

Có một sự kiện nổi bật diễn ra vào tháng 6/2017, chỉ sau năm ngày kể từ khi Luật An ninh mạng Trung Quốc có hiệu lực, Bộ Công an Việt Nam đã trình Chính phủ các đề xuất để xây dựng một luật tương tự. Với bảy chương và 43 điều, Luật An ninh mạng Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 1/1/2019) có thể coi như bản sao của Trung Quốc.

Một điểm quan trọng trong luật mới này chính là nhà chức trách yêu cầu các công ty công nghệ có người dùng tại Việt Nam thành lập văn phòng, lưu trữ dữ liệu trong nước và tiết lộ dữ liệu người dùng cho Bộ Công an mà không cần tới quyết định của tòa án.

Cũng giống như ở Trung Quốc, luật này nhấn mạnh việc loại bỏ nội dung “độc hại” trên Internet, giám sát những công dân “tiềm ẩn rủi ro” và kiểm soát luồng thông tin. Ngay sau khi luật có hiệu lực, Chính phủ Việt Nam tuyên bố rằng Facebook vi phạm pháp luật vì đã cho phép nội dung “phỉ báng” chống chính quyền tồn tại trên nền tảng.

Kể từ đó, phía an ninh của Việt Nam đã tăng cường hợp tác với phía Trung Quốc thông qua các khóa đào tạo định kỳ về an ninh mạng. Bắc Kinh cũng trợ giúp Hà Nội xây dựng những công cụ phân tích dữ liệu điện tử nhằm chống tội phạm mạng và từ đó, đóng góp vào việc duy trì tình hình an ninh xã hội giữa hai quốc gia.

Việt Nam sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hệ thống giám sát của mình, đặc biệt là sử dụng kỹ thuật nhận diện khuôn mặt như là cách học hỏi người bạn Trung Quốc.

Chính phủ Việt Nam cung cấp tài trợ và hợp tác với các tập đoàn như FPT, đặc biệt là trong phân khúc trí tuệ nhân tạo (FPT-AI). Một số chuyên gia cho rằng Việt Nam có thể sớm áp dụng công nghệ chấm điểm công dân dựa trên dữ liệu lớn từ FPT-AI và các công ty công nghệ tài chính khác của Việt Nam để thử nghiệm một hệ thống tín dụng xã hội (còn gọi là hệ thống tín nhiệm xã hội). [5]

Nếu nhìn từ góc độ lịch sử thì kể từ những năm 1950, chính quyền Việt Nam đã có hệ thống xếp loại hạnh kiểm học từ nước láng giềng. Công dân có một hồ sơ cá nhân (sơ yếu lý lịch) bao gồm địa chỉ cư trú, nguồn gốc dân tộc, tôn giáo, thông tin gia đình, trình độ học vấn, các trường đã học, kỹ năng ngôn ngữ, nghề nghiệp... cho tới thời gian gia nhập Đoàn Thanh niên, Đảng Cộng sản.

Một hoạt động số hóa dữ liệu cá nhân này đang diễn ra trên toàn quốc, giúp Chính phủ thu thập và tổ chức dễ dàng hơn các tệp cá nhân này và qua đó xem xét việc thiết lập một hệ thống tín dụng xã hội theo kiểu Việt Nam.

Việt Nam vẫn canh chừng Trung Quốc?

Mặc dù có những nhiều hợp tác, phía Việt Nam vẫn cố gắng chống lại sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh.

Công an luôn đại diện cho một cánh tả bảo thủ, ủng hộ việc tăng cường quan hệ với Trung Quốc. Bộ Công an đã lâu nay tự xem mình là đối thủ của Bộ Quốc phòng, trong khi Bộ Quốc phòng thường lên tiếng về những vấn đề xã hội như kêu gọi cải cách kinh tế vào năm 1986, cảnh báo nhà nước về những hệ lụy của tham nhũng vào năm 1997. Năm 2019, cuốn Sách trắng về Quốc phòng Việt Nam [6] đã lần đầu tiên ghi nhận rằng các cuộc tấn công mạng là mối đe dọa lớn đối với an ninh quốc gia.

Với sự tăng cường hợp tác về an ninh giữa hai nước, Bộ Quốc phòng phải đảm trách về đấu tranh trên không gian mạng trong quân đội. Ngày 8/1/2016, Lực lượng 47 được thành lập và tới cuối năm 2017 có tới 10.000 người khắp nước. Đơn vị này cũng chịu trách nhiệm giám sát nội bộ (hoạt động của quân đội và có lẽ cũng giám sát các thành viên của đảng trên internet và mạng xã hội).

Ngày 15/8/2017, Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng (Bộ Tư lệnh 86) được thành lập với tiền thân là Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Tổng tham mưu, trước khi cục này được chuyển giao về Bộ Quốc phòng năm 2018.

Bộ Tư lệnh 86 được coi là quân đội thứ năm (bên cạnh trên bộ, trên biển, trên không, vũ trụ) với nhiệm vụ là bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trong không gian mạng. [7]

Các cơ quan an ninh Việt Nam, bao gồm Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, đều có vai trò trong việc bảo vệ không gian mạng và đảm bảo an ninh hệ thống thông tin của quân đội.

Tương tự như Bộ Công an, Bộ Tư lệnh 86 tham gia vào cuộc chiến chống suy thoái tư tưởng và các thế lực thù địch; trong đó bao gồm cả việc kiểm soát và quản lý mạng xã hội nằm trong phạm vi của họ.

Tuy nhiên, còn một đơn vị khác đã tồn tại trong Bộ Quốc phòng, đó là Cục T1, thuộc Tổng cục II (Tổng cục Tình báo Quân đội Nhân dân Việt Nam), phụ trách tình báo trên không gian mạng và có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng Cục T1 đang hợp tác với Mỹ [8] để cân bằng các hoạt động mạng của Bộ Công An.

Sở dĩ có sự hợp tác này, theo tác giả, là có thể bắt nguồn từ vụ tấn công của hacker Trung Quốc vào hạ tầng thông tin của các sân bay chính tại Việt Nam năm 2016. [9] Vào tháng 9/2018, Bộ Tư lệnh 86 đã cùng Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

ký kết một thỏa thuận hợp tác về bảo đảm an toàn thông tin mạng. [10]

Ở Việt Nam, quân đội chiếm toàn bộ phổ điện vì họ sở hữu một nhà khai thác viễn thông và internet quan trọng với Viettel - đơn vị đã thiết lập tường lửa quốc gia và cũng là một mô hình học từ Trung Quốc.

Theo tác giả, không phải ngẫu nhiên khi hiện nay Thiếu tướng Tống Viết Trung, Phó tư lệnh Bộ Tư lệnh 86, Bộ Quốc phòng trước đây là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viettel; hay Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Truyền thông trước đây là Tổng Giám đốc Tập đoàn Viettel.

Tiến sĩ Benoît de Tréglodé kết luận rằng Hà Nội vẫn duy trì chiến lược “vừa hợp tác vừa đấu tranh”, cẩn trọng với người anh em nước láng giềng. Mặc dù đang phát triển nền ngoại giao công khai để thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, nhưng sự hợp tác với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh mạng cũng rất quan trọng vì nó đáp ứng các vấn đề an ninh nội bộ quan trọng cho tương lai chế độ của Việt Nam. □



Nguồn: Website Tòa ITLOS.

VÌ SAO BÂY GIỜ VIỆT NAM MỚI ỨNG CỬ VÀO TÒA ÁN QUỐC TẾ VỀ LUẬT BIỂN?

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 09/07/2024.

Trong bài viết “Việt Nam và cuộc đua vào vị trí thẩm phán Tòa án Quốc tế về Luật Biển”, chúng ta đã có một số thông tin về vị trí thể chế, quy trình bầu cử, cấu trúc thành viên của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (Tòa ITLOS) cũng như có thêm vài đánh giá sơ lược về tình hình cuộc đua của Việt Nam.

Ví dụ, bài viết cho rằng Việt Nam có thể đang nhắm vào chiếc ghế “tiền lệ ASEAN” của thẩm phán người Thái Lan Kriangsak Kittichaisaree trong bộ máy của ITLOS; hay phân tích rằng vì thẩm phán người Trung Quốc Jielong Duan vẫn còn nhiệm kỳ ITLOS đến năm 2029 nên Việt Nam sẽ không phải tranh ghế với một đại diện đến từ Trung Quốc.

Nhưng chúng ta còn có thể phán đoán điều gì khác cho lần ứng cử này? Liệu có mục tiêu sâu xa nào đằng sau? Việt Nam có đang chuẩn bị nhân sự, kiến thức và kinh nghiệm cho một lần khởi kiện Trung Quốc về các vấn đề tranh chấp ở Biển Đông?

CHUẨN BỊ KIỆN TRUNG QUỐC?

Có lẽ Chính phủ Việt Nam đang chuẩn bị cho việc khởi kiện Trung Quốc? Đây là một viễn cảnh mà nhiều người Việt Nam kỳ vọng, chờ đợi suốt hơn một thập niên qua. Nhưng đáng tiếc, kiện Trung Quốc không còn là một lựa chọn khả dĩ.

Mục tiêu này là bất khả, không phải vì vấn đề quyết tâm chính trị hay sự ủng hộ của quốc tế, mà là vì vấn đề thủ tục và thẩm quyền.

Với tiêu chuẩn kép thường thấy của các cường quốc như Trung Quốc, dù có đến bốn thẩm phán từng phục vụ trong hệ thống Tòa ITLOS nhưng Trung Quốc vẫn ra sức từ chối mọi thẩm quyền của Tòa ITLOS trong việc giải quyết những tranh chấp biển đảo có liên quan đến họ.

Đơn cử, năm 2024, Ủy ban các quốc đảo nhỏ về Biến đổi khí hậu và Pháp luật Quốc tế (Commission of Small Island States on Climate Change and International Law - COCIS) mà dẫn đầu là Tuvalu, Antigua và Barbuda đã đề nghị Tòa ITLOS diễn giải nghĩa vụ của các quốc gia (đặc biệt là các quốc gia công nghiệp, xả thải) trong vấn đề biến đổi khí hậu.

Lo ngại rằng việc Tòa ITLOS đưa ra ý kiến tham vấn (advisory opinion) cho câu hỏi này sẽ dẫn đến nhiều nghĩa vụ bồi thường và giới hạn lợi ích của Trung Quốc trên biển lẫn trên bộ, thế nên quốc gia này phản đối kịch liệt thẩm quyền diễn giải của Tòa ITLOS. Và hành vi này trái ngược hoàn toàn với danh nghĩa quốc gia “dẫn đầu” của phong trào Nam toàn cầu (Global South) mà Trung Quốc thường tự hào tuyên xưng. [1]

Ngoài ra, trong vụ tranh chấp với Philippines, Trung Quốc cũng liên tục dùng đoạn 1 (a), (b) và (c) của Điều 298 - Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển để nhắc về các bảo lưu của mình, đồng thời phủ nhận khả năng mình có thể bị khởi kiện bởi bất kỳ quốc gia nào khác về các vấn đề diễn giải, tranh chấp quyền lợi biển đảo. [2] Điều này bao gồm cả ITLOS lẫn các tòa trọng tài độc lập trong cơ chế của tòa trọng tài thường trực.

Chưa đề cập đến việc liệu Chính phủ Việt Nam có quyết tâm chính trị để theo đuổi một vụ kiện với Trung Quốc hay không, nhưng

những diễn biến trên cho thấy thực tế là Việt Nam có hay không có thẩm phán trong Tòa ITLOS cũng không làm ảnh hưởng đến xu thế tiếp cận pháp luật quốc tế theo hướng “thực định cực đoan” của Trung Quốc, tức chỉ xem những quy định mà Trung Quốc đã công khai chấp nhận là “pháp luật quốc tế”. Mọi định chế diễn giải và giải quyết tranh chấp khác (như Tòa ITLOS) đều bị xem là những hoạt động mục đích luận đi ra khỏi sự đồng thuận ban đầu của họ.

TẠO ẢNH HƯỞNG LÊN NHỮNG DIỄN GIẢI VỀ LUẬT BIỂN QUỐC TẾ?

Vì các chương ngại nói trên, thế nên sẽ thích hợp hơn nếu cho rằng Việt Nam cảm thấy mình có đủ nguồn lực và tiếng nói để xác lập và gây ảnh hưởng lên các quy phạm pháp luật quốc tế liên quan đến vấn đề về biển, biến đổi khí hậu và quyền lợi của các quốc gia đang phát triển ven biển. Ví dụ, cũng từ yêu cầu của Ủy ban các quốc đảo nhỏ về Biến đổi khí hậu và Pháp luật Quốc tế, Tòa ITLOS đã đưa ra một ý kiến tham vấn (ý kiến này nhận được sự đồng thuận tuyệt đối từ 21 thẩm phán) về cách hiểu “ô nhiễm” trong phạm vi diễn giải của Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, đồng thời kèm theo đó là các nghĩa vụ liên quan đến bảo vệ môi trường biển và kiểm chế mức tăng của mực nước biển. [3]

Ý kiến tham vấn của Tòa ITLOS có tính bước ngoặt, bởi trái với trước đây khi khái niệm “ô nhiễm” thường được hiểu là các hành vi xả thải trực tiếp vào nguồn nước biển, thì nay ITLOS mở rộng phạm vi diễn giải nó bao hàm cả vấn đề đại dương nóng dần lên, mực nước biển tăng và vấn đề khí thải nhà kính dẫn đến cả hai hiện tượng này.

Cách diễn đạt này không chỉ mở rộng nội hàm pháp lý, mà còn đặt trách nhiệm cho các quốc gia xả khí thải công nghiệp khổng

lồ như Trung Quốc; đồng thời tạo tiền đề cho việc nỗ lực yêu cầu các quốc gia này hỗ trợ, bồi thường cho những đất nước yếu thế và chịu thiệt hại nghiêm trọng nhất từ việc mực nước biển dâng cao. [4]

Đây có thể nói là một không gian rất có lợi cho Việt Nam, và việc tham gia vào Tòa ITLOS đồng nghĩa với việc Chính phủ Việt Nam có thể hiểu thêm về xu thế trong ITLOS, đóng góp tiếng nói của mình thông qua vị trí thẩm phán, từ đó bảo đảm quyền lợi cần thiết cho mình. Đây là chưa kể trong các trường hợp tranh chấp biển, phân định ranh giới biển giữa các quốc gia khác nhau, Việt Nam có thể đóng góp tiếng nói pháp lý, tạo thêm nhiều tiền lệ có lợi hơn cho mình trong tương lai.

TÌM KIẾM CƠ HỘI Ở TÒA ÁN CÔNG LÝ QUỐC TẾ?

Dù các định chế trong nước thường cổ xúy cho việc phù nhận và xem thường các định chế quốc tế, nhưng chính quyền Việt Nam ở bên ngoài luôn có những đầu tư khá đúng mực vào việc xây dựng hình ảnh của một quốc gia hữu hảo, tôn trọng pháp luật quốc tế và mong muốn đóng góp vào sự ổn định của các định chế quốc tế.

Việt Nam từng có tư cách là thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc (giai đoạn 2020-2021) cũng như có nhiều lần tham gia vào các hoạt động bảo an khác. Việc nắm được một ghế trong Tòa ITLOS có thể được xem là bước tiến mới để Việt Nam khẳng định hình ảnh của mình trước cộng đồng quốc tế.

Điều này một mặt chứng minh sự “trưởng thành” dần của các định chế chính trị, khoa học pháp lý tại Việt Nam, và mặt khác mở thêm cơ hội cho các vị trí tại các cơ quan tài phán quốc tế quan trọng hơn như Tòa án Công lý Quốc tế. □

Photo by Joe Yates /
Unsplash.



ĐIỀU GÌ QUYẾT ĐỊNH SỰ SỐNG CÒN CỦA MỘT NỀN DÂN CHỦ?

Emma Dương

Bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.com ngày 17/07/2024.

Thời gian đầu của quá trình dân chủ hóa, một quốc gia phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy, nhiều nền dân chủ mới không tồn tại được lâu và nhanh chóng quay trở lại chế độ độc tài. Ví dụ, chỉ khoảng hai đến ba năm sau khi Mùa xuân Ả Rập lật đổ những chế độ độc tài ở Trung Đông và Bắc Phi, người dân Ai Cập và một số nước ở Ả Rập khác lại phải sống dưới một chế độ độc tài khác, thậm chí cực đoan hơn. [1]

“Điều gì ảnh hưởng đến sự sống còn của một chế độ dân chủ?”. Có nhiều câu trả lời cho câu hỏi này, từ kinh tế, lịch sử, văn hóa đến môi trường quốc tế. Bài viết này sẽ phân tích hai khía cạnh được cho là có tính quyết định sự hưng vong của một nền dân chủ: (1) mô hình hành pháp và (2) bối cảnh độc tài trong quá khứ.

MÔ HÌNH HÀNH PHÁP

Cơ quan hành pháp (chính phủ) là cơ quan thực thi pháp luật và chính sách được đưa ra bởi nhánh lập pháp (nghị viện/quốc hội). Hiện nay, có hai mô hình hành pháp mà một quốc gia dân chủ non trẻ có thể học tập theo. Một là mô hình chính thể cộng hòa tổng thống (presidential system) mà điển hình là Mỹ. Hai là, mô hình chính thể cộng hòa đại nghị (parliamentary system) của Anh.

Các nhà khoa học chính trị phương Tây vẫn còn tranh cãi liệu mô hình hành pháp phù hợp thì có thể bảo vệ nền dân chủ tốt hơn hay không. Và phe thắng thế đang ủng hộ mô hình chính thể đại nghị kiểu Anh.

Cố học giả Juan Linz (từng là giáo sư tại Đại học Yale, Hoa Kỳ) có lẽ là người ủng hộ mô hình chính thể đại nghị mạnh mẽ nhất. Cách đây hơn 30 năm, trong hai bài nghiên cứu gây tiếng vang đăng trên tạp chí Journal of Democracy, một trong những tạp chí ngành khoa học chính trị uy tín, Linz đã chỉ ra một vài lý do vì sao chính thể cộng hòa đại nghị bảo vệ nền dân chủ tốt hơn mô hình cộng hòa tổng thống. [2]

Thứ nhất, mô hình chính thể đại nghị nhìn chung cho phép nhiều đảng chính trị cùng có mặt ở nghị viện và cùng tham gia vào quản trị đất nước. [3] Điều này có nghĩa là cho phép các đảng chính trị - đại diện cho những nhóm khác nhau trong xã hội - liên minh để cùng chia sẻ quyền lực.

Ngược lại, hệ thống chính thể cộng hòa tổng thống thường chỉ cho phép một đảng duy nhất điều hành chính phủ. Vì không tạo điều kiện cho sự thỏa hiệp và chia sẻ quyền lực nên dễ khiến nền dân chủ non trẻ sụp đổ.

Cần hiểu rằng khi một quốc gia đang quá độ từ nền độc tài sang dân chủ, sẽ có rất nhiều các nhóm trong xã hội muốn có tiếng nói và đại diện trong hệ thống chính

trị, đặc biệt là những nhóm yếu thế trong thời kỳ độc tài trước đây. Một mô hình cho phép nhiều nhóm cùng có mặt ở nhánh lập pháp (quốc hội/nghị viện) và cùng tham gia hành pháp (chính phủ) có thể tạo tiền đề vững chắc cho một nền dân chủ non trẻ.

Thứ hai, vì tổng thống thường có nhiệm kỳ cố định và không dựa vào nghị viện để nắm quyền nên rất khó để loại bỏ một tổng thống không được lòng dân. Thay vào đó, để loại bỏ một tổng thống, cần đến quá trình luận tội (impeachment). [4] Ví dụ, ở Mỹ, để cách chức một tổng thống, đầu tiên Hạ viện phải mở một cuộc điều tra luận tội tổng thống, cáo buộc tổng thống phạm phải những tội nghiêm trọng do hiến pháp quy định. Sau đó, Thượng viện sẽ tổ chức một phiên tòa luận tội để kết tội tổng thống. Tổng thống sẽ bị kết tội và phải từ chức nếu Thượng viện có 2/3 số phiếu đồng ý. [5]

Tuy nhiên, cuộc điều tra luận tội rất dễ bị sử dụng như một trò chơi phe phái giữa các đảng trong quốc hội. [6] Theo Linz, việc thay đổi tổng thống qua quá trình luận tội thường gây ra khủng hoảng cho cả hệ thống chính trị.

Ngược lại, vì thủ tướng được bầu ra từ nghị viện nên phải chịu trách nhiệm trước nghị viện. Nếu thủ tướng không được ưa chuộng, nghị viện có thể kêu gọi một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm (vote of no confidence) để loại bỏ thủ tướng và thành lập chính phủ mới. Điều này có nghĩa là thủ tướng có thể bị loại bỏ bởi chính những thành viên trong đảng của mình nếu mất uy tín. Do đó, nó cho phép việc thay đổi chính phủ liên tục trong hệ thống chính thể đại nghị mà không làm cả hệ thống chính trị khủng hoảng. Nhật và Ý là hai quốc gia thay đổi thủ tướng và chính phủ liên tục, nhưng vẫn là các quốc gia dân chủ mạnh mẽ. [7]

Thứ ba, tổng thống có thể là người hoàn toàn không có kinh nghiệm chính trị,

trong khi thủ tướng bắt buộc phải trải qua nhiều năm chinh chiến trong chính trị. Trong chế độ tổng thống, người dân đi bầu trực tiếp tổng thống nên bất cứ ai có đủ tiềm lực tài chính và có sức lôi cuốn quần chúng, ngay cả khi chưa từng giữ một chức vụ chính trị nào (như Donald Trump) cũng có thể trúng cử. Ngược lại, vì là người người lãnh đạo của đảng có nhiều ghế nhất ở nghị viện (hoặc đảng liên minh) nên thủ tướng thường phải có hàng chục năm kinh nghiệm trên chính trường.

Trong giai đoạn mới chuyển sang dân chủ, các vấn đề kinh tế, môi trường và quản trị tồn đọng từ giai đoạn độc tài sẽ không thể được giải quyết triệt để ngay. Người dân, vốn chưa hiểu nhiều về dân chủ, có thể dễ bị thu hút bởi một nhà lãnh đạo ngoại đạo có xu hướng độc tài nhưng có khả năng kết nối với quần chúng.

Một nhà lãnh đạo ngoại đạo không hẳn là xấu nhưng lịch sử cho thấy rất nhiều các thể chế dân chủ bị suy yếu bởi các nhà dân túy ngoại đạo (populist outsiders). [8] Các nhà độc tài khét tiếng như Adolf Hitler (Đức), Benito Mussolini (Ý), hay Hugo Chávez (Venezuela) đều là những nhà dân túy ngoại đạo, được dân bầu lên qua các cuộc bầu cử dân chủ tự do.

Riêng ở châu Mỹ Latin nơi chính thể cộng hòa tổng thống được nhiều quốc gia áp dụng, trong số 15 vị tổng thống được dân bầu lên ở Bolivia, Ecuador, Peru và Venezuela trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 2012 thì có đến năm người là nhà dân túy ngoại đạo. Cả năm vị tổng thống này đều dần dần củng cố quyền lực và làm suy yếu nền dân chủ. [9]

Thứ tư, chế độ chính thể cộng hòa tổng thống có sự phân chia quyền lực rõ ràng giữa nhánh hành pháp (quốc hội) và lập pháp (chính phủ). Người dân bầu tổng thống và người đại diện trong quốc hội riêng lẻ.

Juan Linz lập luận rằng điểm bất lợi lớn nhất của sự phân chia này là rất khó để chỉ rõ ai và nhánh nào phải chịu trách nhiệm nếu một chính sách thất bại hoặc một cuộc khủng hoảng xảy ra. Người dân có thể quy trách nhiệm vào người đại diện trong quốc hội hoặc tổng thống. Điều này khiến cuộc chiến đổ lỗi giữa hai nhánh, giữa các đảng phái và giữa các chính trị gia trở nên gay gắt. Cuối cùng, không ai phải chịu trách nhiệm cuối cùng.

Ngược lại, trong chính thể cộng hòa đại nghị, ai cũng biết rằng, thủ tướng là người lãnh đạo chính phủ và quốc hội. Khi có những khủng hoảng chính sách xảy ra, người dân có thể chỉ đích danh thủ tướng. Chính vì vậy, rất nhiều thủ tướng không vượt qua được cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm và phải từ chức khi một chính sách thất bại.

HAY MÔ HÌNH ĐỘC TÀI TRONG QUÁ KHỨ?

Lập luận và bằng chứng của Juan Linz tuy khá thuyết phục, nhưng tất nhiên không phải ai cũng đồng ý với những luận điểm trên của ông. Người phản đối Linz mạnh mẽ nhất là hai nhà khoa học chính trị Scott Mainwaring (giáo sư tại Đại học Notre Dame, Mỹ) và Matthew Shugart (giáo sư tại Đại học California, Davis, Mỹ). Trong một bài nghiên cứu đăng trên tạp chí Comparative Politics vào năm 1997, Mainwaring và Shugart chỉ ra hai lỗi lớn nhất trong lập luận và bằng chứng của Linz. [10]

Thứ nhất, trên thế giới, mô hình chính thể đại nghị thường được áp dụng ở các nước châu Âu, trong khi mô hình chính thể cộng hòa tổng thống thường được áp dụng ở các nước Mỹ Latin và châu Phi. [11] Juan Linz nhìn vào các nước châu Âu nơi có nền dân chủ ổn định và các nước châu Mỹ Latin và châu Phi nơi chính trị luôn bất ổn để chứng minh rằng chính thể đại nghị bảo vệ dân chủ tốt hơn chính thể cộng hòa tổng thống. Tuy nhiên, châu Âu

có nền dân chủ bền vững hơn châu Mỹ Latin và châu Phi có thể là vì nhiều lý do khác.

Cụ thể, theo Mainwaring và Shugart, các nước châu Âu có nền kinh tế phát triển hơn các nước Mỹ Latin và châu Phi. Một nước có nền kinh tế phát triển thường cũng có chỉ số dân chủ cao hơn. Chính thể cộng hòa đại nghị cũng thường thấy ở những nước có diện tích địa lý và dân số nhỏ. Xây dựng một nền dân chủ ở các nước nhỏ cũng dễ dàng hơn.

Cũng là người ủng hộ chính thể đại nghị như Mainwaring và Shugart, học giả José Antonio Cheibub (Giáo sư tại Đại học Texas A&M, Mỹ) trong cuốn sách nổi tiếng “Presidentialism, Parliamentarism, and Democracy” xuất bản năm 2007, còn chỉ ra một yếu tố cực kỳ quan trọng ở nhiều nước Mỹ Latin - nơi chính thể cộng hòa tổng thống được ưa chuộng, đó là phần lớn các nước dân chủ Mỹ Latin theo chế độ cộng hòa tổng thống trước đó đều từng là chế độ độc tài quân sự. Trong khi đó, các nước có chính thể cộng hòa đại nghị thường từng trải qua độc tài dân sự. [12] Bằng chứng cho thấy, các nước dân chủ từng từng bị cai trị bởi các nhà quân sự thì dễ sụp đổ hơn. [13]

Có thể, chính các yếu tố như kinh tế, diện tích quốc gia, lịch sử thuộc địa và mô hình độc tài trong quá khứ, chứ không phải là mô hình của cơ quan hành pháp, mới là nguyên nhân thật sự giải thích liệu một nền dân chủ có đứng vững được hay không. [14] Hay nói như lời của Antonio Cheibub, chính thể cộng hòa tổng thống (tình cờ) tồn tại ở các quốc gia có các điều kiện sẵn có thì không phù hợp cho một nền dân chủ.

Mainwaring và Shugart còn cho rằng, liệu mô hình cộng hòa đại nghị có tạo điều kiện cho các đảng chính trị chia sẻ quyền lực hay không còn phụ thuộc vào việc quốc gia đó có bao nhiêu đảng chính trị có thể nắm quyền. Nếu một quốc gia theo

mô hình đại nghị chỉ có khoảng hai đảng chính, thủ tướng cũng không có động lực để thỏa hiệp và chia sẻ quyền lực. Trong trường hợp này, thủ tướng dễ dàng củng cố quyền lực hơn tổng thống nếu có thể chặt chẽ kiểm soát quyền lực trong đảng của mình. Khi chiếm đa số ghế trong nghị viện, một đảng có thể kiểm soát toàn bộ cơ quan hành pháp và lập pháp trong một khoảng thời gian kéo dài, như thường thấy ở Anh. [15] □



Đồ họa: Shiv/ Luật Khoa.

NỀN DÂN CHỦ ẨN MÌNH CHỜ THỜI Ở TRUNG QUỐC: *Từ phân tích Quyết định năm 2013*

Đỗ Thi

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 19/07/2024.

Có một tinh thần tự do tồn tại trong hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) nhưng nó ít được giới quan sát Trung Quốc ở Việt Nam, Mỹ hay phương Tây chú ý. Bằng chứng cho sự tồn tại này là Quyết định năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSTQ về cải cách toàn diện và sâu rộng.

Theo đó, có một bộ khung lý thuyết mà ĐCSTQ đã cố gắng xây dựng vào năm 2013 để thúc đẩy cuộc cải cách lần hai, tiếp nối cuộc cải cách của Đặng Tiểu Bình. Quyết định năm 2013 cho thấy một tư duy từng tồn tại trong giới tinh hoa chính trị của ĐCSTQ về việc chuyển hóa từ chế độ độc tài khép kín sang một thể chế tự do và cởi mở. Ngày nay, quyết định này đã bị rơi vào quên lãng, nhưng nó đáng được tìm hiểu.

Có ba điểm đáng chú ý trong bài diễn văn của Tập Cận Bình vào ngày 19/8/2013, tức khoảng 10 tháng sau khi ông trở thành tổng bí thư. [1]

Một là chủ nghĩa dân tộc cực hữu. Điều này thể hiện qua cách nhìn nhận rằng chủ nghĩa tư bản đã thoái trào và chủ nghĩa xã hội (trong đó Trung Quốc là trụ cột, là kẻ dẫn dắt) thì đang đi lên. Trung Quốc coi phương Tây là đối thủ, không phải là không gian để tương tác, hội nhập. Thời đại của Trung Quốc đã đến. Trung Quốc có vai trò lịch sử dẫn dắt thế giới đến với chủ nghĩa xã hội.

Hai là tư tưởng xây dựng nền chính trị cực tả. Để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản phải kiểm soát tuyệt đối về tư tưởng. Điều này dẫn đến chính sách cải cách thể chế nhà nước sao cho đảng trực tiếp điều hành quốc gia thay vì chỉ lãnh đạo gián tiếp thông qua Chính phủ.

Ba là tầm nhìn về một nền kinh tế thị trường cực tả. Bên cạnh con đường kiểm soát chính trị và xã hội, đảng cũng phải kiểm soát các nguồn lực kinh tế. Quan điểm này đặt nhà nước vào vị trí trung tâm để kiểm soát mọi nguồn lực.

Những điểm nêu trên sau đó đã được triển khai chi tiết hơn và tổng hợp thành “tư tưởng Tập Cận Bình” - tư tưởng mà cả hệ thống chính trị và giáo dục Trung Quốc đều phải học.

Các nhà quan sát Trung Quốc đã nói nhiều về tư tưởng Tập Cận Bình. Tuy nhiên, việc bỏ quên tinh thần đổi lập từng hiện diện ngay trong nội bộ ĐCSTQ sẽ làm cho chúng ta thiếu cái nhìn toàn cảnh. Mặc dù đã bị gạt sang bên lề, tinh thần này vẫn có khả năng tái sinh và chiếm lấy vị trí trung tâm khi có cơ hội đến. Điều này có nghĩa là không chỉ nước Mỹ, hơn ai hết, chính Việt Nam, cần biết về hiện tượng tinh thần đổi để suy nghĩ về con đường tương lai.

DẤU HIỆU MỘT CUỘC TRANH LUẬN NỘI BỘ?

Quyết định năm 2013 của Trung ương ĐCSTQ được công bố vào ngày 15/10/2013, ra đời hơn một năm sau khi Tập Cận Bình nắm quyền tổng bí thư. Hiện, văn bản này vẫn còn lưu trên website của Chính phủ Trung Quốc. [2]

Điều đáng nói, Quyết định năm 2013 phác họa những mục tiêu, lộ trình và giải pháp thực hiện để phát triển quốc gia hoàn toàn khác với quan điểm của Tập Cận Bình. Cụ thể, nó liệt kê ba định hướng nhằm mở ra con đường tự do cho Trung Quốc, đó là (1) xây dựng hệ thống chính trị có sự giám sát và cân bằng quyền lực, (2) một nền tư pháp độc lập, và (3) phát triển xã hội dân sự.

Điều này cũng cho thấy trong nội bộ ĐCSTQ đã từng xảy ra một cuộc tranh luận ngầm về con đường tương lai cho đất nước của họ. Tất nhiên, nó vẫn có khả năng tái sinh nếu có điều kiện thuận lợi.

Đơn cử như sự kiện diễn ra vào ngày 23/5/2024 khi Tập Cận Bình chủ tọa một hội nghị ở Tế Nam để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 3 của Ban chấp hành Trung ương ĐCSTQ khóa XX (khai mạc ngày 15/7). Hội nghị gồm các doanh nghiệp tư nhân, quốc doanh và nhiều chuyên gia kinh tế nổi tiếng tham gia. Điều đáng nói, nội dung thảo luận chủ chốt của hội nghị là ưu tiên tăng trưởng kinh tế tư nhân và tạo ra cơ hội việc làm. [3] Đồng thời, Tập Cận Bình xuất hiện trong hội nghị này không phải với tư cách là người phát biểu chỉ đạo. Những người được mời cho ý kiến tham luận không phải là các chính trị gia mà là lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân và các kinh tế gia hàng đầu, trong đó có Giáo sư Zhou Yiren (Chu Kỳ Nhân) của Đại học Bắc Kinh, một người luôn nhất quán với tinh thần tự do trong “Quyết định” hơn mười năm trước. [4]

ĐỐI CHIẾU CÁC CHỦ TRƯỞNG, QUAN ĐIỂM

Một trong những chiến lược đối thoại của Quyết định năm 2013 là sử dụng lại những khái niệm của Tập Cận Bình, nhưng diễn giải nó theo tinh thần chính trị tự do. Cụ thể như sau:

Trước hết, “khóa quyền lực trong lòng hệ thống”. Ngày 22/1/2013, sau khi nắm quyền tổng bí thư được ba tháng, Tập Cận Bình đã có bài phát biểu tại Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương ĐCSTQ. Ông tuyên bố cần phải “đả hổ diệt ruồi” và xem “khóa quyền lực trong lòng hệ thống” như là một cơ chế trừng phạt để không còn ai dám tham nhũng. [5] Để làm được điều này, đòi hỏi phải tổ chức ra những hệ thống quyền lực vô biên, tuyệt đối, không ai kiểm soát được. Và cơ quan đó là Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương Đảng.

Cơ quan này trước thời của Tập Cận Bình chỉ có chức năng điều tra hồ sơ của đảng viên, đề nghị kỷ luật những đảng viên sai phạm và thẩm tra lý lịch đảng viên cao cấp để bổ nhiệm. Nhưng bây giờ, Tập Cận Bình trao quyền cho cơ quan này đến mức nó lấn át quyền của Bộ Công an. Từ năm 2013 đến 2018, Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Vương Kỳ Sơn, một thân tín của Tập Cận Bình, đã giúp tổng bí thư thực hiện chiến dịch “đả hổ diệt ruồi”.

Nhưng đến 2018, Tập Cận Bình đổi mặt câu hỏi: Ai sẽ kiểm soát Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương?

Thế là ông lại lập ra một cơ quan khác có chức năng tương tự: Ủy ban Giám sát Quốc gia.

Trước Đại hội lần thứ 20 của ĐCSTQ vào tháng 10/2022, Ủy ban Giám sát Quốc gia đã “hạ gục” Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương. Tháng 1/2022, Đồng Hoàn, Phó chủ tịch Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung

ương, tức cấp phó của Vương Kỳ Sơn, đã bị bắt và kết án tử hình treo (tức được giảm xuống còn tù chung thân sau hai năm) vì chính tội mà ông ta có trách nhiệm trừng trị: tham nhũng. [6]

Trước đó, năm 2021, Ủy ban Giám sát Quốc gia đã bắt một chủ doanh nghiệp thân cận với Vương Kỳ Sơn là Trần Phong (Chen Feng). [7] Sau khi kết án Đồng Hoàn, Tập Cận Bình cho bắt Diêu Khương (Yao Qing), cháu rể Vương Kỳ Sơn, với cáo buộc liên quan đến Trần Phong. [8]

Ngày 7/10/2022, trước đại hội hơn một tuần, Tập Cận Bình cho khai trừ đảng đối với Diên Huệ Vũ (Tian Huiyu), cựu thư ký của Vương Kỳ Sơn. [9] Sau đại hội, Vương Kỳ Sơn bị cho về vườn.

Tất nhiên, với cách quản trị quốc gia như vậy thì cũng sẽ đến lúc ông Tập phải đặt câu hỏi: Lập ra Ủy ban Giám sát Quốc gia để khống chế Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương, vậy rồi đây ai sẽ kiểm soát Ủy ban Giám sát Quốc gia?

Đó là một câu hỏi mà mọi chế độ độc tài đều không thể trả lời. Họ cần lực lượng mạnh để đàn áp, kiểm soát và rồi đến lượt mình, họ không biết làm cách nào tin được lực lượng có quyền lực vô đối mà mình đẻ ra.

Quyết định năm 2013 cũng sử dụng lại khái niệm này, nhưng diễn giải lại. Theo đó, nó có nghĩa là chia tách hệ thống tư pháp sao cho độc lập với hệ thống hành chính. Cụ thể, Quyết định năm 2013 đặt ra vấn đề: “Kiến trì sử dụng hệ thống để quản lý quyền lực, công việc và con người, sao cho nhân dân giám sát quyền lực và để quyền lực vận hành dưới ánh mặt trời, là chiến lược cơ bản để khóa quyền lực trong lòng hệ thống”. [10]

Để thực hiện điều này, cần phải “đảm bảo việc thực thi các quyền tư pháp và kiểm sát một cách độc lập và vô tư theo quy định của pháp luật”. Nó cũng đặt ra yêu cầu

ngiên cứu việc thành lập hệ thống tài phán tư pháp, tách biệt rõ ràng với các đơn vị hành chính, bảo đảm thực hiện thống nhất và đúng đắn pháp luật quốc gia. [11] Nói chung, không phải là giới tinh hoa trong ĐCSTQ không nhìn ra vấn đề và giải pháp. Quyết định năm 2013 cho thấy họ đã biết giải pháp căn cơ. Điều đáng buồn cho Trung Quốc là giải pháp và tinh thần đó vẫn bị đàn áp và chưa có cơ hội thực thi.

Thứ hai, vấn đề một đảng lãnh đạo, đa đảng hợp tác. Vấn đề kiểm soát quyền lực luôn đi đôi với chuyện “một đảng hay nhiều đảng”. Đối với vấn đề đảng phái, Trung Quốc đứng trước một nghịch lý: một mặt, cần có quyền lực mạnh, đứng trên thượng đỉnh để thống nhất quốc gia, nhưng nó dẫn đến độc tài toàn trị, đàn áp nhân quyền, khống chế sức sáng tạo của xã hội. Độc tài toàn trị cũng tích tụ năng lượng phản kháng, gây nguy cơ khủng hoảng xã hội và chính trị khi quyền lực của trung ương suy yếu.

Mặt khác, Trung Quốc cần có dân chủ và tự do để phát huy sức sáng tạo của toàn xã hội, nhưng điều này có thể dẫn đến sự chia rẽ và tan rã. Nếu Trung Quốc không xây dựng được một hệ thống luật pháp khoa học để cơ chế dân chủ - tự do vận hành thì nguy cơ chia rẽ sẽ càng rõ ràng khi người ta nhìn sang một siêu cường khác có bề dày lịch sử vận hành chế độ dân chủ từ thời lập quốc như Mỹ.

Từ năm 1949, Mao Trạch Đông dựa trên lý thuyết “chế độ dân chủ mới” đã cho tổ chức khoảng tám đảng phái khác nhau, bao gồm: Ủy ban cách mạng Quốc Dân đảng Trung Quốc (Dân Cách), Đồng minh Dân chủ Trung Quốc (Dân Minh), Hội kiến quốc Dân chủ Trung Quốc (Dân Kiến), Hội xúc tiến Dân chủ Trung Quốc (Dân Tiến), Đảng Dân chủ Công nông Trung Quốc (Nông Công Đảng), Đảng Trí công Trung Quốc (Trí công Đảng), Học xã Cửu Tam, Đồng minh tự trị Dân chủ Đài Loan (Đài Minh). Nhưng các đảng phái này hoàn toàn không tham gia vào chính trị, thậm

chí không hoạt động. Họ chỉ tồn tại về mặt hình thức, được ghi nhận trên giấy tờ, có văn phòng, tổ chức nhưng thành viên đều do ĐCSTQ bổ nhiệm và phần lớn là người từ lực lượng công an sang. ĐCSTQ vẫn kiểm soát toàn diện nền chính trị.

Quyết định năm 2013 cố gắng đi tìm một giải pháp chung và dường như muốn chuyển chế độ chính trị “độc tài cộng sản” của Trung Quốc thành một chế độ “độc tài mở” khi nhấn mạnh phải phát triển chế độ hợp tác đa đảng phái do ĐCSTQ lãnh đạo. [12]

Cụ thể, văn bản này viết: “Cải thiện tham vấn chính trị giữa ĐCSTQ và các đảng dân chủ, đồng thời lắng nghe cẩn thận ý kiến của các đảng phái dân chủ và những người không thuộc đảng. Ủy ban Trung ương ĐCSTQ đề xuất kế hoạch dựa trên các ưu tiên công việc hằng năm và tiến hành tham vấn thông qua các cuộc họp, hội nghị chuyên đề với tinh thần cởi mở, chân thành”. Quyết định cũng yêu cầu phát huy vai trò quan trọng của mặt trận thống nhất và cải cách hệ thống để các đảng phái dân chủ gửi đề xuất trực tiếp đến Ủy ban Trung ương ĐCSTQ. [13]

Với cách tổ chức này, các đảng phái khác mặc dù vẫn do ĐCSTQ kiểm soát toàn diện nhưng sẽ thực hành những hoạt động có tính dân chủ trong hệ thống: tham vấn, đối thoại, tranh luận. Nếu những thực hành này được thực hiện và duy trì thường xuyên, cơ chế đó có thể sẽ từng bước xây dựng nền văn hóa chính trị dựa trên đối thoại ở Trung Quốc. Và tất nhiên, nó có thể chuyển hóa chính trị Trung Quốc sang nền dân chủ mà không cần bạo lực cách mạng. Thứ ba, vấn đề nhân quyền. Quyết định năm 2013 yêu cầu phải cải thiện hệ thống bảo vệ tư pháp nhân quyền. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ nhân quyền; chuẩn hóa hơn nữa thủ tục tư pháp đối với việc niêm phong, tạm giữ, phong tỏa và xử lý tài sản liên quan đến các vụ án và “hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, sửa chữa và giải trình các vụ án oan sai, nghiêm cấm việc lấy tội

bằng tra tấn, nhục hình, ngược đãi và thực hiện nghiêm quy tắc loại trừ chứng cứ trái pháp luật”. Ngoài ra, văn bản này còn định hướng giảm dần việc áp dụng hình phạt tù hình.

Cùng với nhân quyền là vấn đề xã hội dân sự, tức các cá nhân và tổ chức trong một xã hội độc lập với nhà nước. Từ lâu, yếu tố “độc lập với nhà nước” đã trở thành mối lo của các chế độ độc tài như ở Việt Nam và Trung Quốc. Cả hai quốc gia đều bóp nghẹt hoạt động của xã hội dân sự, mặc dù phần lớn hoạt động của các tổ chức này đều không liên quan đến vấn đề quyền lực chính trị, mà tập trung vào các vấn đề xã hội, giáo dục, văn hóa.

Tại Trung Quốc, có một thời gian xã hội dân sự được dọn đường và chào đón. Quyết định năm 2013 không sử dụng khái niệm “xã hội dân sự” (“civil society” hay 民间社会) mà dùng cách diễn đạt tương tự để biểu đạt tinh thần tôn trọng xã hội dân sự. Đó là khái niệm “tổ chức xã hội”, 社会组织.

Có thể hiểu đây cũng giống như một “chiến thuật” đã từng xuất hiện ở Việt Nam khi các học giả dùng khái niệm “xã hội công dân” thay cho khái niệm “xã hội dân sự” vốn bị coi như “tội phạm” trong ngôn ngữ chính trị chính thống. [14]

Quyết định năm 2013 khẳng định phương hướng “kích thích sức sống của các tổ chức xã hội” và “xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa chính quyền và xã hội, đẩy nhanh việc thực hiện tách bạch giữa chính quyền và xã hội” để từ đó thúc đẩy các tổ chức xã hội làm rõ quyền và trách nhiệm, tự quản lý theo pháp luật và phát huy vai trò của mình. [15] Ngoài ra, văn bản này còn đặt ra nhiệm vụ loại bỏ mọi rào cản thể chế và phân biệt đối xử trong vấn đề việc làm. Nhưng trái ngược với tinh thần này, Tập Cận Bình sau đó đã thực hiện chế độ “hệ thống tín dụng xã hội”, sử dụng công nghệ

cao để kiểm soát chặt chẽ đời sống của người dân [16] từ hoạt động mua bán, giao dịch kinh tế đến giao lưu xã hội. [17] Hệ thống này đã theo dõi và chấm điểm hầu như mọi hoạt động hằng ngày của con người. Nếu bạn mua một trò chơi, nó có thể làm giảm điểm số của bạn. Nếu bạn giao lưu với người có điểm số thấp thì điểm của bạn cũng có nguy cơ bị hạ xuống. [18] Nếu bạn có điểm số xã hội cao thì sẽ được ưu tiên tiếp cận người khác phái trên nền tảng kết nối tình duyên hơn những người bị điểm thấp. [19] Tất nhiên, rất nhiều quan điểm cho rằng hệ thống tín dụng xã hội là vi phạm pháp luật về chống kỳ thị và phân biệt đối xử. [20]

Nói thêm, đi kèm với tinh thần tôn trọng các tổ chức xã hội, Quyết định năm 2013 cũng yêu cầu thiết lập một cơ chế biểu đạt, khiếu nại, can thiệp tâm lý, hòa giải xung đột; cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích có trật tự, để các vấn đề của quần chúng có thể được báo cáo; mâu thuẫn có thể được giải quyết; quyền và lợi ích có thể được đảm bảo. Tất cả nhằm tạo lập một hệ thống phòng ngừa và giải quyết xung đột xã hội hiệu quả; hoàn thiện cơ chế đánh giá rủi ro ổn định xã hội do các quyết định lớn tạo ra, [21] thay vì áp chế cá nhân bằng công nghệ cao.

Thứ tư, thị trường tự do. Việc mở cửa thị trường năm 1979 đã cứu Trung Quốc khỏi sa mạc điều tàn của kinh tế cộng sản toàn trị thời Mao Trạch Đông. Từ đó, kinh tế Trung Quốc cất cánh ngoạn mục. Tuy nhiên, nó làm xã hội ngày càng phân tầng gay gắt.

Quyết định năm 2013 đưa ra một thông điệp trung tâm là tôn trọng thị trường. Cụ thể, Trung Quốc phải đi sâu vào việc cải cách thể chế kinh tế để làm cho thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ nguồn lực quốc gia. Đồng thời, phải thúc đẩy phân bổ nguồn lực theo quy luật, giá cả và cạnh tranh thị trường để tối đa hóa lợi ích và tối ưu hóa hiệu quả [22].

Văn bản này cũng tái cấu trúc chức năng của Chính phủ bằng cách khoanh vùng nhiệm vụ vĩ mô của nó là “duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, củng cố và tối ưu hóa các dịch vụ công, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, tăng cường giám sát thị trường, duy trì trật tự thị trường, thúc đẩy phát triển bền vững và thúc đẩy sự thịnh vượng chung”. [23]

Tuy nhiên, dưới quyền của Tập Cận Bình, Trung Quốc đã bẻ lái khỏi con đường vạch ra ở Quyết định năm 2013.

Tập Cận Bình không chọn phương án cực đoan nhất của chủ nghĩa cộng sản cổ điển như thời kỳ Stalin, Mao Trạch Đông là xóa bỏ thị trường, nhưng ông xem thị trường là một đối tượng mà ĐCSTQ phải kiểm soát. Tập Cận Bình hạ thấp vai trò của Chính phủ nhưng không phải để cho thị trường được tự do hơn, mà là để đưa vai trò điều hành nền kinh tế chủ yếu vào tay Đảng Cộng sản.

Hai cách tiếp cận khác nhau của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSTQ năm 2013 và Tập Cận Bình đối với thị trường thể hiện rõ nhất đối với doanh nghiệp tư nhân.

Quyết định năm 2013 đặt ra phương hướng: kiên quyết khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển kinh tế ngoài nhà nước để khơi dậy sức sống và sức sáng tạo của khu vực này. Để đi theo hướng này, cần phải hoàn thiện hệ thống bảo vệ quyền sở hữu tài sản. [24]

Ngược lại, Tập Cận Bình thực thi chiến lược kiểm soát doanh nghiệp tư nhân chủ chốt của Trung Quốc, đặc biệt là những doanh nghiệp công nghệ cao. Các đơn vị này bị buộc phải đầu tư vào và nhận góp vốn từ doanh nghiệp nhà nước.

Trong tình thế đan cài giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, phía nhà nước đương nhiên nắm vai trò chủ đạo trong

hoạch định chiến lược phát triển của công ty và quyết định các vấn đề nhân sự chủ chốt. Tuy chưa đến mức quốc hữu hóa các doanh nghiệp tư nhân nhưng Tập Cận Bình vẫn can thiệp để đặt họ vào vòng kiểm soát.

Ngoài ra, Quyết định năm 2013 còn yêu cầu tuân thủ các quyền, cơ hội và các quy tắc bình đẳng; bãi bỏ các quy định vô lý đối với nền kinh tế ngoài công lập; loại bỏ các rào cản tiềm ẩn khác nhau. [25] Nhưng Tập Cận Bình đi con đường ngược lại khi làm cho doanh nghiệp nhà nước trở thành nhân tố thống trị trên thị trường bằng cách trộn lẫn về mặt quyền sở hữu giữa nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân chủ chốt.

LỰA CHỌN NÀO CHO VIỆT NAM?

Quyết định năm 2013 đã xây dựng một bộ khung lý thuyết cho sự phát triển tương lai của Trung Quốc ở thời điểm bước ngoặt lịch sử, bởi nhiều định chế, triết lý của cuộc cải cách thời Đặng Tiểu Bình không còn phát huy tác dụng trong bối cảnh mới. Để thích ứng, Ban Chấp hành Trung ương ĐCSTQ năm 2013 đã nhìn thấy rằng Trung Quốc cần một động lực mới, với một cuộc cải cách mới. Cuộc cải cách lần hai này phải lấy “thị trường” và “tự do” làm trung tâm, nhưng tiếc là Tập Cận Bình lại dẫn dắt nước lún sâu vào con đường độc tài.

Tuy nhiên, tinh thần ấy đã sinh ra và vẫn còn ở đó, ngấm ẩn như lò magma đang ngủ yên của một ngọn núi lửa và chỉ chờ cơ hội phun trào. Một ví dụ dễ thấy là cuộc biểu tình phản đối chính sách Zero Covid cuối năm 2022 đã nhanh chóng chuyển thành cuộc biểu tình yêu cầu Tập Cận Bình từ chức và đòi tự do dân chủ. [26]

Xem xét trong bối cảnh lớn hơn là cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung, có thể nói yếu tố cốt lõi của mối quan hệ này là những thách thức của siêu cường mới nổi đối với siêu cường đương nhiệm.

Từ năm 2018 đến nay, Mỹ đã định vị cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung là cuộc cạnh tranh giữa hai hệ thống, tự do và toàn trị, dân chủ và độc tài. Lựa chọn trước mắt của Việt Nam về việc đi theo hệ giá trị nào sẽ có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển và tồn vong rất lâu dài về sau của đất nước.





CỘNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

CHUYẾN DU HÀNH CỦA MỘT NHÀ BÁO TỚI THẾ GIỚI MẠI DÂM Ở CAMPUCHIA

và nhân vật chính ở sàn nhảy khi xưa trở thành vợ của anh sau này.

Bảo La

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 02/07/2024.

Cuốn tự truyện “Wohin Du auch gehst: Die Geschichte einer fast unmöglichen Liebe” (tạm dịch: “Dù em ở nơi đâu - Câu chuyện tình không tưởng”) xuất bản năm 2007 của nhà báo Đức Benjamin Prüfer từng được chuyển thể thành bộ phim với tên “Same, same but different” (tạm dịch: Trông vậy mà không hẳn vậy).

Quyển sách này cũng được dịch giả Lê Quang chuyển ngữ từ tiếng Đức sang tiếng Việt với nhan đề “Sống từng ngày”,

kể về cuộc gặp gỡ của hai con người ở hai thế giới khác biệt. Ở cuộc chạm mặt đó, Sreykeo là cô gái người Campuchia, hành nghề mại dâm và hay lui tới các vũ trường nhiều khách Tây; còn Benjamin là một nhà báo người Đức trong hành trình khám phá Đông Nam Á, vô tình gặp và quen Sreykeo ở sàn nhảy.

Cuốn sách này có thể khiến độc giả hình dung nhiều câu chuyện. Đó có thể là hình ảnh của vùng đất “ma quỷ” với những vấn đề về mại dâm, ma túy. Đó có thể là câu



chuyện cảm động về nỗ lực cứu chuộc một cô gái khỏi “ô” mại dâm và chữa trị HIV. Hay là một câu chuyện tình yêu vượt lên mọi xung đột về văn hóa giữa Benjamin và Sreykeo... Nhưng hơn thế, sau quyển sách này, bạn đọc có thể hiểu thêm về quyền con người, về mại dâm và về căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS.

HAI THẾ GIỚI

Trong quyển tự truyện, Benjamin là chàng thanh niên trưởng thành từ một quốc gia phát triển và có tiếng là “khê khàng, sạch sẽ, nghiêm túc”. Chán việc, anh gác hết tất cả và tự do lên đường khám phá vùng đất mới. Còn Sreykeo thì không có lựa chọn như vậy. Bị xâm hại tình dục, không được đến trường, không có bất cứ giấy tờ tùy thân nào, mưu sinh trong nhà thổ và bị gia đình bạo hành là những gì cô phải trải qua.

Nếu như Benjamin từ nhỏ đã được giáo dục để biết tự lo cho bản thân và có vật sở hữu riêng tư của mình thì với Sreykeo, cô chẳng có thứ gì của riêng cả, từ bàn chải đánh răng cho tới quần áo, giày dép. Những thứ này, cả gia đình cô chuyển tay cho nhau để xài chung. Và nếu như Benjamin có thể thoải mái lên kế hoạch chu du trước đó hàng tháng, thì ở thế giới của Sreykeo chỉ có mong mỗi duy nhất là sáng mai thức dậy thấy mình còn tồn tại.

Theo tác giả, trong xã hội tư bản, người ta hoàn toàn có thể chuyển trách nhiệm đối với một người sang một địa chỉ khác như nhà dưỡng lão, công ty bảo hiểm, người điều trị, nhân viên xã hội, cơ sở xã hội. Bởi, người ta xem mối quan hệ giữa người với người cũng cần phải đầu tư, từ thời gian, mối quan tâm, tình cảm và tiền bạc. Do đó, nếu không thấy lợi ích gì, người ta có quyền từ bỏ. Nhưng trái lại, Sreykeo vâng lời vô điều kiện trước cha mẹ, bị mẹ đánh đập, coi như chiếc máy in tiền.

Có lẽ nhìn thấy những gì người bạn gái Khmer Sreykeo trải qua như vượt quá sức

chịu đựng của mình, Benjamin đi từ ánh nhìn khinh thường đến khâm phục, yêu thương cô. Người lữ khách châu Âu khỏe khoắn, bấu chặt lấy thói quen an lành, bỗng cảm thấy mình yếu ớt trước những gian khổ mà người bạn gái Campuchia phải trải qua.

Anh viết: “Xét cho cùng, cô hiểu nhiều về cuộc sống hơn tôi. Những gì cô biết là do cô học từ quan sát, từ đau đớn, chứ không từ điểm ghi trong học bạ. Cô đã trưởng thành trước kỳ kinh nguyệt đầu tiên. Cô không bao giờ tự hỏi mình là ai và vị trí của mình ở đâu, vì cô luôn được cần đến. Cô học cách đứng dậy sau mỗi lần ngã mà không đánh mất niềm kiêu hãnh của mình. Cô chưa bao giờ muốn có một thử thách, vì cô đã vượt qua nhiều thử thách, nhiều hơn sức cô đáng lẽ chịu nổi. Vì sao cô ấy vẫn là một con người bình thường, có trái tim nhân hậu, mặc cho nghịch cảnh tàn bạo?”.

THẤU HIỂU NGƯỜI TRONG CUỘC

Qua các trang viết, Benjamin cho người đọc hiểu rõ hơn về đời sống, tình cảm và giá trị nhân văn của những con người bị cho là ở đáy xã hội. Với những cô gái làm nghề mại dâm, và một trong số họ là Sreykeo - người đã trở thành vợ của anh sau này, thì quá khứ luôn bám riết lấy họ. Theo Benjamin, những cô gái mại dâm đến từ nhiều nơi và hành nghề ở Campuchia không chỉ cần tiền. Họ cũng có mơ ước được giải thoát, lấy một người từ tể và sống một cuộc sống bình thường. Nhưng ngay cả khi có những khách làng chơi yêu thương và chuộc họ về thì họ vẫn không thể từ bỏ con đường mại dâm để kiếm sống, vì xã hội chưa thể sẵn sàng cho họ một cuộc đời mới, và chính họ cũng không có đủ hành trang để làm một nghề khác.

Những cô gái mại dâm còn là nạn nhân của nhiều loại tệ nạn khác. Như Sreykeo và chị em của cô còn phải chịu những trận bạo lực gia đình. Họ là nạn nhân của vấn

nạn buôn người và cưỡng bức lao động, nhưng chính họ cũng không thể hiểu được những thứ bình thường như cơm bữa với họ lại là những điều phạm pháp nghiêm trọng ở xứ sở yên bình của Benjamin. Trong sách, tác giả viết: “Phnom Penh dành cho một cô gái nông thôn thất học đúng ba lựa chọn: công nhân xưởng may, bồi bàn hay mại dâm”.

Thực tế, từ đầu Benjamin cũng thừa nhận mình là một khách làng chơi, nhưng chính anh lại không khỏi đặt ra những vấn đề đạo đức về mại dâm. Người ta cho rằng mại dâm là bóc lột sức lao động, trong khi đó việc một ông chủ Tây vắt kiệt sức của người bồi bàn Khmer bản địa ít học thì không hẳn vậy.

Nhiều người khinh bỉ người hành nghề mại dâm đang kiếm tiền nhờ tình dục, nhưng người ta đã quên rằng những mối quan hệ trên thực tế đều gắn liền với tiền nong, bất kể đó là mối quan hệ với khách hàng, với những cô gái khác hay thậm chí với gia đình mình.

Sau những trải nghiệm cá nhân và khoảng thời gian dài tự vấn, Benjamin đã học được rằng đừng bao giờ trách Sreykeo hay ai khác làm nghề mại dâm, bởi “một lời trách cứ như thế sẽ hủy hoại toàn bộ lòng tự tin mà cô đã dựng nên”. Không thể và không nên dùng con mắt của người ngoài cuộc, một khán giả, một du khách để phán xét những cuộc đời, xã hội khác. “Tôi có thể nghi ngờ tín ngưỡng của cô, có thể quan sát thế giới của cô như một nhà khoa học, có thể phân tích và ghi nhận các mối quan hệ. Nhưng chắc không bao giờ tôi thực sự hiểu thế nào là lớn lên trong chiến tranh và làm nghề mại dâm”, tác giả viết.

GÓC NHÌN NHÂN ÁI HƠN

Sreykeo bị HIV. Và ngay thời điểm Sreykeo phát hiện mình bị căn bệnh này thì cũng là lúc Benjamin muốn kéo cô ra khỏi ổ mại dâm.

Nếu như với Benjamin, những bệnh nhân HIV chỉ là đám đông vô danh xa lạ hay những đám người xuất hiện trên tivi, thì Sreykeo đã chứng kiến điều đó thường xuyên, với cả những người ruột thịt và nay là chính bản thân mình. Dù vậy, với tình yêu, cả hai vẫn chấp nhận cho nhau cơ hội. Tác giả cũng không ngại ngần thừa nhận, anh viết câu chuyện của họ để đăng báo khi đã kiệt quệ tài chính vì tiền chữa trị HIV cho Sreykeo.

Theo như tác giả, vào thời điểm đó, Campuchia hầu như không có bác sĩ bản địa nào được đào tạo bài bản, vì Khmer Đỏ đã tàn sát hết tầng lớp trí thức. Hạn chế về tiếp cận y tế, sự kỳ thị với người HIV khiến họ hết lần này qua lần khác phải lặn lội sang Thái Lan để tìm thuốc chữa trị rẻ nhất có thể.

“Nếu một ngày nào đó cô không kiếm được thuốc nữa thì chấm hết. Nếu cô mua sai thuốc vì không đọc được chữ trên nhãn. Nếu Thái Lan đột nhiên đóng cửa biên giới vài tuần như đã có lần xảy ra trong quá khứ. Nếu bệnh viện bị đóng cửa. Và nếu tôi khi nào đó không có tiền để trả lệ phí thị thực vào Thái Lan, tiền bác sĩ, tiền thuốc, tiền vé xe buýt, nhà trọ. Thêm nữa, chúng tôi không có bác sĩ nào đáng tin cậy”, Benjamin tự thuật.

Là một nhà báo, Benjamin cũng đánh động vấn đề đương thời. Theo anh, nhiều tổ chức châu Âu qua Campuchia giúp đỡ chống căn bệnh AIDS, với khoản tiền quyên góp khổng lồ, nhưng họ lại thiếu những hiểu biết cơ bản về cộng đồng mà họ định trợ giúp, chưa kể, họ còn đang thực hiện với tâm lý của kẻ bề trên, định kiến, và thờ ơ với văn hoá bản địa.

Trong khi đó, đối với người dân Campuchia, càng nghèo khó, bệnh tật thì họ càng trở nên mê tín. Ở đất nước mà phần đông theo đạo Phật, người dân tin rằng tất cả những gì xảy ra với mình đều do chính họ gây ra: hạnh phúc do việc thiện, bất hạnh do việc ác đã làm ở kiếp này hay kiếp trước.

Giữa bối cảnh ấy, với các biến động chính trị, nạn tham nhũng hiện diện khắp nơi ở Campuchia, người ta dạy cho trẻ con rằng đi học hay ra đời mà không có tiền bôi trơn thì chẳng làm được gì.

Benjamin cũng khéo lòng ghép những số phận có màu da và quốc tịch khác nhau dưới thời Khmer Đỏ. Trong đó, có phân cảnh người dân đổ dồn về Đại sứ quán Pháp tại Campuchia để mong được cứu sống và giữa thời khắc sinh tồn ấy, sự bất bình đẳng hiện lên rõ mồn một: người da trắng được phép xuất cảnh nhờ nguồn gốc phương Tây của mình, còn người Campuchia phải rời khỏi sứ quán và chịu một kết cục bi thảm.

Benjamin và Sreykeo đã kể lại câu chuyện cá nhân, câu chuyện tình yêu vượt lên những thách thức về lễ thói và chủng tộc cũng như cái thời đại mà họ đã trải qua. Và thực tế, chúng ta không chỉ cần những người dũng cảm đi tìm kiếm những câu chuyện khó tin, khó nghe như vậy, mà còn phải cần những độc giả sẵn sàng lắng nghe để thấu cảm.

Nếu không có chuyến đi thay đổi cuộc đời ấy, thì trong đầu Benjamin sẽ chỉ toàn có định kiến về những xã hội ở Đông Nam Á. Còn bạn, trong hình dung của chính mình, mại dâm, HIV, thế giới gái gọi, xã hội Campuchia, và Đông Nam Á, đã đang và sẽ như thế nào? □

Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

LỤC XÌ - TÁC PHẨM BÁO CHÍ DỮ LIỆU ĐÁNG ĐỌC VỀ NGHỀ MẠI DÂM THỜI PHÁP THUỘC

Trọng Phụng

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoea.com ngày 16/07/2024.

Độc giả không xa lạ gì cách viết phóng sự xã hội kết hợp với dữ liệu (data) của báo chí ngày nay. Nhưng thế kỷ 20, cụ thể là năm 1937, “ông vua phóng sự Bắc kỳ” Vũ Trọng Phụng đã có một tác phẩm tên “Lục Xì” mang đậm phong cách này.

Ngay từ những năm cuối thế kỷ 19 vắt sang thế kỷ 20, do nhu cầu của thị dân và binh lính Pháp đóng tại các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội, nghề mại dâm xuất hiện và những nhà chứa (hay còn gọi là nhà thổ) nhan nhản mọc lên. Các bệnh lây qua đường tình dục (hoa liễu) cũng từ đó mà bùng phát. Lục Xì (cách gọi của nhà thương chữa bệnh cho người hành nghề

mại dâm) được nhà văn họ Vũ khai thác dưới góc độ y tế, gồm 12 chương viết về các căn bệnh này.

Vũ Trọng Phụng sử dụng nhiều khảo cứu đáng tin cậy từ các chuyên gia y tế, đặc biệt là từ bác sĩ Joyeux, Giám đốc ngạch Vệ sinh thành phố Hà Nội; đồng thời sử dụng nhiều tài liệu của Pháp để mô tả các biện pháp mà nhà chức trách ở mẫu quốc phòng chống nạn hoa liễu.

Bên cạnh đó, tác giả cũng đi thực tế tại các nhà lục xì để quan sát, ghi chép, phỏng vấn các quản lý và giáo viên giảng dạy về việc vệ sinh, cách ngăn ngừa bệnh tật cho phụ nữ bán dâm.



Dù các nguồn tài liệu y khoa có khô khan đến mấy, nhưng với văn tài của Vũ Trọng Phụng, độc giả sẽ thấy tác phẩm rất lôi cuốn, hấp dẫn. Lục Xì như những lát phim ngắn, nhưng sống động, từ việc tả cận cảnh nhà thương chữa bệnh hoa liễu, một ngày khám bệnh diễn ra ra sao cho tới một buổi học “làm đĩ” như thế nào.

Vũ Trọng Phụng trích lời bác sĩ Coppin chỉ ra cách giấu bệnh của gái mại dâm: “Những ngày khám bệnh, từ sáng sớm, khi bọn gái trở dậy là tức khắc họ rửa âm hộ của họ bằng nước ấm có pha phèn. Rửa xong rồi, một thị trong bọn ấy lấy hai tay ấn vào bụng cô ả có bệnh để cho nước trong đường tiểu tiện (?) chảy ra hết. Đoạn sẽ lấy một góc mùi soa hay một ống giấy bản nhét vào tử cung hoặc đường tiểu tiện, mãi cho đến lúc sắp lên bàn khám bệnh [...]”. [1]

Ông cũng không quên đề cập đến trách nhiệm của chính quyền, cụ thể là “Đội con gái” trong công tác quản lý, hỗ trợ gái bán dâm. Tác giả còn trích dẫn những điều luật mơ hồ thời đó để chỉ trích và bày tỏ sự lo ngại về việc cán bộ lạm quyền hòng kiếm chác. Cụ thể, Vũ Trọng Phụng trích nhận định của bác sĩ Coppin - Giám đốc Dispensaire: “[...] Nhất là khi người ta hiểu rõ nhân cách của bọn người An Nam làm việc cho Nhà nước ấy mà cái gì cũng tiền là xong. Mặc lòng bị dò la kỹ thế nào nữa, người “đội con gái” cũng ăn tiền để hoàn sự lòng bắt bọn đi lậu, và do thế, ta thấy những đứa bị bắt toàn là những đứa không có một xu trong túi [...]”. [2]

Viết về nghề mại dâm, tác giả đã không ngần ngại sử dụng những ngôn ngữ tả chân, đôi khi táo bạo sống sượng, nhưng không phải nhằm để tạo mục đích khiêu dâm, mà là qua đó, độc giả thấy được bức tranh chân thực và động lòng lo ngại về những căn bệnh tai quái có thể làm nguy hại giống nòi.

Ngay từ những năm ba mươi của thế kỷ trước, Vũ Trọng Phụng đã chỉ ra vấn nạn mại dâm và cảnh báo về sự nguy hiểm của bệnh tật kéo theo từ nghề “bán hoa” này. Độc giả ngày nay đọc lại Lục Xì cũng là một cách để biết thêm thông tin về một thực trạng đã tồn tại bấy lâu nay. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

HIỆN THỰC KHỐC LIỆT QUA TIỂU THUYẾT “CÂY TỎI NỔI GIẬN” CỦA MẠC NGÔN

Bảo La

Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 09/07/2024.

Trong một bài phát biểu tại Mỹ về con đường sáng tác văn học của mình, nhà văn Mạc Ngôn, người đoạt giải Nobel năm 2012 và được nhiều cây viết quốc tế ví như Kafka của Trung Quốc, đã thừa nhận rằng tác phẩm của ông chịu ảnh hưởng từ chính những trải nghiệm của cá nhân ông tại làng quê tỉnh Sơn Đông. Ở đó có những con người kiên cường và sức chịu đựng đau khổ của họ vượt ngoài khả năng tưởng tượng. [1]

Một trong những tác phẩm nổi tiếng của Mạc Ngôn - tiểu thuyết “天堂蒜薹之歌” (tạm dịch: “Khúc ca của những cây tỏi Thiên Đường”) đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt với nhan đề “Cây tỏi nổi giận”. Lấy bối cảnh năm 1987, khi cuộc cải cách mở cửa do Đặng Tiểu Bình khởi xướng đã diễn ra gần một thế kỷ, quyền sách bóc trần xã hội đen tối của Trung Quốc khi

những con người lao động phải oằn mình sống cuộc đời thấp cổ bé họng dưới chế độ quan liêu. Nói thêm, lúc mới ra đời năm 1988, “Cây tỏi nổi giận” bị nhà chức trách Trung Quốc cấm lưu hành.

Với “Cây tỏi nổi giận”, độc giả sẽ thấy nhiều vấn đề xã hội Trung Quốc sau mười năm diễn ra cuộc Cách mạng văn hóa (1966 - 1976).

Trước hết, đó là bạo lực tràn lan. Mẹ của Cao Dương là nạn nhân của thời kỳ Cách mạng văn hóa khi bị quy là địa chủ. Cái chết tức tưởi, đau đớn của mẹ luôn ám ảnh Cao Dương cả quãng đời dài. Thậm chí, Cao Dương còn bị lên án là chống phá chính sách vì phản đối cuộc cải cách.



Tác phẩm mở đầu bằng sự kiện cảnh sát địa phương đột nhập và bắt giữ Cao Dương vì tội phá hoại văn phòng cơ quan nhà nước. Cao Dương bị giải đi, để lại người con gái mù khóc lóc chạy theo bố. Nói thêm thì việc công an có thể tùy tiện bắt, đánh và giết người là chuyện xảy ra thường trong suốt tiểu thuyết; sẽ có nhiều trang viết ám ảnh độc giả khi cảnh sát hã hê tra tấn người già lẫn trẻ em.

Trước cuộc cải cách, người nông dân bán hết tỏi cho khách hàng độc quyền: nhà nước. Nhưng với chính sách kinh tế mới, những người lao động chân chất phải đối mặt với một cuộc cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Đây chính là sự kiện diễn ra xuyên suốt tác phẩm khi dân nghe lời chính quyền trồng tỏi, để rồi tới mùa thu hoạch thì không bán được và chứng kiến sản phẩm mình làm ra bị hỏng dần. Trong khi đó, quan chức ra sức tham nhũng, lạm quyền và sẵn sàng đàn áp nông dân nào kháng cự hay không chi tiền cho họ.

Thứ hai, xã hội trọng nam khinh nữ. Kể từ khi Đảng Cộng sản nắm quyền tại Trung Quốc vào năm 1949, cưỡng ép hôn nhân là phạm pháp, tuy nhiên, phép vua vẫn thua lệ làng. Gia đình Cô Tư chỉ tập trung lo cho đứa con trai và sẵn sàng gả Kim Cúc để gán nợ, mặc dù biết Kim Cúc và Cao Mã yêu nhau tha thiết.

Ngay cả khi khẩu hiệu nam nữ bình đẳng có từ khi đảng cầm quyền, thì vấn đề bạo lực gia đình vẫn tồn tại. Trong “Cây tỏi nổi giận”, thấy rằng người dân quan niệm việc phụ nữ bị gia đình bố mẹ đẻ hay gia đình nhà chồng bạo hành là chuyện bình thường và có thể chấp nhận được, còn phụ nữ đánh lại gia đình nhà chồng mới là dấu hiệu báo động của xã hội.

Cùng với đó, xã hội bấy giờ vẫn tồn tại câu chuyện ưu tiên sinh con trai. Một câu nói chua xót của người nông dân trong truyện: người ta nuôi chó, thấy chó đẻ con cái thì mừng, nhưng người đẻ con gái lại

buồn. Và hậu quả của điều này là có nhiều gia đình nông thôn nạo phá thai nhi là con gái.

Thứ ba, người đọc thấy một xã hội mà ở đó con người sẵn sàng bán lương tâm cho đồng tiền khi người ta có thể lấy nước lũ và cả thuốc trừ sâu cho vào rượu để đãi khách. Hay là thấy được một nhà nước lạm quyền, tham nhũng, ức hiếp dân chúng. Trong truyện, rất nhiều lần Mạc Ngôn đã miêu tả những giọt nước mắt của người nông dân, vì quá đói nghèo và bị những kẻ có tiền, quyền chà đạp. Mạc Ngôn viết: huyện Thiên Đường đầy mùi tỏi, tiếng khóc, màu máu.

Nhưng dù bị chà đạp đến đâu, và dù có bị quy là chống phá nhà nước, những người nông dân sống bằng nghề trồng tỏi vẫn luôn đấu tranh chống lại áp bức trong khả năng của mình. Trong khi đó, tai họa của quan chức gây ra cho dân vẫn rõ mười mươi nhưng chính quyền trung ương vẫn nhắm mắt làm ngơ. Những lãnh đạo cấp cao hơn kết luận rằng: sự kiện ngồng tỏi xảy ra giữa lúc công cuộc cải cách nông thôn phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải xác định vững chắc quan niệm kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, cho các cán bộ quan liêu sửa sai bằng cách nghiêm chỉnh học tập đường lối, phương pháp chính sách của đảng.

Cốt truyện của tiểu thuyết “Cây tỏi nổi giận” không theo một trình tự thời gian nhất định. Qua các trang viết, đời sống của người nông dân trồng tỏi xen cài giữa quá khứ đau thương, thực tại khốc liệt và một tương lai vô cùng bất định.

Do đó, “Cây tỏi nổi giận” xem ra vẫn là một cuốn sách khó đọc. Thế nhưng, chắc chắn độc giả sẽ không thấy hoài phí thời gian khi đọc tiểu thuyết này, vì những giá trị hiện thực mà tác phẩm phản ánh vẫn còn nguyên cho tới ngày nay. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

“BA NGƯỜI KHÁC”: TÔ HOÀI VIẾT VỀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Lời sám hối hay tiểu thuyết mắng vua?

Bảo La

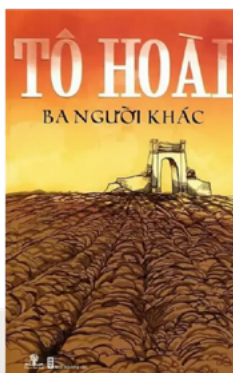
Bài được đăng lần đầu trên [luatkhoa.com](#) ngày 23/07/2024.

Người ta biết đến Tô Hoài với nhiều truyện nổi tiếng về Tây Bắc như “Vợ chồng A Phủ”, hay tác phẩm kinh điển “Dế Mèn phiêu lưu ký”, nhưng không phải ai cũng biết đến việc nhà văn này từng có một tác phẩm bị thu hồi và cấm xuất bản, và tác phẩm ấy viết về cuộc cải cách ruộng đất của chính quyền miền Bắc Việt Nam (được thực hiện từ năm 1953 - 1956).

Cuốn sách được xuất bản lần đầu năm 2006 nhưng sau đó đã bị thu hồi và cấm xuất bản và lý do vì sao thì độc giả có thể phần nào hiểu được. Ngoài ra, sau khi đọc xong tác phẩm, bạn có thể trả lời cho một câu hỏi: Quyển sách này đang “mắng vua” hay là một lời thú tội của tác giả - người từng trực tiếp tham gia cuộc cải cách ruộng đất năm xưa?

Tiểu thuyết “Ba người khác” còn có tên là “Chuyện ba người”. Đây là cuốn tiểu thuyết ngắn của Tô Hoài được viết năm 1992, kể về ba đồng chí sát cánh trong cuộc thanh trừng tầng lớp bóc lột nông dân. Nhưng sau cuộc cải cách, ba người này đã trở thành những con người với số phận rất khác nhau.

Có ba người trực tiếp thi hành chính sách cải cách ruộng đất gồm: đội trưởng Cự, cán bộ đội tên Đình cùng nhân vật tôi - Bối, đội phó đội cải cách. Vì có thành tích trong các đợt cải cách ở Thanh Hóa mà họ được điều đến “cải thổ” ở Hải Dương.



Ba con người có ba tính cách khác nhau, nhưng họ đều thiếu kiến thức về nông thôn, đều bị bắt làm những việc trái chuyên môn, đều mang căn bệnh thành tích trầm trọng và đôi khi tàn ác, vô cảm. Không chỉ vậy, họ thích đưa ra những lời giáo huấn đạo đức giả, chẳng hạn như lên án hủ hóa nhưng lại lén lút thỏa mãn dục vọng vô độ của mình.

Ba vị cán bộ này cũng không có học thức, không có năng lực nhưng vẫn nắm trong tay quyền sinh sát và điều quan trọng là trong suốt câu chuyện, không có ai dám thách thức quyết định của họ.

Trong truyện, cán bộ Đình là người kém may mắn nhất trong số ba người khi sớm bị giết vì bị nghi là thủ lĩnh của Quốc Dân Đảng. Đội trưởng Cự luôn cảnh báo về địch, hoang tưởng địch phá hoại ta và gây ra chết chóc, trộm cắp, nhưng rồi chính Cự ở cuối truyện lại đi theo địch, vào Nam chiêu hồi. Còn đội phó Bối luôn phải bịa ra số liệu về cuộc cải cách ruộng đất vì biết người khác không biết và cũng không dám cãi ngay cả khi sai.

Nội dung trọng tâm của cuộc cải cách ruộng đất là cuộc thi đua truy tìm địa chủ. Mặc dù theo chỉ đạo thì “ở đâu có nông dân, ở đó có địa chủ” nhưng Bối cố hết sức tra cứu lý lịch mà vẫn chưa thể tố ra địa chủ nào. Anh chàng bị cấp trên nhắc nhở chưa hoàn thành chỉ tiêu và được nhắc nhở là “phải soi mói cùng kiệt, không để lọt lưới”. Vì sợ mất chức, vì sợ mất mặt, thế là các cán bộ phải làm sao đó chạy chỉ tiêu “đưa phú lên địa”. Quyền truyện thể hiện một điều: các cán bộ hiểu rõ chính sách cải cách ruộng đất chính là cuộc cào bằng, nhưng buộc phải rêu rao khẩu hiệu và bối lên càng nhiều mống địa chủ thì càng tốt. Trong truyện viết: “Ba đời cùng đình mà nó đấu lên ba đời cai tổng, ba đời mặt thám”. Người ta lao tâm khổ tứ “nặng ra các con số nhân chia bạt tử”. Người ta ganh đua để tìm ra địa chủ. Người ta phải biết diễn, biết ác để tồn tại.

Vì lệnh cấp trên và vì lợi ích của chính mình, các cán bộ bắt dân chúng phải đối xử với nhau theo cách tàn bạo nhất. Khung cảnh cả hội trường ào ào đá đảo địa chủ gian ác có thể sẽ gây ấn tượng mạnh tới độc giả. Và cái chết của địa chủ Thìn trong truyện sẽ làm cho nhiều người đọc thấy bàng hoàng vì một mạng người vừa mới bị đấu tố và ra đi mà không có sự thương xót nào. Quan cảm những người chứng kiến cuộc đấu tố khốc lốc, mà thay vào đó, phải xem nó là ngày thắng lợi của nhân dân. Điều đáng thương thay chính là việc già trẻ, gái trai đều hăng hái, sùng sộ khác thường khi tố giác, đánh người và giết người. Họ hạ bệ, vui dập nhau. Họ trưng thu của cải, chia chác, đánh nhau, cướp của nhau. Và thậm chí, quan còn lợi dụng chức quyền của mình để cướp của, giành đồ từ cái vại, cái cối đâm cho tới mảnh ruộng.

Cuộc tìm kiếm vợ vệt ấy còn náo động không kém gì truy lùng địa chủ.

Sau khi vụn nát óc để tìm ra địa chủ và trình báo cáo thì trở trêu thay, chính sách cải cách ruộng đất phải sửa sai. Nhưng Bối thực sự không biết sửa sai thế nào, vì địa chủ đã bị giết hết.

Chính Bối cũng phải thốt lên: “Cà mảy đọt, lúc nào cũng cảnh giác, cũng đánh địch rồi chia ruộng chia quả thực, chỉ thấy thành tích, trên bảo sao làm vậy chẳng thấy sai chỗ nào, bây giờ lại sửa, biết rồi đến đâu hay lại sai cả, lại phải vào ngồi tù không biết chừng”.

Sở dĩ Bối ngậm miệng vâng lời ngay cả khi cảm thấy Cự ra lệnh hết sức vô lý, vì anh ta biết mình cũng không hề vô tội. Và ở thời điểm đó, cán bộ nào cũng nơm nớp lo sợ bị sờ gáy vì ai cũng có tội, không tham những thì hủ hóa. “Chúng tôi đều như nhóp cả”.

Nhưng rồi cuộc, sau cuộc cải cách tưởng chừng như suôn sẻ, Bối bị kiện vì hoang

dâm, trắng tay, sống trong cô đơn, không thể làm đảng viên và không còn là cán bộ nhà nước. Vị quan thuở nọ tung hoành khắp làng xóm, nắm trong tay quyền sinh tử bấy giờ phải bơm xe để kiếm sống qua ngày.

Một thời gian sau, trong thời kỳ bao cấp, Bối gặp lại Nhỡ - một “cựu địa chủ” đã trốn thoát cuộc cải cách khốc liệt và man rợ năm xưa, nay đã trở thành một ông chủ hàng phở bán chui. Bối đã chấp nhận làm đối tác kinh doanh của Nhỡ.

Lúc này, Bối cũng phát hiện ra sự giả dối của cái gọi là lý tưởng đại đồng mà các “vị vua” đã gieo rắc thời kỳ cải cách ruộng đất, khi anh ta thấy ô tô của thủ trưởng tải bánh phở đi buôn ở chợ đen; thấy chủ lò bánh mặc đại cán đeo kính trắng cặp cặp da đi họp ban ngày và sau đó bị đánh oan ở cảnh cuối cùng.

Trong truyện, tác giả giữ một giọng văn rất lạnh nhạt khi kể về chuyện bán trẻ con, chuyện ném xác người xuống sông trong nạn đói 1945; chuyện đốt văn tự, sổ sách của địa chủ Thìn; chuyện Vách tự sát để chứng minh mình vô tội; chuyện dùng tình dục để mua chuộc và cũng là để uy hiếp lẫn nhau. Thái độ đó có thể sẽ khiến người đọc ám ảnh.

Ba người mang danh “cải cách”, nhưng thực chất đã phá hoại sự yên bình của một vùng quê. Từ đầu đến cuối tác phẩm, các câu chữ đều xoáy vào cái đạo đức giả của các quan cách mạng thực thi một chính sách “tắm máu” dân lành vô tội. □

CHÚ THÍCH

LÒNG DÂN ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- [1] Trần Phương. (2024, July 19). Nguyễn Phú Trọng: Một đời gác đèn và đốt lò. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/07/nguyen-phu-trong-mot-doi-gac-den-va-dot-lo>
- [2] VnExpress. (2024, July 26). Ông Dương Trung Quốc: “Lòng dân là thước đo chuẩn mực nhất.” Vnexpress.net; Báo VnExpress. <https://vnexpress.net/ong-duong-trung-quoc-long-dan-la-thuoc-do-chuan-muc-nhat-4774273.html>
- [3] Trịnh Hữu Long. (2024, July 22). Nguyễn Phú Trọng và di sản chống ngôn luận. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/07/nguyen-phu-trong-va-di-san-chong-ngon-luan>
- [4] Vụ Ciputra: khởi lại trách nhiệm người đứng đầu của ông Nguyễn Phú Trọng? (2024). Radio Free Asia. https://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/reviving-the-ciputra-case-targeting-nguyen-phu-trong-07082024124458.html
- [5] Trọng Phụng. (2023, September 20). Diễn biến: Vụ án của tù tử Lê Văn Mạnh. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/09/dien-bien-vu-an-le-van-manh>
- [6] Di, T. (2018, October 23). Bốn bản án từ hình trên bản tấn Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2018/10/bon-ban-an-tu-hinh-tren-ban-tan-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong>
- [7] May. (2020, September 6). “Đến cuối đời, chồng tôi vẫn tin vào Đảng.” | Luật Khoa tạp chí. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2020/09/den-cuoi-doi-chong-toi-van-tin-vao-dang>
- [8] “Bắt bớ” xảy ra trong biểu tình vì cá chết - BBC News Tiếng Việt. BBC News Tiếng Việt; BBC News Tiếng Việt. <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2016/05/160508-protest-fish-death-environment>
- [9] Biểu tình tại TP HCM sáng 10/6. BBC News Tiếng Việt; BBC News Tiếng Việt. <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam-44428370>

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: MỘT ĐỜI GÁC ĐÈN VÀ ĐỐT LÒ

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng | Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Dangcongsan.vn. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/tong-bi-thu/dong-chi-nguyen-phu-trong-66>

Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng về thăm trường cũ. TUOI TRE ONLINE. <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-ve-tham-truong-cu-20201114135305765.htm>

News, V. (2011, January 19). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - một con người bình dị. Báo Điện Tử VTC News; VTC News. <https://vtcnews.vn/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-mot-con-nguoi-binh-di-ar29176.html>

Tạp chí cộng sản. (2018). Tạp Chí Cộng Sản. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nhung-chang-duong-phat-trien/2018/35141/chuong-i-tap-chi-dang-tu-1930-den-1945.aspx>

Chương IV: Tập chí Cộng sản trong công cuộc đổi mới. Tạp Chí Cộng Sản. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nhung-chang-duong-phat-trien/2018/35138/chuong-iv-tap-chi-cong-san-trong-cong>

cuoc-doi-moi.aspx

Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng | Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Dangcongsan.vn. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/tu-tuong-chinh-phu/dong-chi-nguyen-tan-dung-53>

<https://nvsk.vnnet.vn>. (2023). Ông Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Chủ tịch Quốc hội khóa XI (6/2006). Vnnet.vn. <https://nvsk.vnnet.vn/baochinphu.vn>. (2007, April 2). Quốc hội khóa XI (2002-2007) kết thúc thành công tốt đẹp. Baochinphu.vn; baochinphu.vn. <https://baochinphu.vn/quoc-hoi-khoa-xi-2002-2007-ket-thuc-thanh-cong-tot-dep-1027031.htm>

Xem: <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=4159> (2010, December 17). Nhận xét về “lãnh đạo tương lai” của VN - BBC News Tiếng Việt. BBC News Tiếng Việt; BBC News Tiếng Việt. https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2010/12/101217_professor_thayer-comment

MEDIA TECH. (2024). Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Baothaibinh.com.vn. <https://media2.baothaibinh.com.vn/tin-tuc/1/5948/thong-bao-hoi-nghe-lan-thu-hai-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi>

baochinphu.vn. (2012, May 15). Thông báo Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khóa XI. Baochinphu.vn; baochinphu.vn. <https://baochinphu.vn/thong-bao-hoi-nghe-lan-thu-5-bchtw-dang-khoa-xi-102124888.htm>

Quốc hội thông qua Hiến pháp sửa đổi. baochinphu.vn. <https://baochinphu.vn/quoc-hoi-thong-qua-hien-phap-sua-doi-102154247.htm>

RFI. (2012, October 23). Vì sao thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng không bị mất chức? RFI; RFI. <https://www.rfi.fr/vi/vietnam/20121023-vi-sao-thu-tuong-nguyen-tan-dung-khong-bi-mat-chuc>

Phạm Thế. (2016, January 27). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tái đắc cử. Nld.com.vn; <https://nld.com.vn>. <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-dac-cu-20160127151812195.htm> (2017). Mof.gov.vn. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/chi-tiet-tien?DocName=MOFUCM086125

TUẤN, T. (2015, July 8). Tổng bí thư hội đàm Tổng thống Mỹ: cuộc gặp lịch sử. TUOI TRE ONLINE; tuoitre.vn. <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-hoi-kien-tong-thong-my-quoac-gap-lich-su-774207.htm> (2024). Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) | Tư liệu văn kiện Đảng. Dangcongsan.vn. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghe-bch-trung-uong/khoa-xii/thong-bao-hoi-nghe-lan-thu-nam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-2900>

Reuters. (2019, February 20). Germany aims to reset ties with Vietnam after kidnapping case. Reuters. <https://www.reuters.com/article/us-germany-vietnam/germany-aims-to-reset-ties-with-vietnam-after-kidnapping-case-idUSKCN1Q92V8>

MAI, T. (2022, October 19). Nhận thêm 6 năm tù, ông Tấn Thành Công còn bị kê biên nhà để bồi thường cho Quốc Cường Gia Lai. TUOI TRE ONLINE; tuoitre.vn. <https://tuoitre.vn/nhan-them-6-nam-tu-ong-tat-thanh-cang-con-bi-ke-bien-nha-de-boi-thuong-cho-quoac-cuong-gia-lai-2022010909401427.htm>

Phạm Dự, Báo Hà. (2020, April 27). Ông Nguyễn Bắc Sơn nói lời sau cùng. Vnexpress.net; Báo VnExpress. <https://vnexpress.net/ong-nguyen-bac-son-bi-y-an-tu-chung-than-4090926.html>

Vũ, A. (2019, December 28). Cựu Bộ trưởng Trương Minh Tuấn lãnh án 14 năm tù.

Thanh niên.vn; <https://thanhnien.vn>. <https://thanhnien.vn/cuu-bo-truong-truong-minh-tuan-lanh-an-14-nam-tu-185912866.htm>

Vương Trần. (2020, July 20). Kỳ luật cảnh cáo Thiệu tướng Nguyễn Hoàng - ngành Tư lệnh Quân đoàn 4. Lao dong.vn; Báo Lao Động. <https://laodong.vn/thoi-su/ky-luat-canh-cau-thieu-tuong-nguyen-hoang-nguyen-tu-lenh-quan-dan-4-820969.ldo>

Linh, C. (2021, October 28). Tòa tuyên án Trương Châu Hữu Danh và đồng phạm nhóm “Báo Sạch.” Nld.com.vn; <https://nld.com.vn>. <https://nld.com.vn/phap-luat/truong-chau-huu-danh-va-dong-pham-nhom-bao-sach-lanh-an-tu-2021028174423017.htm>

DANH TRONG. (2022, August 25). Bị cáo Phạm Thị Đoàn Trang bị tuyên y án sơ thẩm 9 năm tù vì chống Nhà nước. TUOI TRE ONLINE; tuoitre.vn. <https://tuoitre.vn/bi-cau-pham-thi-dan-trang-bi-tuyen-y-an-so-tham-9-nam-tu-vi-chong-nha-nuoc-20220825150929829.htm>

MAI, T. (2021, January 5). Bị cáo Phạm Chí Dũng lãnh 15 năm tù. TUOI TRE ONLINE; tuoitre.vn. <https://tuoitre.vn/bi-cau-pham-chi-dung-lanh-15-nam-tu-2021010514726544.htm>

Xem: https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2019/04/362.signed_01.pdf

New leadership must reverse human rights decline in Viet Nam. (2021, January 20). Amnesty International. <https://www.amnesty.org/en/latest/press-release/2021/01/vietnam-new-leadership-reverse-human-rights-decline>

Đỗ Dũng. (2019, May 20). Ông Nguyễn Phú Trọng vắng mặt trong ngày khai mạc Quốc Hội CSVN. Ngôi Việt Online. <https://ngoi-viet.com/viet-nam/vang-mat-nguyen-phu-trong>

Hoàng Thủy. (2021, January 31). Ông Nguyễn Phú Trọng tái đắc cử Tổng Bí thư. Vnexpress.net; Báo VnExpress. <https://vnexpress.net/ong-nguyen-phu-trong-tai-dac-cu-tong-bi-thu-4229275.html>

Đại hội 13 và “nhân sự đặc biệt Nguyễn Phú Trọng” - BBC News Tiếng Việt. <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam-55777929>

VnExpress. (2022). Tin tức Vụ án “chuyến bay giải cứu” mới nhất trên VnExpress. Tin Nhanh VnExpress. <https://vnexpress.net/topic/vu-an-chuyen-bay-giai-cuu-26490>

News, V. (2024). Toàn cảnh “Đại án Việt Á.” VietNamNet News. <https://vietnamnet.vn/su-kien/toan-canh-dai-an-viet-a-802650.html>

VnExpress. (2022). Tin tức Vụ án Vạn Thịnh Phát và bà Trương Mỹ Lan mới nhất trên VnExpress. Tin Nhanh VnExpress. <https://vnexpress.net/topic/chu-tich-van-thinh-phat-truong-my-lan-bi-bat-26453>

TUOI TRE ONLINE. (2024). Toàn bộ bài viết liên quan đến vụ án tập đoàn Phúc Sơn. TUOI TRE ONLINE. <https://tuoitre.vn/vu-an-tap-dan-duc-son-e1737.htm>

TUOI TRE ONLINE. (2024). Những thông tin mới nhất trong vụ án tập đoàn Thuận An. TUOI TRE ONLINE. <https://tuoitre.vn/vu-an-tap-dan-thuan-an-e1777.htm>

Ví dụ, xem: xaydungchinh sach.chinhphu.vn. (2024, April 19). Khởi tố, bắt tạm giam Chủ tịch UBND phường; tạm giữ hình sự 2 nữ cán bộ. Xaydungchinh sach.chinhphu.vn; xaydungchinh sach.chinhphu.vn. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/khoi-to-bat-giam-chu-tich-phuong-119240412104741453.htm>

Nguyễn Phu Trọng's Incomplete Legacy in Vietnam | FULCRUM. (2024, July 19). FULCRUM. <https://fulcrum.sg/nguyen-phu-trongs-incomplete-legacy-in-vietnam/>

Hiếu về vụ bắt giữ Ngô Thị Tố Nhiễm. The 88 Project. <https://the88project.org/hiếu-ve-vu-bat-giu-ngô-thị-tô-nhiễm>

Trần Văn. (2024, May 22). Bắt ông Tiến, ông

Bình, là “phần bội người lao động.” Voice of America; VOA Tiếng Việt. <https://www.voatiengviet.com/a/bat-ong-tien-ong-binh-la-pham-boi-nguoi-lao-dong-7622816.html>

Luật Khoa tạp chí. (2024, January 13). Luật Khoa 360: Sức khỏe của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/01/luat-khoa-360-suc-khoe-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong>

Luật Khoa tạp chí. (2024, May 22). Đại tướng Tô Lâm được bầu làm chủ tịch nước. Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/05/toan-can-h-vu-to-lam-duoc-bau-lam-chu-tich-nuoc>

xaydungchinh sach.chinhphu.vn. (2024, July 19). THÔNG BÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TÌNH HÌNH SỨC KHỎE CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG. [xaydungchinh sach.chinhphu.vn](https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn; xâydungchinh sach.chinhphu.vn); <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/thong-bao-cua-bo-chinh-tri-ve-tinh-hinh-suc-khoe-cua-dong-chi-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-119240718134948189.htm>

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần. (2024, July 19). Báo Nhân Dân Điện Tử; Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tu-tran-post819993.html>

NGUYỄN PHÚ TRỌNG VÀ DI SẢN CHỐNG NGÔN LUẬN

Trần Phương. (2024, July 19). Nguyễn Phú Trọng: Một đời gầy dẻ và đốt lò. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2024/07/nguyen-phu-trong-mot-doi-gac-den-va-dot-lo>

Việt Tân. (2024, July 10). Đại biểu Quốc hội Lê Thanh Vân bị bắt. Vnexpress.net; Báo VnExpress. <https://vnexpress.net/dai-bieu-quoc-hoi-le-thanh-van-bi-bat-4768439.html>

Võ Văn Quân. (2023, April 24). Phong trào dân chủ chủ sự sự suy thoái hay chỉ là một thử nghiệm lịch sử đang tiếp diễn? Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/04/phong-trao-dan-chu-thuc-su-thoi-ao-hay-chi-la-mot-thu-nghiem-lich-su-dang-tiep-dien>

Trần Hà Linh. (2022, December). Khi NGO trở thành “đối tượng”. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2022/12/khi-ngo-tro-thanh-doi-tuong>

B.T.Ngoc. (2018, August). Tổng Bí thư: Triển khai nhanh hơn công tác quy hoạch báo chí. Nld.com.vn; <https://nld.com.vn>. <https://nld.com.vn/thoi-su/tong-bi-thu-dac-biet-quan-tam-su-tac-dong-cua-mang-xa-hoi-internet-doi-voi-xa-hoi-20180801162902057.htm>

Nguyen, X.-H., & Bae Yooll. (2023). Between State Tolerance and Direct Control of Mass Media in Vietnam le Rise and Decline of Quasi-Private Press. Journal of International and Area Studies, 30(2), 1–24. <https://doi.org/10.23071/jias.2023.30.2.1>

Luong, A. (2022, August 5). 2022/79 “How the Party-State Retains Controls over Vietnam’s Blossoming Media Landscape” by Dien Nguyen an Luong. Iseas.edu.sg. <https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2022-79-how-the-party-state-retains-controls-over-vietnams-blossoming-media-landscape-by-dien-nguyen-an-luong>

Tien, T. H. P. (2002). Vietnamese Media in Transition: The Boon, Curse and Controversy of Market Economics. In 10. Vietnamese Media in Transition: The Boon, Curse and Controversy of Market Economics (pp. 231–248). ISEAS Publishing. <https://doi.org/10.1355/9789812306081-014>

Xem [6]/7].

Quyết định số 362/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Chinhphu.vn. https://cpcp.files/vbqp/2019/04/362.signed_01.pdf

KHUYÊ, A. (2023, July 14). Lý do Zing News bị tước giấy phép 3 tháng, nộp phạt 243,5 triệu đồng. TUOI TRE ONLINE; <https://tuoitre.vn/ly-do-zing-news-bi-tuoc-giay-phap-3-thang-nop-phat-243-5-trieu-dong-20230714131737163.htm>

Trịnh Hữu Long. (2019, May 5). Anh Ba Sàm ra tù, bị trải giam thu giữ trên 1.000 trang ghi chép cá nhân. Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2019/05/anh-ba-sam-ra-tu-bi-trai-giam-thu-giu-tren-1-000-trang-ghi-chep-ca-nhan>

MAI, T. (2021, January 5). Bị cáo Phạm Chí Dũng lãnh 15 năm tù. TUOI TRE ONLINE; <https://tuoitre.vn/bi-cao-pham-chi-dung-lanh-15-nam-tu-20210105141726544.htm>

Ngọc, T. (2021, October 28). Chính quyền có thể bỏ tù Báo Sạch, nhưng không thể ngăn người dân biểu đạt lương tâm. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2021/10/chinh-quyen-co-the-bo-tu-bao-sach-nhung-khong-the-ngan-nguoi-dan-bieu-dat-luong-tam>

Yến Khắc Chính. (2021, December 13). Hối nạnh đáp gọn về phiên tòa xét xử nhà báo Đoàn Trang. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2021/12/hoi-nanh-dap-gon-ve-phiên-toa-xet-xu-nha-bao-doan-trang>

Nhà báo Lê Văn Dũng bị tuyên y án 5 năm tù: “Ông ấy mím cười suốt phiên tòa” (2022). Radio Free Asia. <https://www.rfa.org/vietnamese/news/independent-journalist-le-van-dung-appeal-court-1682022-08162022050918.html>

Vũ, T. (2014). The Party v. the People: Anti-China Nationalism in Contemporary Vietnam. Journal of Vietnamese Studies, 9(4), 33–66. <https://doi.org/10.1525/vs.2014.9.4.33>

Kerkvliet. (2022). Public Political Criticism in Vietnam, 1990s–2018. Routledge eBooks, 62–72. <https://doi.org/10.4324/9781315762302-5>

Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-72-2013-ND-CP-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-Internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx>

Google Transparency Report. (2024). Google. com. <https://transparencyreport.google.com/government-removals/government-requests/VN?hl=en&lu=country-breakdown&period=2017H1&country-request-explore=period:2017H1>

Content Restrictions Based on Local Law | Transparency Center. (2017). Meta.com. <https://transparency.meta.com/reports/content-restrictions/country/VN>

Tạ Hiến. (2022, November). Yêu cầu Facebook, Google, TikTok... ngăn chặn, gỡ bỏ hàng chục nghìn nội dung vi phạm. BAO DIEN TU VTV. <https://vtv.vn/xa-hoi/yeu-cau-facebook-google-tiktok-ngan-chan-gu-bỏ-hàng-chục-ng nghìn-nội-dung-vi-phạm-20221101100615197.htm>

Trọng Phụng. (2023, July 20). Timeline: Lịch sử Luật An ninh mạng Việt Nam. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/07/timeline-lich-su-luat-an-ninh-mang-viet-nam>

THANH, N. - (2023, October 11). Xác thực tài khoản mạng xã hội là chính sách quan trọng nhất kiểm soát tin giả. TUOI TRE ONLINE; <https://tuoitre.vn/xac-thuc-tai-khoan-mang-xa-hoi-la-chinh-sach-quan-trong-nhat-kiem-soat-tin-gia-20231011161533709.htm>

Trần Hà Linh. (2023, June 19). Facebook có danh sách quan chức Việt Nam “bắt khả xâm phạm”, theo Washington Post. Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkhoa.com/2023/06/facebook-co-danh-sach-quan-chuc-viet>

[nam-bat-kha-xam-pham-theo-washington-post](https://www.luatkhoa.com/2023/06/nam-bat-kha-xam-pham-theo-washington-post)

Trịnh, H. L. (2024). Foreign tech companies in Vietnam: Challenges and failures in upholding human rights. Legal Initiatives for Vietnam. <https://www.liv.ngo/content/files/2024/06/LIV-Foreign-Tech-Companies-Vietnam-Human-Rights-2024.pdf>

PHẠM DŨNG. (2024, July 22). Công an TP HCM triệu tập 3 đối tượng xúc phạm Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Nld.com.vn; <https://nld.com.vn/cong-an-tp-hcm-trieu-tap-3-doi-tuong-xuc-pham-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-196240722102140526.htm>

Nemo, B., & Larsson, A. (2022, November 19). The Quiet Evolution of Vietnam’s Digital Authoritarianism. TheDiplomat.com; The Diplomat. <https://thediplomat.com/2022/11/the-quiet-evolution-of-vietnams-digital-authoritarianism>

KHI CÁC NHÀ ĐỘC TÀI CHẾT

[1] Kendall-Taylor, Andrea and Erica Frantz. “When Dictators Die.” Journal of Democracy, vol. 27 no. 4, 2016, p. 159–171. Project MUSE, <https://doi.org/10.1353/jod.2016.0071>.

Điều gì quyết định sự sống còn của một nền dân chủ?

[1] Xem: https://www.bbc.com/vietnamese/blogs/2013/08/130821_doanxuanloc_arab_spring

[2] Linz, Juan J. “The perils of presidentialism.” Journal of democracy 1, no. 1 (1990): 51–69; Linz, Juan J. “Presidents vs. parliaments: The virtues of parliamentarism.” Journal of Democracy 1, no. 4 (1990): 84–91.

[3] Các nước chính thể đại nghị thường dùng phương pháp tỷ lệ (proportional representation) để chuyển hóa số phiếu bầu của cử tri thành số ghế trong nghị viện, ngoại trừ Anh. Phương pháp tỷ lệ thường dẫn đến sự hình thành nhiều đảng chính trị.

[4] Xem: <https://www.luatkhoa.com/2019/12/hoc-tieng-anh-qua-thu-tuc-luan-toi-tong-thong-my/>

[5] Xem: <https://www.heritage.org/political-process/commentary/impeaching-donald-trump-game-political-high-stakes-poker?&context=Key%20Takeaways&and%20remove%20him%20from%20office>

[6] Xem: <https://www.nytimes.com/2024/02/01/us/politics/impeachments-weapon-partisan-warfare.html>

[7] Tất nhiên, thay đổi chính phủ thường xuyên sẽ ảnh hưởng đến việc quá trình thực thi luật và chính sách bị gián đoạn. Tuy nhiên, việc này không gây sức cho cả hệ thống chính trị.

[8] Levitsky, Steven, and Daniel Ziblatt. How Democracies Die. Crown, 2019.

[9] Levitsky, Steven, and Daniel Ziblatt. How Democracies Die. Crown, 2019.

[10] Mainwaring, Scott, and Matthew S. Shugart. “Juan Linz, presidentialism, and democracy: a critical appraisal.” Comparative Politics (1997): 449–471.

[11] Điều này có thể do lịch sử và địa chính trị. Các nước châu Âu thường chịu ảnh hưởng của Anh. Trong khi Mỹ có nhiều ảnh hưởng đến châu Mỹ Latin (trong thời kỳ chiến tranh lạnh) và châu Phi (đặc biệt là sau thời kỳ chiến tranh lạnh).

[12] Cheibub, José Antonio, Presidentialism, parliamentarism, and democracy. Cambridge University Press, 2007.

[13] Khi một chế độ độc tài quân sự sụp đổ và chuyển sang dân sự, quân đội thường vẫn đóng một vai trò quan trọng ngay cả khi nhà nước được định hình bởi một chính phủ dân sự. Myanmar là một ví dụ điển hình. Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt chuyển sang

dân chủ của Myanmar khi cuộc bầu cử tự do đầu tiên được tiến hành với sự chiến thắng và nắm quyền của một chính phủ dân sự do đảng Liên đoàn Quốc gia vì dân chủ (NLD) của bà Aung San Suu Kyi lãnh đạo. Nhưng vì theo hiến pháp quân đội Myanmar có 25% số ghế trong quốc hội nên quân đội vẫn giữ một vai trò quan trọng trong chính trị. Quân đội đã thực hiện một cuộc đảo chính lật đổ chính phủ dân sự do dân bầu vào năm 2021.

[14] Mainwaring, Scott, and Matthew S. Shugart. "Juan Linz, presidentialism, and democracy: a critical appraisal." *Comparative Politics* (1997): 449-471.

[15] Nước Anh là nước chính thể đại nghị hiếm hoi sử dụng hệ thống bầu cử đa số tương đối mà ở đó mỗi cử tri chỉ được bầu cho một ứng viên, và người thắng cử là người nhận được nhiều phiếu bầu nhất, ngay cả khi số phiếu đó nhỏ hơn đa số tuyệt đối (50%). Hệ thống này thường dẫn đến sự hình thành của hai đảng chính trị chính (như ở Mỹ).

NỀN DÂN CHỦ ẨN MÌNH CHỜ THỜI Ở TRUNG QUỐC: TỪ PHẢN TÍCH QUYẾT ĐỊNH NĂM 2013

[1] Sau khi Tập Cận Bình thông báo tại giảng đường, có một số cơ quan truyền thông Trung Quốc đưa tin và tóm tắt về nội dung nhưng không đăng toàn văn. Sau đó, đến ngày 4/11/2013, trang China Digital Times đã đăng toàn văn bài giảng của Tập. 网传习近平8·19讲话全文：言论方面要敢抓敢管敢于亮剑, 11/04/2013. <https://chinadigitaltimes.net/chinese/321001.html>

[2] 中共中央关于全面深化改革若干重大问题的决定, 15/11/2013 (Quyết định năm 2013: Quyết định của Trung ương ĐCSQT về một số vấn đề lớn liên quan đến cải cách sâu rộng toàn diện đất nước, 15/11/2013). Đây là nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSQT nhưng hiện website của ĐCSQT không lưu văn bản này. Văn bản vẫn được lưu trên website của Chính phủ Trung Quốc. Các trích dẫn trong bài được lấy từ văn bản này. http://www.gov.cn/jrzq/2013-11/15/content_2528179.htm

Bản chúng tôi lưu trữ: https://web.archive.org/web/20230306062144/http://www.gov.cn/jrzq/2013-11/15/content_2528179.htm

[3] 'SCMP' (South China Morning Post) 24 May 2024) <<https://www.scmp.com/economy/china-economy/article/3263995/xi-jinping-meeting-underlines-chinas-economic-growth-priority-message-clearer-ever-analysts-say>> accessed 2 July 2024

[4] The Economist, 'Xi Jinping's Surprising New Source of Economic Advice' (The Economist) 30 May 2024) <<https://www.economist.com/finance-and-economics/2024/05/30/xi-jinping-surprising-new-source-of-economic-advice>> accessed 2 July 2024

[5] 习近平强调有腐必反有贪必肃 把权力关进笼子里, 2013年01月22日 (Xi Jinping stresses that Corruption must be countered and suppressed, power must be locked in a system cage). <https://www.chinanews.com.cn/gn/2013/01-22/4510583.shtml>

Xi Jinping vows 'power within cage of regulations', By AN BAIJIE (China Daily). Updated: 2013-01-23 01:39. https://www.chinadaily.com.cn/china/2013-01/23/content_16157933.htm

[6] Former disciplinary inspector given suspended death sentence for graft, Source: XinhuaEditor: huaxia 2012-01-28 20:24:02. <https://tinyurl.com/58zkurvy>

[7] HNA Group's chairman and CEO taken by police in China. <https://www.cnn.com/2021/09/27/business/hna-group-chen-feng-china-intl-hnk/index.html>

[8] Xi Jinping's Quest for Control Over China Targets Even Old Friends, by Chun

Han WongFollow, Oct. 16, 2022. <https://www.wsj.com/articles/xi-jinping-china-anticorruption-11665925166>

[9] 招行原行长田惠宇被“双开” 案涉“投资理财”. <https://finance.caixin.com/2022-10-08/101948751.html>

[10] [11] [12] Xem [2]

[14] Xem: Nguyễn Khắc Giang và Nguyễn Quang Thái, Xã hội công dân Việt Nam dưới góc nhìn thể chế, Nhà Xuất bản Đà Nẵng, 2018 (Tập chí Tia sáng, 4 June 2010) <<https://tiasang.com.vn/dien-dan/xa-hoi-cong-dan-mot-trong-nhung-tien-de-br-de-xay-dung-xa-hoi-cong-san-3145/>> accessed 29 April 2024

[15] Xem [2]

[16] "Đề cương quy hoạch xây dựng hệ thống tín dụng xã hội", bản tiếng Trung Quốc: 社会信用体系建设规划纲要. http://www.gov.cn/zhengce/content/2014-06/27/content_8913.htm

Bản dịch tiếng Anh của TS. Rogier Creemers: Planning Outline for the Construction of a Social Credit System (2014-2020). <https://chinacopyrightandmedia.wordpress.com/2014/06/14/planning-outline-for-the-construction-of-a-social-credit-system-2014-2020/>

[17] Kevin Hong, Big data meets Big Brother as China moves to rate its citizens, Wired, 21.10.2017. <https://www.wired.co.uk/article/chinese-government-social-credit-score-privacy-invasion>

[18] Big data meets Big Brother as China moves to rate its citizens. <https://www.wired.co.uk/article/chinese-government-social-credit-score-privacy-invasion>

[19] The tyranny of algorithms is part of our lives: soon they could rate everything we do. <https://www.theguardian.com/commentisfree/2018/mar/05/algorithms-rate-credit-scores-finances-data>

[20] Tuy nhiên, ở một xã hội mà giá trị của mỗi con người bị đặt xuống thấp hơn cái gọi là "tập thể", cách vận hành xã hội bằng hệ thống "tín dụng xã hội" có thể được coi là bình thường. Không có gì bất ngờ khi một nghiên cứu xã hội học phát hiện ra rằng các nhóm xã hội ở Trung Quốc tham gia cuộc khảo sát về quan điểm đối với với chế độ "tín dụng xã hội" đã bày tỏ mức độ đồng thuận cao. Cư dân thành thị, giàu có, bằng cấp học vấn cao cũng thể hiện sự tán thành mạnh mẽ nhất với chủ trương này, tương tự với người cao tuổi thuộc thế hệ trước. Bởi lẽ họ đề cao sự "trung thực xã hội" hơn là bảo vệ quyền riêng tư. Sự xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân được coi là một đánh đổi có thể chấp nhận được đối với họ để đảm bảo cái gọi là sự "trung thực". Xem: Genia Kostka, China's social credit systems and public opinion: Explaining high levels of approval, *New Media & Society*, 2019, Vol. 21(7) 1565-1593. <https://journals.sagepub.com/doi/pdf/10.1177/1461444819826402>

[21] [22] [23] [24] [25] Xem [2]

[26] Wong T, 'China Covid: Protests Continue in Major Cities across the Country' (Bbc.com) 27 November 2022) <<https://www.bbc.com/news/world-asia-63771109>> accessed 21 May 2024.

VIỆT NAM HỢP TÁC VỚI TRUNG QUỐC VỀ AN NINH MẠNG NHƯ THẾ NÀO?

[1] Benoit de Tréglodé, Việt Nam – Chine : cybersécurité et contrôle social, 2022. <https://www.cairn.info/revue-defense-nationale-2022-7-page-116.htm>

[2] Hoài Nam (2009), Cục A.42: Thăm lặn chống khủng bố, phản động, Báo SGGP. <https://www.sggp.org.vn/cuc-a-42-tham-lang-chong-khung-bo-phan-dong-post221180.html>

[3] Xem thêm: <https://tinyurl.com/y9hndrvh>

[4] Xem thêm: <https://tinyurl.com/y9hndrvh>

[5] Xem thêm: <https://tinyurl.com/m2nht27n>

[6] Đỗ Thoa (2019), Công bố Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2019, dangcongans.vn. <https://dangcongans.vn/thoi-su-cong-bo-sach-trang-quoc-phong-viet-nam-nam-2019-543565.html>

[7] Tiến Hưng (2021), Tác chiến điện tử trong chiến tranh hiện đại, qdnd.vn. <https://www.qdnd.vn/cong-nghiep-quoc-phong-4-0/tac-chien-dien-tu-trong-chien-tranh-hien-dai-674070>

[8] Phạm Chí Dũng (2016), T1: Hợp tác tình báo Việt - Mỹ 'sâu' đến đâu?, VOA. <https://www.voatiengviet.com/a/ti-hop-tac-tinh-bao-viet-my-sau-den-dau/3360926.html>

[9] Xem thêm: <https://tinyurl.com/3bkchd8a>

[10] ACV và Bộ Tư lệnh 86 ký kết quy chế phối hợp công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, 2018. Xem thêm: <https://vietnamairport.vn/tin-tuc/tin-tuc-hoat-dong-tong-cong-ty-acv-va-bo-tu-lenh-86-ky-ket-quy-che-phoi-hop-cong-tac-bao-dam-an-toan-thong-tin-mang>

VÌ SAO BÂY GIỜ VIỆT NAM MỚI ỨNG CỬ VÀO TÒA ÁN QUỐC TẾ VỀ LUẬT BIỂN?

[1] 'China's Engagement with the ITLOS Climate Change Advisory Proceedings and Its Strategic Formalism in International Law' (Centre for International Law) <<https://cil.nus.edu.sg/blogs/chinas-engagement-with-the-itlos-climate-change-advisory-proceedings-and-its-strategic-formalism-in-international-law/>> accessed 5 July 2024

[2] South China Sea Arbitration, Philippines v China, Award, PCA Case No 2013-19, ICGJ 495 (PCA 2016), 12th July 2016, Permanent Court of Arbitration [PCA] <https://cpa.cpa.org/en/cases/7/>

[3] Xem: https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/31/Advisory_Opinion/C31_Adv_Op_21.05.2024_orig.pdf

[4] 'MAP Spotlight: ITLOS' (ICAS) <<https://chinaus-icas.org/research/map-spotlight-itus/>> accessed 5 July 2024

QUAN CẢM, QUAN CHO, QUAN THƯƠNG, QUAN GIỮ...

[1] Xem: <https://fb.watch/t2Ki2wIJ4Q/>

[2] Xem: https://fb.watch/t2Kn6GWk_D/

[3] Xem: <https://fb.watch/t2KMOWResQ/>

[4] Xem: <https://www.facebook.com/reel/446396724765609>

[5] Xem: <https://fb.watch/t2KZ1cAaio/>

[6] Xem: <https://www.facebook.com/reel/434990946159087>

[7] TTXVN. (2024, June 23). Cơ quan chức năng ngăn chặn việc lợi dụng hình ảnh ông Thích Minh Tuệ. TUOI TRE ONLINE; tuoitre.vn. <https://tuoitre.vn/co-quan-chuc-nang-ngan-chan-viec-loi-dung-hinh-anh-ong-thich-minh-tue-20240623105418566.htm>

[8] Xem: <https://www.facebook.com/reel/1138618327373845>

[9] Lê thần thiện. (2024). Sư Minh Nhuận đi bộ tới Long An, tình huống bất ngờ [YouTube Video]. In YouTube. <https://www.youtube.com/watch?v=518fMTs9G90>

[10] Vụ sư Thích Minh Tuệ: Công an yêu cầu sư "hộ pháp Kim Cang" không mặc trang phục sư, không đi khất thực. (2024, June 23). Radio Free Asia. <https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/thich-minh-tue-police-summoned-his-fellow-demanding-not-to-wear-monk-clothes-06232024085602.html>

[11] Xem: <https://fb.watch/t2KkQhEQMY/>

[12] Nhật Sóng News. (2024). Nóng: Cha mẹ và anh Thìn em ruột Thích Minh Tuệ CẦU CỨU khắp nơi về tình hình lo lắng Thích Minh Tuệ [YouTube Video]. In YouTube. https://www.youtube.com/watch?v=Yspnm91_lrc

[13] Sư Thích Minh Tuệ mất tích gần 20 ngày: Gia đình trình báo công an. (2024). Radio Free Asia. <https://www.rfa.org/vietnamese/news/>

Republic of Vietnam. US Vietnam Research Center. <https://usvietnam.uoregon.edu/en/democracy-in-action-with-american-influence-the-1970-senatorial-elections-in-the-republic-of-south-vietnam-and-the-opinions-and-behavior-of-voters-part-i/>

[17] Veith, G. J. (2021). Drawn swords in a distant land: South Vietnam's shattered dreams. Encounter Books.

[18] Nguyen, R. (2023). Hiến pháp Đế nhị Cộng hòa: Những được và mất của thể chế dân chủ. US Vietnam Research Center. <https://usvietnam.uoregon.edu/hien-phap-de-nhi-cong-hoa-nhung-duoc-va-mat-cua-the-che-dan-chu/?ref=luatkhoa.com>

[19] Bài thuyết trình của Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu về quy chế chính đảng tại phiên họp khoáng đại Thường Nghị viện ngày 20/01/1975.

[20] Trần Văn Tuyên (1971). Sự phát triển dân chủ tại VNCH. Tập san Quốc phòng, số 10, 4-1971, trang 65-76.

[21] Tai Van Ta (2020), part 5.

“CÁI ĐÓ MỸ” VÀ KHOA KHÁT NỀN GIÁO DỤC DÂN TỘC THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA

[1] Trần Thái Hồng, “Khảo sát hiện trạng giáo dục trung học tổng hợp tại Việt Nam”, Luận thuyết đề trình Hội đồng bằng Cao học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Viện Đại học Sài Gòn 1973, tr.3

[2] Nguyễn Chung Tú, “Những khuyết điểm của nền giáo dục hiện tại”, Bài thuyết trình học tại Đại hội Giáo dục Toàn quốc 1964, Sài Gòn, 1964.

[3] Ralph D. Purdy, “Kiểm thảo và hoạch định về nền giáo dục trung học tại miền Nam Việt Nam”, Sài Gòn: USAID, Education Division, 1971, tr.95.

[4] [5] [6] Purdy, tr.32

[7] Dương Thiệu Tống, “Sự diễn tiến của chương trình Trung học Tổng hợp tại Việt Nam”, Bài Thuyết trình học trong hội thảo Giáo dục Trung học Tổng hợp Toàn quốc, Sài Gòn, 1971.

[8] Trần Thái Hồng, Khảo sát hiện trạng giáo dục trung học tổng hợp tại Việt Nam, Luận thuyết đề trình Hội đồng bằng Cao học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Viện Đại học Sài Gòn 1973, tr.226.

MÃI DÂM THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA - KỶ LĨNH MỸ, SAIGON TEA VÀ ‘BAR GIRL’

[1] Freedom. Money. Fun. Love.”: The Warlord of Vietnamese Bargirls. (2011). JSTOR. Trang 15. <https://www.jstor.org/stable/41440905?seq=1>

[2] Fulbright calls Saigon “An American Brothel.” (1966, May 6). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/36s2axm8>

[3] Pacifists IRK U.S. troops in Viet. (1965, August 9). Herald Special Writer. <https://tinyurl.com/ppyp2zct>

[4] Xem: <https://timesmachine.nytimes.com/timesmachine/1966/02/15/issue.html>

[5] Xem: <https://the-wanderling.com/saigon-tea.html>

[6] Xem: <https://tinyurl.com/3rjs5rw7>

[7] Flowing money in the new South Vietnam - How has it changed the nation's life? (1968, January 28). Newspapers - AP Writer. <https://www.newspapers.com/image/336661585/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam>

[8] Soldiers, bar girls and the war's beautiful babies. (1971, September 8). Google Books - Congressional Record - Senate. <https://shorturl.at/NWUSN>

[9] Difficult postwar lives predicted for Vietnam's play girls. (1969, December 31). Newspapers - AP. <https://www.newspapers.com/image/724551848/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam>

[10] An American Brothel: Sex and

Diplomacy during the Vietnam War (The United States in the World). Amanda Boczar. Trang 43 - 49.

[11] Viet woman attorney urges legal prostitution. (1966, September 28). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/47rxvn8z>

[12] Nucleus of South Vietnam Women's Army in training. (1961, December 2). Newspapers - Coventry Evening Telegraph. <https://tinyurl.com/3x5xnxj>

[13] Vietnam weighs curb on dancing. (1962, January 28). The New York Times. <https://timesmachine.nytimes.com/timesmachine/1962/01/28/issue.html>

[14] Ky says Saigon's bar girls may be given limited range. (1965, December 2). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/2ca93yte>

[15] Battlefield: Vietnam - Timeline. (n.d.). PBS. <https://www.pbs.org/battlefieldvietnam/timeline/index1.html>

[16] It's Time for South Korea to Acknowledge Its Atrocities in Vietnam. (2022, December 30). FP. <https://foreignpolicy.com/2022/12/30/vietnam-war-south-korea-massacres-history-diplomacy/>

[17] Australian troops committed to Vietnam. (2024, May 28). National Museum Australia. <https://www.nma.gov.au/defining-moments/resources/australian-troops-committed-to-vietnam>

[18] New Zealand and the Vietnam War. (n.d.). National Library Wellington. <https://natlib.govt.nz/schools/topics/5be4fbaffb002c6e45fc28ef/new-zealand-and-the-vietnam-war>

[19] In Buddha's Company: Thai Soldiers in the Vietnam War. (2011). JSTOR. <https://www.jstor.org/stable/j.ctt6wqpgn>

[20] The Philippines: Allies During the Vietnam War. (2006). History Net. <https://www.historynet.com/the-philippines-allies-during-the-vietnam-war/>

[21] Life in South Vietnam: Graft In All Shapes, Sizes. (1968, February 6). Newspapers - AP. <https://www.newspapers.com/image/980609009/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam>

[22] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>

[23] Ky says Saigon's bar girls may be given limited range. (1965, December 2). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/2ca93yte>

[24] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>

[25] Freedom. Money. Fun. Love.”: The Warlord of Vietnamese Bargirls. (2011). JSTOR. Trang 15. <https://www.jstor.org/stable/41440905?seq=1>

[26] War ain't all that's winding down. (1972, November 27). Newsday Special Correspondent. <https://www.newspapers.com/image/714742439/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam>

[27] He Enlisted at 14, Went to Vietnam at 15 and Died a Month Later. (2019, June 7). The New York Times. <https://www.nytimes.com/2019/06/07/nyregion/youngest-american-soldier-killed-vietnam.html>

[28] War ain't all that's winding down. (1972, November 27). Newsday Special Correspondent. <https://www.newspapers.com/>

[image/714742439/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam](https://www.newspapers.com/image/714742439/?match=1&terms=bar%20girl%2C%20south%20vietnam)

[29] Soldiers, bar girls and the war's beautiful babies. (1971, September 8). Google Books - Congressional Record - Senate. <https://shorturl.at/NWUSN>

[30] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>

[31] Saigon plans to transfer prostitutes to enclosure. (1966, June 7). Reuters on the New York Times. <https://timesmachine.nytimes.com/timesmachine/1966/06/07/issue.html>

[32] [33] Woman urges legalized Viet prostitution. (1966, September 28). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/4y2fap8>

[34] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>

[35] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>. Trang 22, 23.

[36] South Viet Nam: Cleaning up Saigon. (1967, December 1). TIME. <https://time.com/archive/6647913/south-viet-nam-cleaning-up-saigon/>

[37] Xem [33].

[38] Trang 57.

[39] Dynamics of coastal tourism: drivers of spatial change in South-East Asia. (2024, January). Wiley Online Library. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1111/sjt.12512>

[40] Uneasy Allies: The Americanization of Sexual Politics in South Vietnam. (2014). Kath - Kentucky Association of Teachers of History. <https://kath-online.org/wp-content/uploads/2015/01/herringawardwinner2014-boczar.pdf>.

MÃI DÂM THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA - KỶ 2: SỞ PHẬN CỦA CON LAI

[41] Saigon Bargirls are pressed for time to catch GI husband. (1973, January). Newspaper - AP. <https://tinyurl.com/yd6b5ufy>

[42] Mama-sans of sin in trouble. (1972, April 23). Newspaper - AP. <https://tinyurl.com/msseb95m>

[43] Saigon's mayor orders bars to quit city center. (1972, March 7). The New York Times. <https://www.nytimes.com/1972/03/07/archives/saigons-mayor-orders-bars-to-quit-city-center.html>

[44] The crushed butterflies of war. (1972, July 4). Newspapers - the Guardian. <https://tinyurl.com/yeif4za2>

[45] What of the Vietnamese Illegitimate war babies? (1969, November 9). Minneapolis Tribune - Far East Correspondent. <https://www.newspapers.com/image/184887966/?match=1&terms=american-fathered%2C%20south%20vietnam>

[46] Xem [42].

[47] Many American GIs leaving their children also in Indochina. (1971, July 21). Newspapers - AP. <https://www.newspapers.com/image/745890016/?match=1&terms=american-fathered%2C%20south%20vietnam>

[48] GI-fathered children stir concern in Saigon. (1971, July 26). Newspapers - the New York Times Service. <https://www.newspapers.com/image/281533442/?match=1&terms=american-fathered%2C%20>

[south%20vietnam](#)

[49] Xem [47].
[50] [51] Xem [48].
[52] Children of War: The Problems of Amerasian Children in Vietnam. T. Grant Callery. (1973). Case Western Reserve Journal of International Law. <https://scholarlycommons.law.case.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2121&context=jil>
[53] Influx of South Vietnamese Warfags stirs concern for American orphans. (n.d.). Newspapers - Time Staff Writer. <https://tinyurl.com/5djxv2ws>
[54] Operation Babyfift (1975). (n.d.). PBS. <https://tinyurl.com/3n3fajzn>
[55] North Vietnam demands U.S. halt “forcible evacuation.” (1975, May 1). Newspapers - AP. <https://tinyurl.com/y2u92vym>
[56] Bodies cured - but not minds. (n.d.). Newspapers - Foreign Editor. <https://www.newspapers.com/image/121280837/?terms=re-education%20in%20South%20Vietnam&match=1>
[57] Indoctrination in S. Vietnam is “re-education.” (1977, November 4). Observer Foreign News Service. <https://www.newspapers.com/image/77675177/?terms=prostitute&match=1>
[58] Xem [54].
[59] Freedom. Money. Fun. Love.”: The Warlord of Vietnamese Bargirls. (2011). JSTOR. Trang 15. <https://www.jstor.org/stable/41440905?seq=1>
[60] Fear dim efforts to bring war babies “home.” (1980, March 6). The New York Times Special Features. <https://tinyurl.com/mr2nv9mn>
[61] Most of them are unwanted, jobless and homeless, but children of U.S. servicemen still hope for a better life in the land of their fathers : Amerasians: Vietnam’s Misbegotten Legacy. (1982, April 30). Los Angeles Times. <https://www.latimes.com/archives/la-xpm-1989-04-30-mn-2868-story.html>
[62] Xem [57].
[63] Vietnam’s half-American children at center of dispute. (1984, July 29). Newspapers - AP Writer. <https://www.newspapers.com/image/781939705/?terms=re-education%20camp%2C%20Vietnam&match=1>
[64] Xem [60].
[65] U.S. entry opening for Vietnamese. (1984, September 12). Newspapers - New York Time Writer. <https://www.newspapers.com/image/613485685/?terms=re-education%20camp%2C%20Vietnam&match=1>
[66] Xem [58].
[67] Xem thêm: <https://www.nki.vn/post/dao-luat-con-lai-ve-que-huong-amerasian-homecoming-act-nam-1988>
[68] Age at Immigrant Arrival and Career Mobility: Evidence from Vietnamese Refugee Migration and the Amerasian Homecoming Act. (2024, January). NBER Working Paper series. https://www.nber.org/system/files/working_papers/w32067/w32067.pdf
[69] Xem [64].

LỤC XÌ - TÁC PHẨM BÁO CHÍ DỮ LIỆU ĐĂNG ĐỌC VỀ NGHỀ MẠI DÂM THỜI PHÁP THUỘC

[1] Trang 278, Vũ Trọng Phụng - Phóng sự Cạm bẫy người - Kỹ nghệ lấy Tây - Cơm thầy cơm cô - Lục Xì | Nhà xuất bản Văn học
[2] Như trên - trang 263

HIỆN THỰC KHỐC LIỆT QUA TIỂU THUYẾT “CÂY TÔI NỒI GIẬN” CỦA MẠC NGÔN

[1] Xem: <https://www.youtube.com/watch?v=O4T4nCq9BII>

THEO DÕI

Luật Khoa Tập chí để cập nhật các bài viết hữu ích về Nhân quyền, Dân chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com

Facebook www.fb.com/luatkhoa.org

Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi

Youtube bit.ly/LK-Youtube

Store store.luatkhoa.com

Spotify spotify.fi/3vcQD5x

Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi

Telegram t.me/s/luatkhoatc

Số tháng Tám, 2024

LUẬT KHOA

tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: docgia@mail.luatkhoa.com